



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**ĐẤU GIÁ QUYỀN MUA CỔ PHẦN PHÁT
HÀNH THÊM THUỘC SỞ HỮU CỦA TẬP
ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT
NAM TẠI NHTMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Tháng 7 - 2011

PHẦN I

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN MUA CỔ PHẦN PHÁT HÀNH THÊM THUỘC SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

1. Thông tin về đợt đấu giá

Số lượng quyền mua bán đấu giá	: 25.051.999 quyền mua
Giá khởi điểm	: 100 đồng/quyền mua
Đặc điểm quyền mua	: Nhà đầu tư sở hữu 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam trong đợt phát hành tăng vốn từ 5.000 tỷ đồng lên 7.000 tỷ đồng với giá 12.000 đồng/cổ phần Thời hạn cuối cùng nộp tiền mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngày 29/8/2011 (theo thông báo của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)
Số lượng quyền mua tối đa một tổ chức được đăng ký mua	: Không vượt quá quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng
Số lượng quyền mua tối đa một cá nhân được đăng ký mua	: Không vượt quá quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng
Số lượng quyền mua đăng ký mua tối thiểu	: 100 quyền mua

2. **Phương thức đấu giá:** Đấu giá công khai tại Công ty cổ phần chứng khoán FPT.

3. **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

4. **Đặt cọc:** Bằng 100% giá trị tổng số quyền mua đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

5. **Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

6. **Thời gian đăng ký tại nơi thực hiện đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

7. **Thời gian tổ chức thực hiện đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam..

8. **Thời gian tổ chức đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.
9. **Địa điểm tổ chức đấu giá:** Trụ sở Công ty cổ phần chứng khoán FPT
Địa chỉ: Tầng 2 - 71 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội
10. **Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua lại được cổ phần căn cứ theo kết quả đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế đấu giá quyền mua cổ phần phát hành thêm thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam...

PHẦN II

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Theo Bản cáo bạch Phát hành tăng vốn từ 5.000 – 7.000 đồng đã được UBCKNN thông qua)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Giấy CNDKKD lần đầu số 055501 do Trọng tài Kinh tế TP.Hải Phòng cấp ngày 10/03/1992, đã chuyển thành Giấy CNDKKD số 0200124891 (số cũ là 0103008429) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/12/2010)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy đăng ký chào bán số 68/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/07/2011)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM (MSB)

Địa chỉ : Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3771 8989 Fax: (84.4) 3771 8899
Email : msb@msb.com.vn Website: www.msb.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Trụ sở chính : Tầng 1&3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3776 5929 Fax: (84.4) 3776 5928
Website : www.msbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Ông **Trần Anh Tuấn** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại : (04) 3771 8989 Fax : (04) 3771 8899

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Giấy CNĐKKD lần đầu số 055501 do Trọng tài Kinh tế TP.Hải Phòng cấp ngày 10/03/1992, đã chuyển thành Giấy CNĐKKD số 0200124891 (số cũ là 0103008429) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/12/2010)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 200.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	: 2.000.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Địa chỉ : Tầng 1&3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3776 5929 Fax: (84.4) 3776 5928
Website : www.msbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED

Địa chỉ : Tầng 15, 360 Kim Mã, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3831 5100 Fax: (84.4) 3831 5090
Website : www.ey.com

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC HÌNH.....	viii
PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT.....	1
2. RỦI RO VỀ TÍN DỤNG	1
3. RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI.....	2
4. RỦI RO VỀ THANH TOÁN	2
5. RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG.....	3
6. RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG.....	4
7. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP.....	4
8. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN.....	5
9. RỦI RO SỬ DỤNG VỐN.....	5
10. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU	6
10.1. Rủi ro pha loãng EPS.....	6
10.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách.....	6
10.3. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	7
11. RỦI RO KHÁC	7
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	9
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	9
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	10
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA MARITIME BANK	13
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
1.1. Giới thiệu chung về Maritime Bank	13
1.1.1. Ngành nghề kinh doanh	13
1.1.2. Tôn chỉ phát triển	14

1.1.3.	Tầm nhìn của Maritime Bank	14
1.1.4.	Sứ mệnh	14
1.1.5.	Giá trị cốt lõi.....	14
1.1.6.	Chiến lược	14
1.1.7.	Định hướng phát triển	15
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển	15
1.2.1.	Thành lập	15
1.2.2.	Quá trình phát triển	16
1.3.	Thành tích đạt được.....	18
1.4.	Quá trình tăng Vốn Điều lệ	19
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA MARITIME BANK.....	21
3.	CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA MARITIME BANK	22
4.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	24
4.1.	Cổ đông lớn của Maritime Bank	24
4.2.	Cổ đông sáng lập của Maritime Bank.....	24
4.3.	Cơ cấu cổ đông của Maritime Bank	25
5.	CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA MARITIME BANK, NHỮNG CÔNG TY MÀ MARITIME BANK ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI MARITIME BANK.....	26
5.1.	Công ty mẹ của Maritime Bank	26
5.2.	Công ty con của Maritime Bank.....	26
5.3.	Công ty nắm quyền kiểm soát Maritime Bank/chi phối.....	26
5.4.	Công ty Maritime Bank nắm quyền kiểm soát/chi phối.....	26
6.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	27
6.1.	Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Maritime Bank	28
6.1.1.	Hoạt động huy động vốn	28
	Thị trường I: Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư	28
	Thị trường II: Huy động vốn từ tổ chức tín dụng và các định chế tài chính.....	29
6.1.2.	Hoạt động tín dụng	30
	Sản phẩm chính.....	31
	Đối tượng khách hàng	32
	Cơ cấu dư nợ tín dụng.....	33
	Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro	35
6.1.3.	Hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng	36
	Sản phẩm chính.....	37
	Cơ cấu doanh thu dịch vụ cung ứng ngân hàng	37

6.1.4.	Hoạt động kinh doanh ngoại hối	39
6.1.5.	Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán	40
	Kinh danh và đầu tư chứng khoán	40
	Lợi nhuận từ đầu tư và kinh doanh chứng khoán	40
6.1.6.	Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn.....	41
	Góp vốn, đầu tư dài hạn.....	41
	Góp vốn vào Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	42
6.1.7.	Hoạt động khác	43
6.2.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	43
6.2.1.	Quản lý rủi ro thị trường.....	44
6.2.2.	Các công cụ đánh giá rủi ro tín dụng.....	46
	Xếp hạng tín dụng nội bộ (Maritime Bank ratings).....	46
	Đánh giá tín dụng định tính (QCA)	47
	Công cụ tính giá (risk-based pricing)	48
	Hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System)	49
6.2.3.	Mạng lưới chi nhánh, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.....	49
6.2.4.	Mạng lưới khách hàng và thị phần, khả năng cạnh tranh.....	50
6.3.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	51
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009 VÀ 2010	51
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐSXKD trong 2 năm gần nhất.....	51
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Maritime Bank trong năm báo cáo.....	53
7.2.1.	Thuận lợi.....	53
	Về chiến lược và tầm nhìn của Ban lãnh đạo.....	54
	Về chính sách của NHNN	54
	Về nhu cầu dịch vụ ngân hàng.....	55
7.2.2.	Khó khăn.....	55
	Về tốc độ phát triển kinh tế và lạm phát.....	55
	Về lãi suất	56
	Về thị trường ngoại hối.....	56
	Về cạnh tranh trong ngành.....	57
8.	VỊ THẾ CỦA MARITIME BANK SO VỚI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC TRONG NGÀNH.....	58
8.1.	Vị thế của Maritime Bank trong ngành.....	58
8.1.1.	Tài chính ổn định và hiệu quả.....	58
8.1.2.	Hệ thống công nghệ hiện đại.....	60
8.1.3.	Nhân lực chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao	60
8.1.4.	Chất lượng dịch vụ tốt với tôn chỉ vì sự hài lòng của khách hàng	60

Về thái độ nhân viên	60
Về các tiện ích khác	61
8.1.5. Mạng lưới hoạt động đang ngày càng mở rộng	61
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	61
8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Maritime Bank với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	62
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	62
9.1. Chính sách đào tạo	63
9.2. Chế độ khen thưởng	64
9.3. Chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội	64
9.4. Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác	64
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	64
11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	65
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG	66
12.1. Hội đồng quản trị	66
12.1.1. Bà Lê Thị Liên: Chủ tịch Hội đồng quản trị	66
12.1.2. Ông Trần Anh Tuấn: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	67
12.1.3. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hường: Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng quản trị	68
12.1.4. Ông Nguyễn Hữu Đức: Thành viên Hội đồng quản trị	70
12.1.5. Ông Đỗ Văn Bình: Thành viên Hội đồng quản trị	71
12.1.6. Ông Lưu Tường Giai: Thành viên Hội đồng quản trị	73
12.1.7. Bà Vũ Thị Liên: Thành viên Hội đồng quản trị	74
12.2. Ban Tổng Giám đốc	75
12.2.1. Ông Trần Anh Tuấn: Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	75
12.2.2. Ông Phùng Duy Khương: Phó Tổng Giám đốc	76
12.2.3. Ông Nguyễn Hoàng Linh: Phó Tổng Giám đốc	77
12.2.4. Ông Nguyễn Hoàng An: Phó Tổng Giám đốc	78
12.2.5. Bà Nguyễn Hương Loan: Phó Tổng Giám đốc	79
12.2.6. Ông Nguyễn Đình Tùng: Phó Tổng Giám đốc	80
12.2.7. Ông Trần Văn Hải: Phó Tổng Giám đốc	81
12.2.8. Ông Tạ Ngọc Đa: Phó Tổng Giám đốc	83
12.2.9. Bà Đào Minh Anh: Phó Tổng Giám đốc	84
12.2.10. Ông Nguyễn Quốc Khánh: Phó Tổng Giám đốc	85
12.2.11. Ông Trần Thanh Nam: Phó Tổng Giám đốc	86
12.2.12. Ông Trần Xuân Quảng: Phó Tổng Giám đốc	88
12.2.13. Ông Trương Thanh Đức: Phó Tổng Giám đốc	89

12.3.	Ban Kiểm soát	91
12.3.1.	Bà Phạm Thị Thành: Trưởng Ban kiểm soát.....	91
12.3.2.	Ông Trần Đức Hạ: Thành viên Ban kiểm soát	92
12.3.3.	Bà Nguyễn Thu Hằng: Thành viên Ban kiểm soát.....	94
12.4.	Bà Nguyễn Thị Lũy - Kế toán trưởng	95
14.	TÀI SẢN	96
14.1.	Tài sản cố định hữu hình	97
14.2.	Tài sản cố định vô hình	98
14.3.	Tài sản cố định thuê tài chính	98
14.4.	Bất động sản đầu tư	98
15.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO	99
16.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	100
17.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA MARITIME BANK	101
17.1.	Chia thưởng cổ phiếu trong quý IV 2011	101
17.2.	Các cam kết ngoại bảng tại thời điểm 31.12.2010	101
18.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI MARITIME BANK MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	102
19.	TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC	102
19.1.	Thông tin chung về đợt chào bán.....	102
19.1.1.	Kế hoạch chào bán	102
19.1.2.	Kết quả chào bán.....	103
19.2.	Tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán.....	103
PHẦN V: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN		104
1.	LOẠI CỔ PHIẾU	104
2.	MỆNH GIÁ	104
3.	TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN.....	104
4.	GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN	104
5.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	104
6.	PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI	105
7.	THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU	105
8.	ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU	105
9.	PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN.....	105

10.	PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CỔ PHIẾU LẺ	106
11.	CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG	106
12.	GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	106
13.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	106
13.1.	Thuế giá trị gia tăng.....	106
13.2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	106
14.	NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU.....	106
PHẦN VI: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....		107
1.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	107
2.	PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	107
3.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	108
PHẦN VII: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN		109
PHẦN IIX: PHỤ LỤC.....		110

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chi tiết quá trình tăng Vốn Điều lệ của Maritime Bank.....	20
Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn của Maritime Bank tại 15.03.2011	24
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Maritime Bank đến 08.11.2010	24
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Maritime Bank tại 15.03.2011.....	25
Bảng 5: Danh sách công ty con của Maritime Bank	26
Bảng 6: Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của Maritime Bank từ 2008 đến 2010	30
Bảng 7: Tình hình tăng trưởng tín dụng từ 2008 đến 2010	32
Bảng 8: Dư nợ cho vay theo đối tượng từ 2008 đến 2010	33
Bảng 9: Dư nợ cho vay theo ngành từ 2008 đến 2010	33
Bảng 10: Trích lập dự phòng cho các khoản vay tại 30.11.2011	35
Bảng 11: Trích lập dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng tại 30.11.2011	36
Bảng 12: Chi tiết doanh thu cung ứng dịch vụ ngân hàng từ 2008 đến 2010.....	37
Bảng 13: Doanh thu kinh doanh ngoại hối từ 2008 đến 2010.....	39
Bảng 14: Tỷ trọng kinh doanh và đầu tư chứng khoán trên TTS từ 2008 đến 2010.....	40
Bảng 15: Tỷ trọng Lợi nhuận từ đầu tư và kinh doanh CK từ 2008 đến 2010.....	40
Bảng 16: Tình hình góp vốn, liên doanh của Maritime Bank từ 2008 đến 2010	41
Bảng 17: Chế độ báo cáo quản lý rủi ro tại MSB	44
Bảng 18: Hệ thống MSB ratings.....	46
Bảng 19: Ứng dụng của MSB ratings	47
Bảng 20: Hệ thống mạng lưới của Maritime Bank đến 15.03.2011	50
Bảng 21: Chi tiết các khoản vốn góp đầu tư dài hạn đến 31.12.2010.....	51
Bảng 22: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và 2010.....	52
Bảng 23: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và 2010	53
Bảng 24: Một số chỉ tiêu năm 2010 của MSB và các Ngân hàng lớn đang niêm yết.....	59
Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	65
Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình tại 31.12.2010	97

Bảng 27: Tài sản cố định vô hình tại 31.12.2010	98
Bảng 28: Bất động sản đầu tư tại 31.12.2010.....	99
Bảng 29: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2011	99
Bảng 30: Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31.12.2010	101
Bảng 31: Kết quả chào bán theo giấy phép 684/UBCK-GCN	103
Bảng 32: Báo cáo kết quả sử dụng vốn từ đợt chào bán theo giấy phép 684/UBCK-GCN ..	103
Bảng 33: P/E của các ngân hàng lớn đang niêm yết.....	104
Bảng 34: Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán	108
Bảng 35: Kế hoạch sử dụng vốn từ đợt chào bán	108

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Quá trình tăng Vốn Điều lệ của Maritime Bank	19
Hình 2: Cơ cấu tổ chức của Maritime Bank	21
Hình 3: Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch/Quỹ tiết kiệm của MSB.....	29
Hình 4: Tình hình huy động vốn của Maritime Bank từ 2008 đến 2010	29
Hình 5: Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành tại 31.12.2010.....	34
Hình 6: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn tại 31.12.2010	35
Hình 7: Tăng trưởng thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ 2008 đến 2010	37
Hình 8: Cơ cấu doanh thu dịch vụ cung ứng ngân hàng trong 2010.....	38
Hình 9: Biến động tỉ giá liên ngân hàng trong thời gian qua.....	39
Hình 10: Lợi nhuận từ góp vốn, đầu tư dài hạn từ 2008 đến 2010.....	41
Hình 11: Mô hình bộ máy quản lý rủi ro MSB.....	44
Hình 12: Mạng lưới chi nhánh của Maritime Bank.....	49
Hình 13: Biến động CPI trong năm 2010	56
Hình 14: Biến động của chỉ số đồng USD trong năm 2010	57
Hình 15: Biến động chỉ số vàng Kitco (KGX)	57
Hình 16: Tình hình lao động của Maritime Bank tại 31.12.2010	62
Hình 17: Mức lương bình quân tại Maritime Bank từ 2008 đến 2010.....	63
Hình 18: Tỉ lệ trả cổ tức của Maritime Bank từ 2008 đến 2010	65

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Maritime Bank xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh, qua đó gián tiếp có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Ngân hàng. Cụ thể, là một ngân hàng thương mại, Maritime Bank sẽ phải đối mặt với các rủi ro chính sau: (i) rủi ro lãi suất; (ii) rủi ro tín dụng; (iii) rủi ro về ngoại hối; (iv) rủi ro về thanh toán; (v) rủi ro về các hoạt động ngoại bảng; (vi) rủi ro hoạt động và (vii) các rủi ro khác.

Để hạn chế các rủi ro này, trong thời gian qua Ngân hàng đã và đang triển khai tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cổ đông và các đối tác nước ngoài về quản trị rủi ro nhằm đưa Maritime Bank phát triển ổn định và bền vững.

1. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất xuất hiện khi có sự thay đổi của lãi suất thị trường hoặc của những yếu tố có liên quan đến lãi suất dẫn đến tổn thất về tài sản hoặc làm giảm thu nhập của ngân hàng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có ("Ủy Ban ALCO") của Maritime Bank, cùng với các bộ phận quản lý rủi ro của Ngân hàng có trách nhiệm nghiên cứu thị trường để đề xuất cơ cấu tăng tỷ trọng tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất thị trường (nếu lãi suất trên thị trường có xu hướng tăng) và ngược lại, cơ cấu tăng tỷ trọng tài sản có nhạy cảm với lãi suất (nếu lãi suất trên thị trường có xu hướng giảm).

2. RỦI RO VỀ TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng. Rủi ro này diễn ra trong quá trình cho vay, chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá, cho thuê tài chính, bảo lãnh, bao thanh toán của ngân hàng. Như vậy, rủi ro tín dụng là loại rủi ro liên quan đến chất lượng hoạt động tín dụng của ngân hàng.

Maritime Bank kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Maritime Bank đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Cụ thể, để thực hiện xét duyệt và quyết định cấp các khoản tín dụng và bảo lãnh, Maritime

Bank tổ chức thành 2 cấp: (i) Hội đồng tín dụng ("HĐTD") ở chi nhánh và (ii) Hội đồng tín dụng tại Trụ sở chính. HĐTD tại Trụ sở chính bao gồm thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và cán bộ tái thẩm định. Bên cạnh việc quyết định cấp tín dụng và bảo lãnh, HĐTD còn quyết định các vấn đề về chính sách tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, hạn mức tín dụng đối với Chi nhánh. Nguyên tắc cấp tín dụng là sự nhất trí 100% của các thành viên xét duyệt. Các khách hàng vay vốn là doanh nghiệp và cá nhân đều được xếp hạng trong quá trình thẩm định. Sau khi thẩm định, phân tích và xem xét các rủi ro, hạn mức tín dụng, bảo lãnh hoặc các khoản vay độc lập sẽ được cấp cho khách hàng.

Ngoài ra, Maritime Bank luôn thực hiện nghiêm chỉnh việc trích lập dự phòng rủi ro theo qui định của NHNN hàng tháng. Năm 2010, tỉ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay trên cho vay khách hàng của Maritime Bank chỉ ở mức 0,97%¹ - một con số thấp so với ngành (tỉ lệ này tại VCB, CTG, EIB lần lượt là 3,22%, 1,18% và 1,12%)².

3. RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI

Hoạt động ngoại hối của Maritime Bank chủ yếu nhằm phục vụ thanh toán quốc tế cho các khách hàng doanh nghiệp. Trong khi đó kinh doanh ngoại hối tự nó chứa đựng rất nhiều rủi ro (rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, v.v), trong đó rủi ro tỷ giá được xem là rủi ro thường trực, gắn liền và trở thành rủi ro đặc trưng của hoạt động kinh doanh ngoại hối của các ngân hàng.

Tại Maritime Bank, quản lý rủi ro ngoại hối tập trung vào quản lý trạng thái ngoại hối theo đúng các quy định hiện hành của NHNN và các quy định nội bộ. Ủy Ban ALCO quyết định và định kỳ xét duyệt lại hạn mức về trạng thái mở và hạn mức ngăn lỗi cho các nhân viên giao dịch ngoại hối. Hội đồng tín dụng xem xét, quyết định và định kỳ xét duyệt lại hạn mức giao dịch với các đối tác. Bên cạnh đó, trạng thái cũng như rủi ro ngoại hối còn được Ban điều hành xem xét và điều chỉnh hàng ngày nhằm tối ưu hóa thu nhập cho Ngân hàng.

4. RỦI RO VỀ THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) là rủi ro ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Quản lý rủi ro thanh khoản tại Maritime Bank được thực hiện trong một kế hoạch tổng thể về quản lý rủi ro thanh khoản và ứng phó với các sự cố rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn

¹ Số liệu tính toán từ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

² Số liệu tính toán từ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2010 của VCB, CTG và EIB.

tuân thủ các quy định về thanh khoản của NHNN, xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản và giám sát rủi ro thanh khoản. Quản lý rủi ro thanh khoản tại Maritime Bank bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc cụ thể sau:

- ❖ Tuân thủ nghiêm các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng;
- ❖ Duy trì tỷ lệ tối thiểu 25% giữa giá trị các tài sản Có có thể thanh toán ngay và các tài sản Nợ sẽ đến hạn thanh toán trong thời gian một tháng tiếp theo;
- ❖ Duy trì tỷ lệ tối thiểu bằng một (1) giữa tổng tài sản Có có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian bảy (7) ngày làm việc tiếp theo và tổng tài sản Nợ phải thanh toán trong khoảng thời gian bảy (7) ngày làm việc tiếp theo;
- ❖ Tổng hợp và phân tích hành vi của khách hàng gửi tiền, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động có rủi ro khác.
- ❖ Hàng tháng tổng hợp, phân tích mức độ tập trung tiền gửi, cho vay khách hàng để giảm thiểu rủi ro tập trung.
- ❖ Thiết lập định mức thanh khoản. Căn cứ khả năng thanh toán ngay và khả năng chuyển đổi thành thanh toán ngay, định mức thanh khoản chia làm bốn (4) cấp độ từ thấp đến cao. Trong mỗi cấp độ sẽ quy định rõ các loại thanh khoản. Kế hoạch thanh khoản dự phòng được thể hiện bằng văn bản và được Ủy Ban ALCO xem xét cập nhật hàng tháng.
- ❖ Xây dựng kế hoạch ứng phó tình trạng khẩn cấp thanh khoản nhằm cung cấp cho lãnh đạo trưởng các đơn vị, bộ phận và các nhân viên phương cách quản lý và ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản.

5. RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG

Các hoạt động ngoại bảng của Maritime Bank gồm i) hoạt động cam kết cho vay và bảo lãnh và ii) hoạt động cam kết giao dịch ngoại hối (cam kết mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn – *forward*, quyền chọn mua/bán ngoại tệ - *option*). Trong đó, cam kết cho vay và bảo lãnh chiếm trọng yếu.

Để quản trị rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng, cụ thể là hoạt động cam kết cho vay và bảo lãnh, Maritime Bank luôn thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng. Cụ thể:

- ❖ Về tài sản đảm bảo: Phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản đảm bảo.
- ❖ Về hạn mức: Hội đồng quản trị quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ, được xem xét như khoản vay.

- ❖ Về ký quỹ: Maritime Bank yêu cầu khách hàng sử dụng giao dịch thư tín dụng trả chậm phải ký quỹ với giá trị dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

6. RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG

Rủi ro về hoạt động là rủi ro dẫn đến tổn thất (trực tiếp hoặc gián tiếp) xảy ra do quy trình nghiệp vụ, do con người hoặc do hệ thống bị lỗi, không phù hợp hoặc do tác động của sự kiện bên ngoài.

Để phòng chống rủi ro này, Maritime Bank đã thực hiện (i) Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; và (ii) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng theo Dự án Hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ, đảm bảo tính ổn định cao, an toàn và bảo mật.

Thực tế trong thời gian qua, Maritime Bank đã khẳng định được thương hiệu và thể hiện một bộ máy hoạt động hiệu quả với đội ngũ lãnh đạo năng động, sáng tạo và đội ngũ nhân viên nhiệt tình, kinh nghiệm. Bộ máy đó không ngừng cơ cấu và tái cơ cấu nhằm thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong nước cũng như quốc tế và khắc phục những điểm yếu kém hiện tại hoặc mới phát sinh trong quá trình hoạt động; đồng thời phát huy tối đa điểm mạnh.

7. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, Maritime Bank chịu sự điều chỉnh bởi Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước, v.v. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ, do vậy hệ thống văn bản Pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế, cũng như phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn tới rủi ro về pháp luật đối với ngân hàng.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, Maritime Bank chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, v.v. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Maritime Bank.

Để hạn chế rủi ro này, Maritime Bank luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống hóa các văn bản Pháp luật và phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên.

8. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 19 (năm 2011) và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Maritime Bank về giá chào bán cổ phần, Ngân hàng dự kiến chào bán 200.000.000 cổ phiếu với giá 12.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu để nâng Vốn Điều lệ từ 5.000 tỷ lên 7.000 tỷ đồng.

Trong quá trình tổ chức cũng như sau khi chào bán cổ phiếu kết thúc, có thể phát sinh một số rủi ro nhất định. Bản cáo bạch này đưa ra dự báo về những rủi ro có khả năng xảy ra, nhưng không bao hàm ý nghĩa chắc chắn xảy ra. Những rủi ro đó (nếu có) sẽ gây ảnh hưởng đến việc chào bán của Maritime Bank.

Tuy nhiên, Maritime Bank dự đoán, với việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 5:2, và đặc biệt là với việc cổ đông lớn (VNPT) đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho “thực hiện đầu tư vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam và thoái vốn tại các ngân hàng đầu tư như kiến nghị của Bộ Tài chính” (Công văn số 4307/VPCP-KTTH ngày 28/6/2011), rủi ro chào bán không thành công dự kiến sẽ rất thấp.

Trong trường hợp cổ đông không đăng ký mua, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện không ưu đãi hơn đối với cổ đông hiện hữu. Nếu việc chào bán cho các đối tượng khác vẫn không thành công, Maritime Bank sẽ phát hành trái phiếu để đảm bảo nguồn vốn cho các mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2011 phê duyệt.

9. RỦI RO SỬ DỤNG VỐN

Với mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP dẫn đầu thị trường về cung ứng các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp đa năng, trọn gói theo tiêu chuẩn quốc tế, Maritime Bank đã xây dựng chiến lược cụ thể và lộ trình tăng vốn tương ứng để đạt mục tiêu trên.

Đợt tăng vốn trong năm 2011 này (đợt 1 chào bán cho cổ đông hiện hữu từ 5.000 tỷ lên 7.000 tỷ và đợt 2 chia thưởng từ 7.000 tỷ lên 8.000 tỷ) nằm trong lộ trình đã được đặt trước nhằm thực hiện chiến lược phát triển dài hạn của Maritime Bank, do đó, rủi ro sử dụng vốn của đợt chào bán này là thấp.

Trong đợt chào bán lần này, Maritime Bank sẽ sử dụng toàn bộ số tiền chào bán để:

- ❖ Đầu tư cơ sở vật chất cho việc phát triển mạng lưới ngân hàng, phát triển công nghệ và nhân sự. Theo chiến lược kinh doanh 2010 – 2013, Maritime Bank cần tăng Vốn Điều lệ để mở mới 100 điểm giao dịch trong năm 2011.
- ❖ Tăng cường tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Maritime Bank dự kiến tăng nợ tín dụng lên 38.191 tỷ đồng vào cuối năm 2011 và tỷ trọng tín dụng trung hạn dự kiến tăng

35-40%.

- ❖ Đầu tư vào các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, có tiềm năng phát triển lâu dài với Maritime Bank, trong đó ưu tiên lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, tín dụng tiêu dùng, bổ sung vốn tăng cường năng lực tài chính của các công ty con trực thuộc.
- ❖ Phát triển dịch vụ và các hoạt động phi tín dụng như dịch vụ kiều hối, đầu tư hệ thống ATM và công nghệ để mở rộng liên kết thẻ, kết nối thanh toán, mở rộng quan hệ với các ngân hàng nước ngoài, dịch vụ tài trợ thương mại.
- ❖ Phát triển mở rộng quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu.

10. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Hiện tại số cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của Maritime Bank là 500.000.000 cổ phần. Việc chào bán 200.000.000 cổ phiếu (đợt 1 năm 2011) và chia thưởng 100.000.000 cổ phiếu (đợt 2 năm 2011) sẽ dẫn đến rủi ro (i) pha loãng EPS; (ii) pha loãng giá trị sổ sách và (iii) pha loãng giá cổ phiếu Maritime Bank.

10.1. Rủi ro pha loãng EPS

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi Maritime Bank thực hiện chào bán thành công 200.000.000 cổ phiếu và chia thưởng 100.000.000 cổ phiếu, mức thu nhập năm 2011 dự kiến trên mỗi cổ phần sẽ là 2.352³ đồng/cổ phần, thấp hơn so với EPS năm 2010.

10.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu (thuộc cổ đông)}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần tại thời điểm 31.12.2010 của Maritime Bank là 12.655⁴ đồng. Sau khi thực hiện tăng Vốn Điều lệ lên 8.000 tỷ đồng, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Maritime Bank có thể giảm xuống do Ngân hàng thực hiện chào bán 200.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 12.000 đồng/cổ phần và thực hiện chia thưởng

³ Theo NQ ĐHCĐ năm 2011, Lợi nhuận trước thuế năm 2011 của Maritime Bank dự kiến là 1.850 tỷ; Dự kiến việc chào bán 200.000.000 cổ phiếu sẽ kết thúc vào cuối tháng 6 2011 và việc chia thưởng 100.000.000 cổ phần sẽ kết thúc vào cuối tháng 12 2011.

⁴ Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank.

100.000.000 cổ phần.

10.3. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Khi thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện mua cổ phần tăng Vốn Điều lệ từ 5.000 tỷ đồng lên 7.000 tỷ đồng, nhà đầu tư cần lưu ý việc giá cổ phiếu MSB có thể bị điều chỉnh kỹ thuật như sau:

$$P_{\text{điều chỉnh}} = \frac{P_0 * V_1 + R * V_2}{(V_1 + V_2)}$$

Trong đó:

P_0 : Giá cổ phiếu MSB tại ngày làm việc liền trước ngày chốt quyền mua cổ phiếu

$P_{\text{điều chỉnh}}$: Giá cổ phiếu MSB tại ngày chốt quyền mua cổ phiếu

R : Giá mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (12.000 đồng/cổ phần)

V_1 : Vốn Điều lệ hiện tại (5.000 tỷ đồng)

V_2 : Vốn Điều lệ tăng thêm từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu (2.000 tỷ đồng)

Nếu tại ngày làm việc liền kề trước ngày chốt quyền mua cổ phiếu, giá cổ phiếu MSB vẫn giao dịch ở mức 12.300 đồng/cổ phiếu như hiện tại (ngày 09.03.2011)⁵, giá cổ phiếu MSB sau khi điều chỉnh kỹ thuật chốt quyền mua 200.000.000 cổ phiếu sẽ là **12.214 đồng**.

$$P_{\text{điều chỉnh}} = \frac{12.300 * 5.000 + 12.000 * 2.000}{(5.000 + 2.000)} = 12.214$$

Tiếp tục chia thưởng 100.000.000 cổ phiếu để tăng Vốn Điều lệ lên 8.000 tỷ đồng, cổ phiếu MSB sau khi điều chỉnh kỹ thuật chốt quyền nhận cổ phiếu thưởng sẽ là **10.687 đồng**:

$$P_{\text{điều chỉnh}} = \frac{12.214 * 7.000 + 0 * 1.000}{(7.000 + 1.000)} = 10.687$$

11. RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro nêu trên các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của Maritime Bank như: thiên tai, địch họa, lụt lội, cháy, nổ, khủng bố, v.v.

⁵ Theo số liệu của Vinacorp

Để hạn chế các rủi ro này, toàn hệ thống Maritime Bank từ Hội sở chính đến các Chi nhánh, Phòng giao dịch và Công ty trực thuộc đều mua bảo hiểm phòng chống rủi ro cháy nổ đối với các tài sản như nhà, phương tiện vận tải và thiết bị làm việc (hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng, v.v.). Ngoài ra, do đặc trưng của hoạt động ngân hàng, tiền và các tài sản giữ hộ của khách hàng trong kho và tiền vận chuyển trên đường đi đều được Maritime Bank mua bảo hiểm.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bà LÊ THỊ LIÊN	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông TRẦN ANH TUẤN	Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
Bà NGUYỄN THỊ LỮY	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà PHẠM THỊ THÀNH	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ông NGUYỄN THẾ MINH	Chức vụ: Tổng Giám đốc
----------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam cung cấp.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Maritime Bank về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
Ngân hàng	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Maritime Bank
Điều lệ	Điều lệ của Maritime Bank đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và đã đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Người có liên quan	Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Ủy Ban ALCO	Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
BKS	Ban kiểm soát
CĐHH	Cổ đông hiện hữu
CK	Chứng khoán
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty cổ phần
D/P	Nhờ thu trả ngay (Documents against Payment)
D/A	Nhờ thu chấp nhận thanh toán giao chứng từ (Documents against Acceptance)
DN	Doanh nghiệp

DPRRTD	Dự phòng rủi ro tín dụng
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐTCK	Đầu tư chứng khoán
ĐVT	Đơn vị tính
FI	Định chế tài chính
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTD	Hội đồng tín dụng
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
KDCK	Kinh doanh chứng khoán
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
L/C	Tín dụng thư
Maritime Bank	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
MSBS	Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTMQĐ	Ngân hàng thương mại quốc doanh
PH	Phát hành
PHRL	Phát hành riêng lẻ

SMEs	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TVCC	Thành viên chủ chốt
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD	Đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ
VNĐ	Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
VNPT	Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam

Các nhóm từ tài chính trong Bản cáo bạch này được hiểu như sau:

EPS	Thu nhập trên mỗi cổ phần
ROA	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
ROAA	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Trung bình tổng tài sản
ROE	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TTS	Tổng tài sản
VCSH	Vốn chủ sở hữu

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA MARITIME BANK

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu chung về Maritime Bank

Tên đầy đủ : **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Tên giao dịch quốc tế : **Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank**

Tên viết tắt : **MARITIME BANK** hoặc **MSB**

Trụ sở chính : Tòa A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3771 8989

Website : www.msb.com.vn

Logo : 

Vốn điều lệ : **5.000.000.000.000 đồng**

Giấy phép hoạt động : Số 0001/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp ngày 08/6/1991

Giấy CNĐKKD : Giấy CNĐKKD lần đầu số 055501 do Trọng tài Kinh tế TP.Hải Phòng cấp ngày 10/03/1992, đã chuyển thành Giấy CNĐKKD số 0200124891 (số cũ là 0103008429) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/12/2010

Mã số thuế : 02.001.24891

1.1.1. Ngành nghề kinh doanh

- ❖ Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- ❖ Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển;
- ❖ Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- ❖ Chiết khấu giấy tờ có giá;
- ❖ Hùn vốn, tham gia đầu tư vào các tổ chức kinh tế;

- ❖ Cung cấp dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước;
- ❖ Tài trợ thương mại;
- ❖ Kinh doanh ngoại hối;
- ❖ Các dịch vụ ngân hàng khác

1.1.2. Tôn chỉ phát triển

TẠO LẬP GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

1.1.3. Tầm nhìn của Maritime Bank

- ❖ Trở thành Ngân hàng TMCP dẫn đầu thị trường về cung ứng các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp đa năng, trọn gói theo tiêu chuẩn quốc tế.
- ❖ Trở thành Ngân hàng TMCP hàng đầu cả nước về hiện đại hóa, năng động, chuyên nghiệp và lấy chữ Tín trong mọi hoạt động kinh doanh.

1.1.4. Sứ mệnh

- ❖ Thiết lập quan hệ toàn diện với các tập đoàn kinh tế thuộc các ngành Hàng Hải, Bưu chính viễn thông, Hàng không, Đầu tư, Bảo hiểm, v.v.
- ❖ Phát triển bền vững, tin cậy với khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ❖ Cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng với chất lượng cao cho mọi đối tượng khách hàng.
- ❖ Xây dựng quan hệ đối tác hiệu quả với các định chế tài chính trong nước và quốc tế.

1.1.5. Giá trị cốt lõi

- ❖ Chú trọng đáp ứng khách hàng bằng chất lượng dịch vụ
- ❖ Hiệu quả là mục tiêu của mọi công việc.
- ❖ Học hỏi, sáng tạo để vươn tới sự hoàn thiện.
- ❖ Hợp tác, tin cậy là động lực của thành công

1.1.6. Chiến lược

Chiến lược tăng trưởng theo chiều rộng

- ❖ *Tăng trưởng thông qua việc phát triển qui mô.*

- Mở rộng mạng lưới tại các vùng kinh tế phát triển trên toàn quốc.
- Triển khai phát triển các kênh phân phối thông qua việc đầu tư và phát triển công nghệ Ngân hàng hiện đại.
- ❖ *Tăng trưởng thông qua hợp tác, liên minh:*
 - Đã và đang tham gia vào các liên minh liên kết để mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động như tham gia vào hệ thống thanh toán thẻ Smart Link.
 - Tìm kiếm đối tác chiến lược để xây dựng và phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Chiến lược đa dạng hóa

Đây là một chiến lược tăng trưởng được Maritime Bank quan tâm thực hiện. Maritime Bank đã và đang hướng tới đầu tư nhiều lĩnh vực. Hiện tại Maritime Bank đã đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán với công ty thành viên là Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (MSBS). Trong tương lai Maritime Bank sẽ hướng tới đầu tư và lĩnh vực bất động sản.

1.1.7. Định hướng phát triển

- ❖ Tăng trưởng cao bằng cách tạo nên sự khác biệt trên cơ sở hiểu biết nhu cầu khách hàng và hướng tới khách hàng;
- ❖ Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro đồng bộ, hiệu quả và chuyên nghiệp để bảo đảm cho sự tăng trưởng được bền vững;
- ❖ Duy trì tình trạng tài chính ở mức độ an toàn cao, tối ưu hóa việc sử dụng vốn cổ đông (ROE mục tiêu là 30%) để xây dựng Maritime Bank trở thành một định chế tài chính vững mạnh có khả năng vượt qua mọi thách thức trong môi trường kinh doanh còn chưa hoàn thiện của ngành Ngân hàng Việt Nam;
- ❖ Có chiến lược chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo lực lượng nhân viên chuyên nghiệp nhằm bảo đảm quá trình vận hành của hệ thống liên tục, thông suốt và hiệu quả;
- ❖ Xây dựng “Văn hóa Maritime Bank” trở thành yếu tố tinh thần gắn kết toàn hệ thống một cách xuyên suốt.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Thành lập

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank):

- ❖ Là ngân hàng thương mại được thành lập đầu tiên sau khi Pháp lệnh về Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng thương mại, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính được ban hành vào tháng 5 năm 1990.
- ❖ Được thành lập theo Giấy phép số 0001/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/6/1991.

Thời hạn hoạt động theo giấy phép thành lập của Ngân hàng là 25 năm. Tuy nhiên theo Điều lệ sửa đổi của Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 7/7/2003, thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm. Ngày 12/7/1991, Maritime Bank đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động.

1.2.2. Quá trình phát triển

Tốc độ tăng trưởng cao của Maritime Bank trong cả huy động và cho vay cũng như số lượng khách hàng trong 20 năm qua là một minh chứng rõ nét nhất về sự ghi nhận và tin cậy của khách hàng dành cho Maritime Bank. Đây chính là cơ sở và tiền đề cho sự phát triển của Ngân hàng trong tương lai.

Trong những năm qua, Maritime Bank luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn trên 8%. Đặc biệt là tỷ lệ nợ xấu trong những năm qua luôn dưới 3%. Điều này đã khẳng định tính chất an toàn và hiệu quả của Maritime Bank.

12.07.1991: Chính thức khai trương tại thành phố Hải Phòng

1992 - 1994: Phát triển mạnh việc thực hiện giao dịch qua hệ thống máy tính nối mạng và là một địa chỉ danh tiếng về chất lượng dịch vụ, đặc biệt là thanh toán quốc tế

Năm 1996: Đã phát triển được mạng lưới chi nhánh trên 6 tỉnh, thành phố trọng điểm kinh tế của cả nước.

Năm 1997: Thu xếp thành công 28 triệu USD thông qua Ngân hàng Mỹ (B.O.A) với sự bảo lãnh của Chính phủ để đầu tư và 03 dự án trọng điểm quốc gia (Đường Láng – Hòa Lạc, Quốc lộ 51 và Quốc lộ 14).

1998 - 2000: Vẫn duy trì được tốc độ phát triển và hiệu quả kinh doanh và vượt qua được sự thăng trầm của nền kinh tế đất nước và cuộc khủng hoảng tài chính khu vực.

Năm 2001: Là một trong 6 ngân hàng thương mại Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WB) lựa chọn và tài trợ để tham gia Dự án Hiện đại hoá ngân hàng và Hệ thống thanh toán.

2002 - 2004: Thực hiện củng cố bộ máy hoạt động và tiếp tục khẳng định thương hiệu Maritime Bank trên thị trường.

Năm 2005: Là ngân hàng TMCP duy nhất được tiếp tục tham gia giai đoạn 2 của Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán của WB từ năm 2005 đến nay.

Tháng 8 - 2005: Chuyển trụ sở lên Hà Nội. Đây là một sự chuyển hướng chiến lược đúng đắn, và là bước ngoặt quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của Maritime Bank.

2006 - 2007: Tiến hành tái cấu trúc bộ máy một cách cơ bản, toàn diện theo hướng tách riêng các hoạt động kinh doanh và hoạt động hỗ trợ, hình thành các Khối Nghiệp vụ, đồng thời tăng cường vai trò, năng lực quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

2008 - nay: Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức hoạt động với việc thành lập Ban ALCO, Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng tín dụng và hoàn thiện các Khối Nghiệp vụ.

Năm 2009: Tiến hành xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Hệ thống này đã hoàn thành vào tháng 3 năm 2010.

2009 - nay: Thuê hãng tư vấn hàng đầu thế giới của Mỹ là McKinsey&Company xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh & thương hiệu cho toàn Ngân hàng.

Hiện tại: Trở thành một ngân hàng thương mại cổ phần phát triển mạnh, bền vững và tạo được niềm tin đối với khách hàng với Vốn Điều lệ 5.000 tỷ đồng và tổng tài sản hơn 115.000 tỷ đồng và hơn 130 điểm giao dịch trên toàn quốc.

1.3. Thành tích đạt được

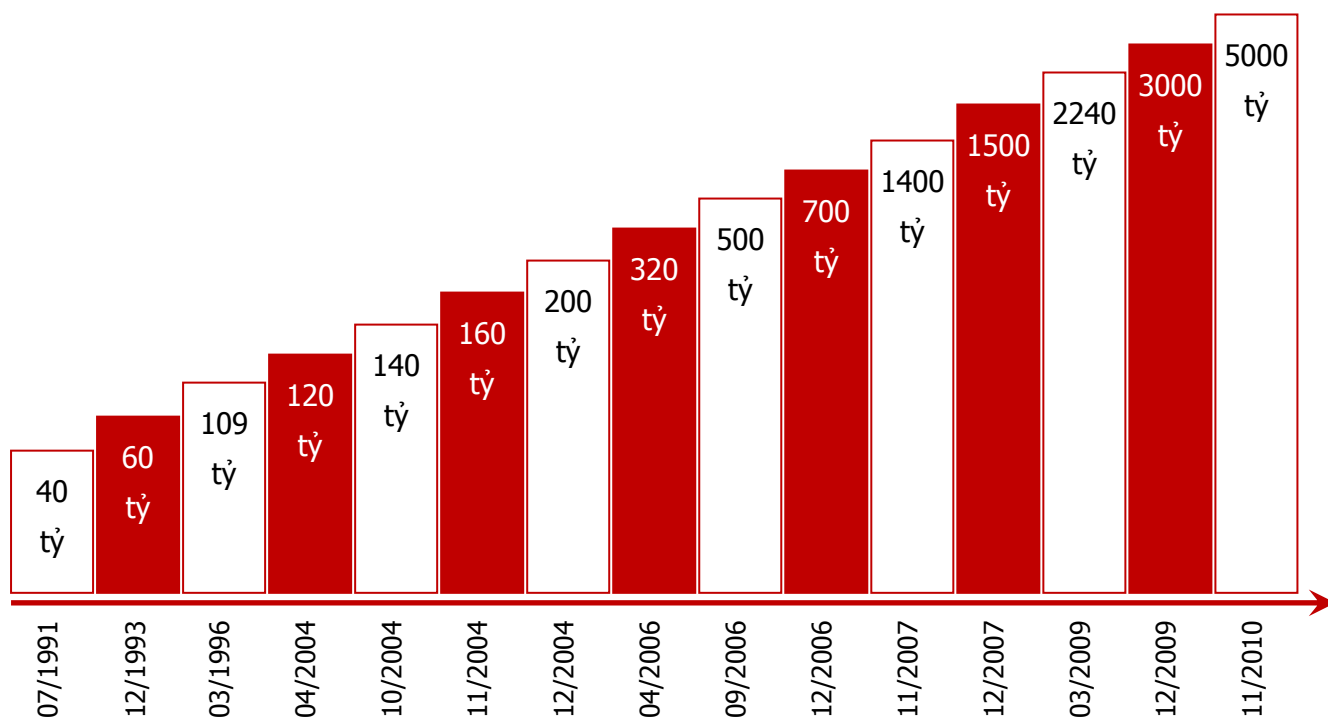
Với chiến lược đúng đắn, Maritime Bank đã thành công trong việc khẳng định thương hiệu trong 20 năm qua và đã được các Cơ quan quản lý, Đoàn thể, Tổ chức, Khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao.

- ❖ **2005 – nay:** Luôn được đánh giá tín dụng hạng A (do NHNN xếp hạng các tổ chức tín dụng theo chuẩn mực quốc tế CAMEL).
- ❖ **2006:** Được Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước tặng thưởng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của ngành ngân hàng.
- ❖ **2006:** Được Ngân hàng Wachovia (một trong những NHTM hàng đầu của Mỹ) tặng giải thưởng "*Ngân hàng đạt tiêu chuẩn trong quá trình xử lý điện thanh toán quốc tế*".
- ❖ **2007:** Nhận giải thưởng "*Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007*" do Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại tổ chức.
- ❖ **2008:** Nhận giải thưởng "*Doanh nghiệp Dịch vụ được hài lòng nhất năm 2008*".
- ❖ **2008:** Nhận giải thưởng "*Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008*" do Thời báo Kinh tế Việt Nam và người tiêu dùng cả nước bình chọn.
- ❖ **2008:** Nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vì có thành tích góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất, đảm bảo ổn định xã hội theo Quyết định số 3103/QĐ- NHNN ngày 10/12/2008.
- ❖ **2008:** Nhận giải thưởng "*Sao vàng đất Việt*" năm 2008.
- ❖ **2008:** Nhận giải thưởng "*Ngân hàng quản lý tiền mặt và thanh toán quốc tế tốt nhất năm 2008*" do Ngân hàng HSBC trao tặng.
- ❖ **2008:** Là một trong sáu ngân hàng thuộc Khối NHTMCP được Ngân hàng Nhà nước tặng Cờ thi đua vì đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua ngành Ngân hàng theo Quyết định số 797/QĐ-NHNN ngày 07/04/2009.
- ❖ **2009:** Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2006 đến 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 931/QĐ-TTg ngày 30/6/2009.
- ❖ **2009:** Nhận Bằng khen của Công đoàn Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vì thành tích hoàn thành xuất sắc kế hoạch thi đua Quý IV 2009.
- ❖ **2009:** Nhận giải thưởng "*Thương mại Dịch vụ Việt Nam - Top Trade Services Awards 2009*", Maritime Bank đã vinh dự lọt vào Top 10 doanh nghiệp Thương mại dịch vụ xuất sắc hàng đầu Việt Nam.

- ❖ **2009:** Maritime Bank là một trong ba ngân hàng được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tặng Cờ “*Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua*” vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 18/01/2010.
- ❖ **2010:** Nhận giải thưởng “*Thương mại Dịch vụ Việt Nam – Vietnam Top Trade Services Awards 2010*”.
- ❖ **2010:** Nhận Giấy khen trong phong trào thi đua hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội.
- ❖ **2010:** Đạt giải thưởng “*Thương hiệu Chứng khoán uy tín*” do Hiệp hội Chứng khoán Việt Nam, Tạp chí chứng khoán phối hợp với một số Cơ quan hữu quan tổ chức trên cơ sở ý kiến bình chọn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- ❖ **2010:** Nhận giải thưởng “*Sao Vàng Đất Việt 2010*” và lọt vào TOP100 thương hiệu tiêu biểu hàng đầu Việt Nam.
- ❖ **2011:** Nhận giải thưởng “*STP Award*” của Ngân hàng New York (BNY Mellon) vì tỷ lệ công điện đạt chuẩn (Straight – Through Processsing) – một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng thanh toán tự động của các ngân hàng.

1.4. Quá trình tăng Vốn Điều lệ

Hình 1: Quá trình tăng Vốn Điều lệ của Maritime Bank



Nguồn: Maritime Bank

Bảng 1: Chi tiết quá trình tăng Vốn Điều lệ của Maritime Bank

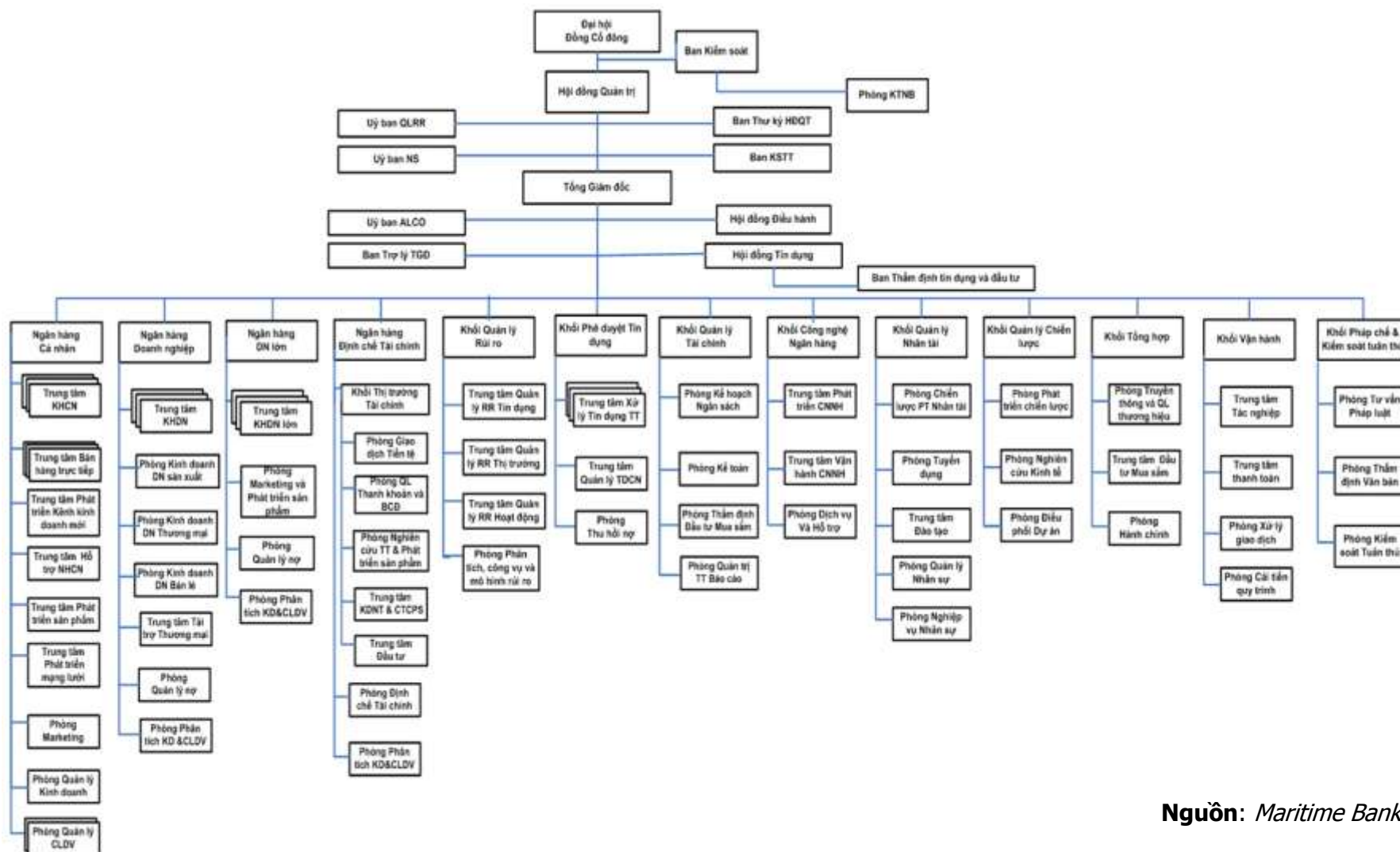
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Thời gian	VĐL ban đầu	VĐL tăng	VĐL sau PH	Loại hình/Căn cứ
1.	07/1991	-	40.000	40.000	Giấy phép thành lập 0001/NH-GP
2.	12/1993	40.000	20.000	60.000	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
3.	03/1996	60.000	49.310	109.310	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
4.	04/2004	109.310	10.931	120.241	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
5.	10/2004	120.241	20.000	140.241	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
6.	11/2004	140.241	20.000	160.241	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
7.	12/2004	160.241	39.759	200.000	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
8.	04/2006	200.000	120.000	320.000	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
9.	09/2006	320.000	180.000	500.000	PH cho CĐHH, NH chưa đại chúng
10.	12/2006	500.000	200.000	700.000	Chia thưởng cho CĐHH
11.	11/2007	700.000	700.000	1.400.000	164/UBCK-GCN ngày 7/9/2007
12.	12/2007	1.400.000	100.000	1.500.000	
13.	03/2009	1.500.000	740.000	2.240.000	372/UBCK-GCN ngày 13/1/2009
14.	12/2009	2.240.000	760.000	3.000.000	453/UBCK-GCN ngày 13/11/2009
15.	11/2010	3.000.000	2.000.000	5.000.000	684/UBCK-GCN ngày 24/9/2010

Nguồn: Maritime Bank

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA MARITIME BANK

Hình 2: Cơ cấu tổ chức của Maritime Bank



Nguồn: Maritime Bank

3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA MARITIME BANK

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Maritime Bank, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Maritime Bank quy định.

Hội đồng Quản trị

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hằng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Hội đồng. Hiện tại HĐQT của MSB có 7 thành viên.

Ban Kiểm soát

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại BKS có 3 thành viên.

Các Hội đồng, Ủy ban, Ban

Do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị Ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, Ngân hàng có các Hội đồng, Ủy ban sau:

Hội đồng tín dụng

Quyết định về chính sách tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống Ngân hàng, xét cấp tín dụng của Ngân hàng, phê duyệt hạn mức tiền gửi của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác.

Ủy Ban Nhân sự

Tham mưu, đề xuất với Hội đồng quản trị trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý nguồn nhân lực của Ngân hàng.

Ủy Ban Quản lý rủi ro

Tham mưu, đề xuất với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng hệ thống, quy trình quản lý rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, giám sát việc thực thi chính sách, cảnh báo mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh

hưởng và đưa ra các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy Ban ALCO

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) có chức năng quản trị, điều hành thống nhất, an toàn, hiệu quả tài sản Nợ, tài sản Có của Ngân hàng để tối ưu hóa lợi nhuận trong mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng và tuân thủ các quy định về quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và các quy định an toàn trong hoạt động tài chính, ngân hàng.

Tổng Giám đốc

Là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

4.1. Cổ đông lớn của Maritime Bank

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn của Maritime Bank tại 30.04.2011

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CPH	Tỷ lệ SH
1.	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	62.629.999	12,53%
2.	CTCP chứng khoán NH No&PTNT VN	Tầng 5 Toà nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	74.960.334	14,99%
	Tổng		137.590.333	27,52%

Nguồn: *Maritime Bank*

4.2. Cổ đông sáng lập của Maritime Bank

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Maritime Bank đến 17.12.2010

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	% sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	215 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	7.658.220	1,53%
2.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Tầng 10 Tòa Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	62.629.999	12,53%
3.	Tập đoàn Bảo Việt	Số 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.252.545	0,85%
4.	Cảng Hải Phòng	Số 4 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng	1.315.452	0,26%
5.	Cục Hàng không Dân Dụng	Sân bay Gia Lâm, Hà Nội	1.663.200	0,33%
	Tổng		77.519.416	15,50%

Nguồn: *Giấy CNĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 13 của Maritime Bank*

4.3. Cơ cấu cổ đông của Maritime Bank

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Maritime Bank tại 30.04.2011

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Cổ phần sở hữu	% sở hữu
1.	Cổ đông Nhà nước	21	184.062.093	36,81%
2.	Cổ đông tổ chức	44	227.581.027	45,52%
	Tổ chức trong nước	44	227.581.027	45,52%
	Tổ chức nước ngoài	0	-	0,00%
3.	Cổ đông cá nhân (không gồm TVCC)	3.934	86.345.313	17,27%
	Cá nhân trong nước	3.934	86.345.313	17,27%
	Cá nhân nước ngoài	0	-	0,00%
4.	Cổ đông là TVCC	13	2.011.566	0,40%
	Thành viên hội đồng quản trị	4	1.014.894	0,20%
	Thành viên Ban kiểm soát	2	25.437	0,01%
	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	7	971.235	0,19%
	Tổng	4.012	500.000.000	100,00%

Nguồn: *Maritime Bank*

5. CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA MARITIME BANK, NHỮNG CÔNG TY MÀ MARITIME BANK ĐANG NẴM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI MARITIME BANK

5.1. Công ty mẹ của Maritime Bank

Không có

5.2. Công ty con của Maritime Bank

Bảng 5: Danh sách công ty con của Maritime Bank

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	VĐL	% nắm giữ
1.	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Maritime Bank	88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	51,6 tỷ	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát Maritime Bank/chi phối

Không có

5.4. Công ty Maritime Bank nắm quyền kiểm soát/chi phối

Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Maritime Bank phấn đấu trở thành một Ngân hàng thương mại đa năng hàng đầu Việt Nam, với tôn chỉ phát triển “**Tạo lập giá trị bền vững**” dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại với nguồn nhân lực chuyên nghiệp đầy tâm huyết, các kênh phân phối đa dạng cùng các sản phẩm phong phú và năng động của một ngân hàng hiện đại.

Các sản phẩm dịch vụ chính của Maritime Bank gồm:

- ❖ Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân
 - Bộ sản phẩm M1 Account
 - Tiền gửi tiết kiệm
 - Dịch vụ chuyển tiền
 - Sản phẩm - dịch vụ khác
- ❖ Dịch vụ cho Khách hàng doanh nghiệp
 - Bộ sản phẩm tài khoản M-Business
 - Dịch vụ tài khoản
 - Thanh toán quốc tế
 - Bảo lãnh ngân hàng
 - Sản phẩm cho vay
 - Sản phẩm – dịch vụ khác
- ❖ Dịch vụ Ngân hàng điện tử
- ❖ Các dịch vụ khác

Các sản phẩm, dịch vụ trên được phân loại thành các mảng hoạt động kinh doanh chính sau:

- ❖ Hoạt động huy động vốn
- ❖ Hoạt động tín dụng
- ❖ Hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng
- ❖ Hoạt động kinh doanh ngoại hối
- ❖ Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán
- ❖ Hoạt động khác

6.1. Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Maritime Bank

6.1.1. Hoạt động huy động vốn

Maritime Bank là Ngân hàng có sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của dân cư và tổ chức tín dụng cả bằng ngoại tệ và nội tệ và tập trung huy động vốn từ 02 thị trường: i) tổ chức kinh tế và dân cư và ii) các tổ chức tín dụng và các định chế tài chính.

Thị trường I: Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư

Là Ngân hàng cổ phần với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn là các Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam (VNPT, Công ty Vận tải biển Việt Nam, CTCP Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam, Cục Hàng Không dân dụng, v.v.) đã tạo điều kiện thuận lợi cho Maritime Bank trong việc hoạt động huy động vốn dân cư và tổ chức kinh tế.

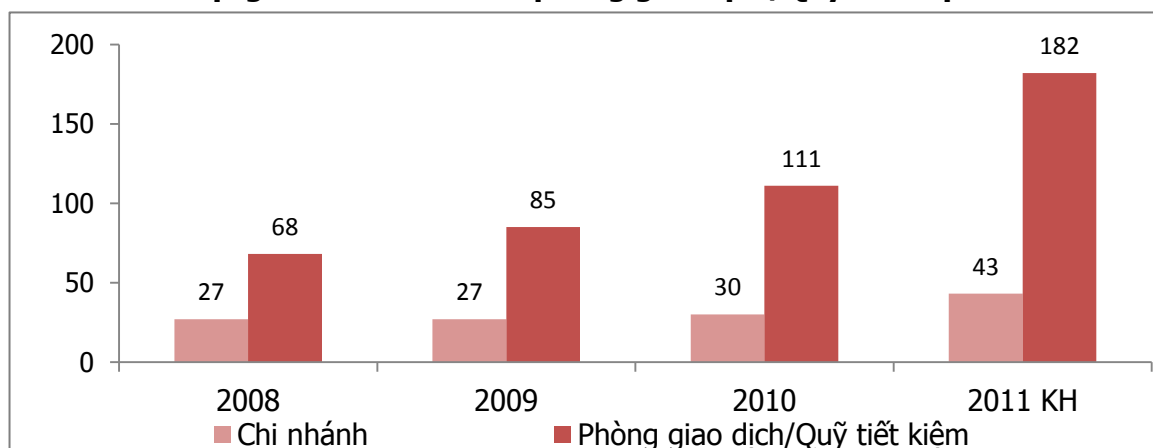
Để đẩy mạnh hoạt động huy động vốn từ khu vực này, Maritime Bank luôn thấu hiểu hiệu quả hoạt động phải đi đôi với việc đảm bảo khả năng cạnh tranh và chia sẻ lợi nhuận với công chúng, do đó Ngân hàng luôn không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích và phù hợp với nhu cầu của dân cư và tổ chức, bằng cả về nội tệ lẫn ngoại tệ như **M1 Account** cho Khách hàng cá nhân và **M-Business** cho Khách hàng doanh nghiệp. Với 02 sản phẩm này, khách hàng có thể hưởng **lãi suất qua đêm bậc thang lên tới 12,9%/năm** với rất nhiều ưu đãi khác như miễn phí chuyển khoản online, miễn phí phát hành thẻ, v.v.

M BUSINESS Gold

Lãi suất cao:	Miễn phí:	Thuận tiện:
Lãi suất bậc thang hấp dẫn lên tới 8%/năm	✓ Miễn phí mở tài khoản ✓ Miễn phí 100% phí giao dịch	✓ Miễn phí mở dịch vụ ✓ Chuyển khoản an toàn, nhanh chóng

Để i) tạo thêm sự khác biệt cho sản phẩm của Maritime Bank và ii) tối đa hóa lợi ích của khách hàng, Maritime Bank đã phát triển hệ thống ngân hàng hiện đại với tiện ích **internet banking vượt trội**, giúp cho khách hàng có thể chuyển khoản dễ dàng với phí giao dịch hấp dẫn (thậm chí miễn phí), hoặc có thể gửi tiết kiệm online. Với những tiện ích này, Maritime Bank đã gia tăng sự hài lòng của khách hàng cũng như tăng cường được hoạt động huy động vốn với tốc độ tăng trưởng từ 2008 – 2010 đạt 122%/năm.

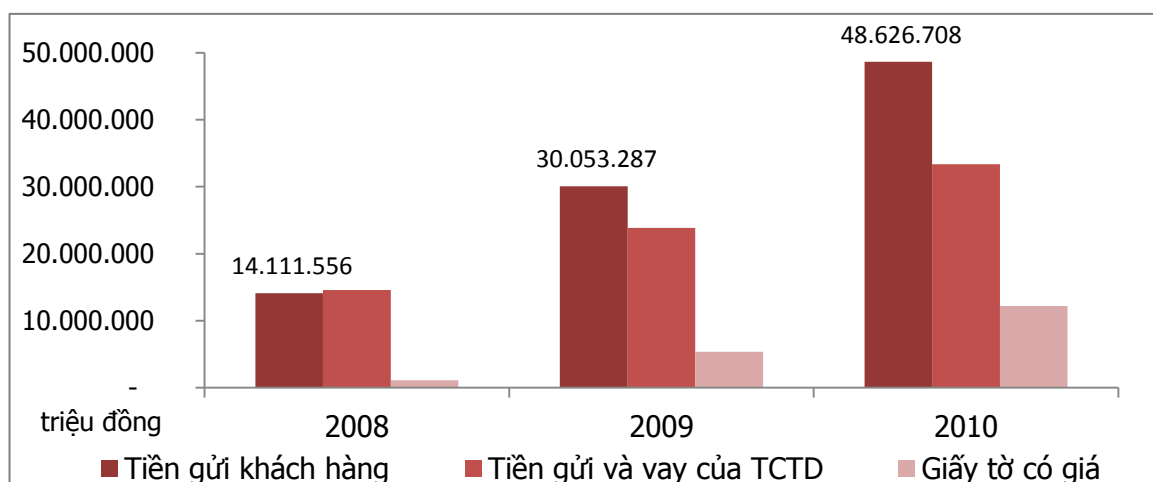
Đồng thời, Maritime Bank cũng đẩy mạnh việc phát triển hệ thống mạng lưới Chi nhánh nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu gửi tiền của dân cư cũng như cung ứng dịch vụ cho các tổ chức kinh tế.

Hình 3: Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch/Quỹ tiết kiệm của MSB**Nguồn:** *Maritime Bank*

Đặc biệt, với sự hỗ trợ tài chính của Ngân hàng Thế giới, Maritime Bank đã có được hệ thống công nghệ tin học và công nghệ ngân hàng tiên tiến, đảm bảo hoạt động an toàn nghiệp vụ và đó cũng là cơ sở thu hút mạnh nguồn vốn nhân rồi trong dân cư. Trong suốt 20 năm hoạt động, Maritime Bank luôn tự hào là Ngân hàng có nguồn vốn luôn đáp ứng đủ nhu cầu phát triển tín dụng của mình.

Thị trường II: Huy động vốn từ tổ chức tín dụng và các định chế tài chính

Đây là thị trường được Maritime Bank quan tâm và chú trọng phát triển và có sự tăng trưởng ổn định. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng tiền gửi của thị trường II trung bình đạt 64%/năm trong giai đoạn từ 2008 đến 2010.

Hình 4: Tình hình huy động vốn của Maritime Bank từ 2008 đến 2010**Nguồn:** *BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank*

Cơ cấu huy động vốn của Maritime Bank có sự thay đổi lớn từ 2008 đến 2010 với sự dịch chuyển việc huy động vốn tập trung vào thị trường I (chiếm 47%, 51% và 52% trong lần lượt các năm từ 2008 đến 2010). Khối lượng huy động vốn từ tiền gửi và cho vay của TCTD tăng đều qua các năm nhưng lại giảm về tỉ trọng (chiếm 49%, 40% và 35% trong lần lượt các năm từ 2008 đến 2010). Đây là sự thay đổi tích cực từ việc Maritime Bank đẩy mạnh chiến lược nhằm tối đa hóa tiện ích cho khối kinh tế và dân cư.

Bảng 6: Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của Maritime Bank từ 2008 đến 2010

STT	Hạng mục	% tăng 2008 – 2009	% tăng 2009 - 2010
1.	Tiền gửi khách hàng	113%	62%
2.	Tiền gửi và vay của TCTD	63%	40%
3.	Giấy tờ có giá	373%	127%
	Tổng huy động vốn	99%	59%

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Maritime Bank dự kiến trong năm 2011, tiền gửi khách hàng sẽ đạt tốc độ tăng khoảng 60% và sẽ đóng góp khoảng 55-60% vào số vốn huy động được từ các nguồn.

6.1.2. Hoạt động tín dụng

Ngay từ những ngày đầu thành lập, với sự hỗ trợ của các cổ đông sáng lập, Maritime Bank đã có được nền tảng khách hàng tín dụng là các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế lớn như Hàng hải, Hàng không, Bưu chính viễn thông, Thủy sản và Chế biến hàng xuất khẩu.

Bằng sự năng động của một Ngân hàng cổ phần, với thế mạnh trong hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế, Maritime Bank đã tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp thông qua các sản phẩm tín dụng truyền thống và hiện đại, bằng nội tệ và ngoại tệ. Tín dụng trung và dài hạn của Maritime Bank đã góp phần vào sự phát triển mạnh của ngành Hàng hải Việt Nam trong những năm đầu thập niên của thế kỷ 21 khi thương mại Việt Nam vươn mình ra quốc tế.

Để đa dạng hoá sản phẩm tín dụng, đồng thời hỗ trợ phát triển huy động vốn dân cư, tỷ trọng tín dụng cá nhân của Maritime Bank ngày càng được cải thiện. Đối tượng khách hàng cá nhân của Maritime Bank là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và các vùng kinh tế trọng điểm; phương thức tài trợ được thực hiện trên cơ sở các phương án kinh doanh khả thi hay các nhu cầu tiêu dùng cá nhân thiết thực đảm bảo khả năng trả nợ ngân hàng.

Sản phẩm chính



Sản phẩm ngân hàng mới nhất và duy nhất cho doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh cà phê: Với mong muốn được chia sẻ khó khăn trong vấn đề thanh toán tiền hàng của doanh nghiệp kinh doanh cà phê, từ ngày 6/7/2010, Maritime Bank sẽ là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức triển khai nghiệp vụ Chiết khấu bộ chứng từ của Hợp đồng tương lai cà phê Robusta tại Sở Giao dịch hàng hóa Singapore (Sincom). Quý IV, Doanh nghiệp kinh doanh cà phê khi khớp lệnh BÁN trên sàn SINCOM sẽ được ứng tiền hàng ngay lập tức mà không cần phải đợi sau thời gian T+4.

Trương chình SMEFP III (Small & Medium Enterprise Finance Program) là chương trình phối hợp giữa Maritime Bank với Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu vốn trung dài hạn cho SMEs tại Việt Nam với lãi suất cho vay trung dài hạn ưu đãi.



Sản phẩm cho vay tài trợ đầu tư dự án: Maritime Bank sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho vay tài trợ đầu tư dự án đối với Doanh nghiệp đang hoạt động hoặc doanh nghiệp mới thành lập có nhu cầu bổ sung vốn để thực hiện dự án đầu tư mới.

Cho vay ngắn hạn dành cho doanh nghiệp có nguồn thu ngoại tệ vay VND với lãi suất USD: Với mục tiêu tài trợ vốn kịp thời, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh/ xuất khẩu liên tục và gia tăng uy tín với đối tác nước ngoài cho các doanh nghiệp có nguồn thu ngoại tệ, Maritime Bank sẽ đáp ứng nhu cầu tín dụng của Khách hàng với lãi suất ưu đãi.

Sản phẩm cho vay tài trợ kinh doanh: Maritime Bank sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho vay để Doanh nghiệp bổ sung vốn mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sản phẩm cho vay hợp vốn: Maritime Bank cùng một số tổ chức tín dụng khác cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của Khách hàng; Trong đó, có một tổ chức tín dụng làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác.

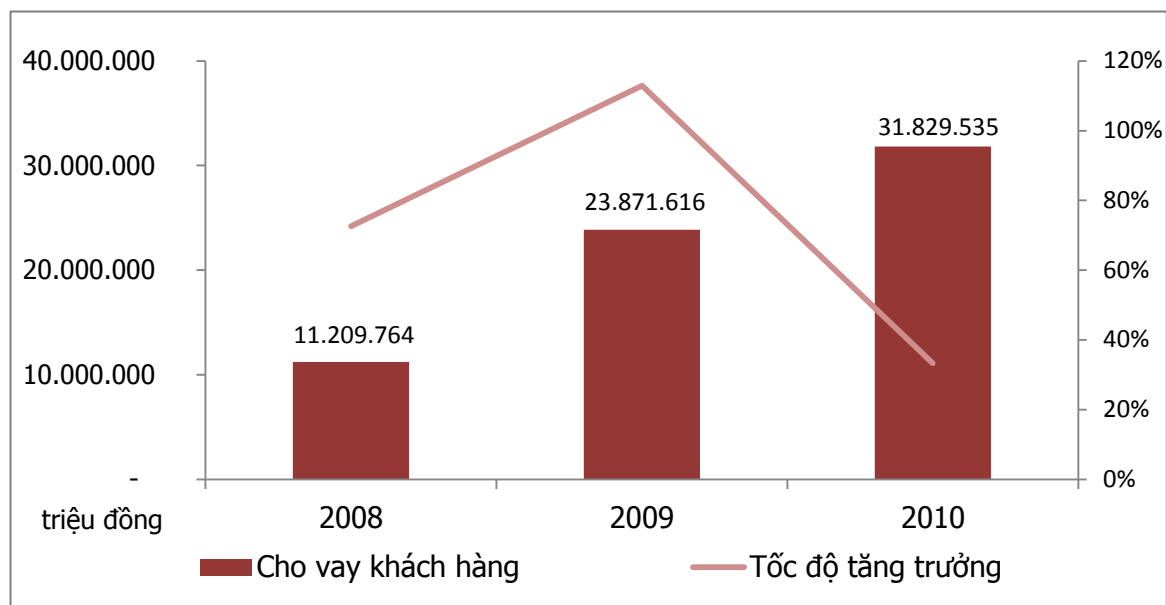
Sản phẩm cho vay các khoản phải thu: Maritime Bank đáp ứng nhu cầu vay vốn của Khách hàng để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và đầu tư phát triển, v.v. Với hình thức cho vay linh hoạt và thủ tục đơn giản và đặc biệt không cần tài sản bảo đảm.

Sản phẩm chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu: Với mục tiêu quá trình sản xuất của Doanh nghiệp được diễn ra liên tục nhằm khai thác tối đa các nguồn lực, cung cấp sản phẩm "Chiết khấu hối phiếu bộ chứng từ xuất khẩu" dành cho các doanh nghiệp thanh toán bằng L/C, D/A và D/P.

Đối tượng khách hàng

Với các sản phẩm chính trên, Maritime Bank đã cung cấp tín dụng cho các loại hình khách hàng sau:

- ❖ Doanh nghiệp Nhà nước Trung Ương
- ❖ Doanh nghiệp Nhà nước địa phương
- ❖ Công ty TNHH Tư nhân
- ❖ Công ty cổ phần
- ❖ Công ty hợp danh
- ❖ Doanh nghiệp tư nhân
- ❖ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- ❖ Kinh tế tập thể
- ❖ Cá nhân

Bảng 7: Tình hình tăng trưởng tín dụng từ 2008 đến 2010

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Trong năm 2010, tỉ trọng tăng trưởng tín dụng giảm mạnh so với năm 2009 do Maritime Bank thực hiện thắt chặt tín dụng theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước giảm mức tăng tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế từ 37,73% trong năm 2009 xuống còn 25% trong năm 2010⁶.

⁶ Theo phát biểu của Phó Thống đốc NHNN – ông Trần Minh Tuấn tại Hội nghị thực hiện nhiệm vụ ngân hàng năm 2009 và định hướng cho năm 2010 ngày 23.12.2009.

Cơ cấu dư nợ tín dụng**Bảng 8: Dư nợ cho vay theo đối tượng từ 2009 đến quý I 2011**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	31.12.2009	31.12.2010	31.3.2011
1.	Doanh nghiệp Nhà nước Trung Ương	1.556.084	1.467.020	2.018.102
2.	Doanh nghiệp Nhà nước địa phương	2.610.115	4.081.068	2.293.572
3.	Công ty TNHH	5.681.605	6.635.043	9.226.538
4.	Công ty cổ phần	9.662.960	15.802.284	14.502.112
5.	Công ty hợp danh	174.871	57.505	53.508
6.	Doanh nghiệp tư nhân	469.961	392.066	443.618
7.	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	9.554	4.780	14.796
8.	Kinh tế tập thể	151.291	41.189	39.050
9.	Cho vay cá nhân	3.555.175	3.348.580	2.046.878
	Tổng	23.871.616	31.829.535	30.638.174

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và 2010 và BCTC hợp nhất QI 2011 của MSB**Bảng 9: Dư nợ cho vay theo ngành từ 2009 đến quý I 2011**

Đơn vị: Triệu đồng

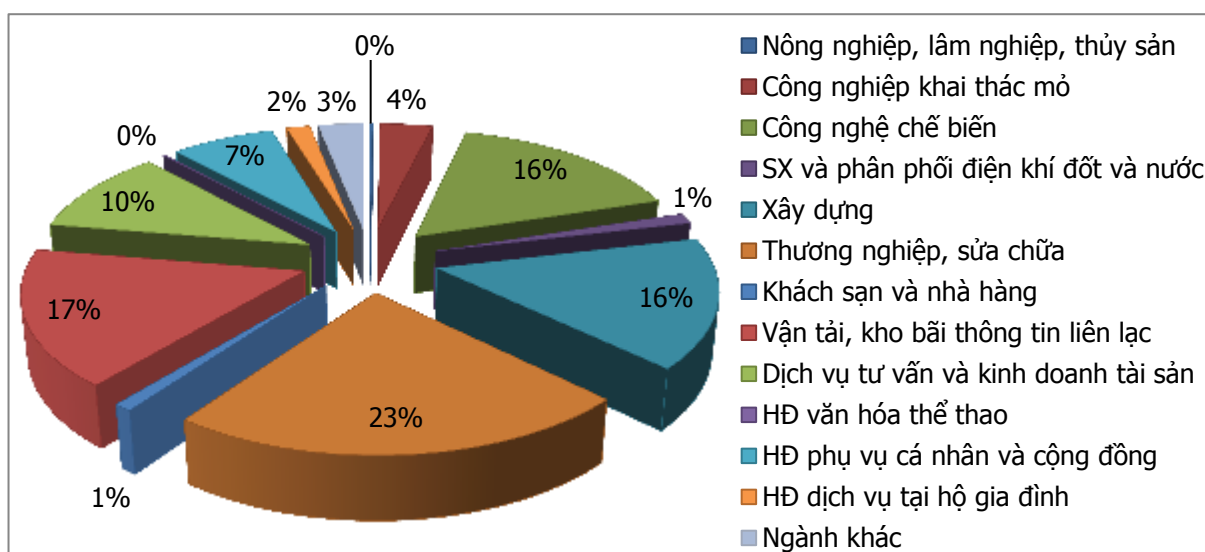
STT	Ngành	31.12.2009	31.12.2010	31.3.2011
1.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	46.486	71.378	51.440
2.	Công nghiệp khai thác mỏ	879.221	1.142.470	1.299.322
3.	Công nghệ chế biến	4.057.736	5.164.642	5.448.675
4.	SX và phân phối điện khí đốt và nước	725.152	405.107	432.847
5.	Xây dựng	1.260.050	5.042.830	2.880.247

6.	Thương nghiệp, sửa chữa (xe, đồ dùng)	6.503.510	7.290.487	8.427.581
7.	Khách sạn và nhà hàng	148.812	295.212	371.257
8.	Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	3.884.166	5.297.638	7.190.601
9.	Dịch vụ tư vấn và kinh doanh tài sản	2.740.309	3.337.055	2.350.777
10.	Hoạt động văn hóa thể thao	33.245	36.619	58.346
11.	Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	2.530.477	2.246.965	1.851.072
12.	Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	153.725	507.531	248.820
13.	Ngành khác	908.727	991.601	27.188
	Tổng	23.871.616	31.829.535	30.638.174

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2009 và 2010 và BCTC hợp nhất QI 2011 của MSB

Cơ cấu dư nợ cho vay cho thấy hoạt động tín dụng của Maritime Bank phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế khi Ngân hàng chú trọng vào lĩnh vực i) Thương nghiệp và sửa chữa (23%); ii) Vận tải và kho bãi (17%); Xây dựng (16%) và công nghệ chế biến (16%)⁷. Ngoài ra, tỉ trọng dư nợ cho vay theo ngành của Maritime Bank khá hài hòa, không quá phụ thuộc vào một ngành cụ thể, do đó phân tán được rủi ro.

Hình 5: Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành tại 31.12.2010



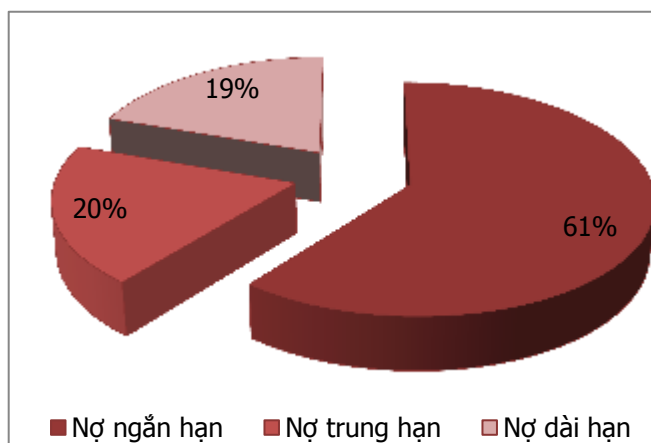
Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

⁷ Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

Hình 6: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn tại 31.12.2010

Tính đến 31.12.2010, tỷ trọng cho vay ngắn hạn của Maritime Bank rất lớn, chiếm 61%, trong khi tỷ trọng cho vay trung hạn và dài hạn khá tương đồng, chiếm lần lượt 19% và 21%.

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank



Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Maritime Bank thực hiện phân loại nợ gốc và trích lập dự phòng hàng quý theo quy định của NHNN. Các loại nợ sẽ được phân loại thành 5 nhóm theo mức độ rủi ro khác nhau gồm: i) Nợ đủ tiêu chuẩn; ii) Nợ cần chú ý; iii) Nợ dưới tiêu chuẩn; iv) Nợ nghi ngờ và v) Nợ có khả năng mất vốn.

Căn cứ theo kết quả phân loại hàng quý, Maritime Bank sẽ tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo tỷ lệ phần trăm được quy định tương ứng với mỗi nhóm nợ. Cụ thể, Maritime Bank sẽ tiến hành trích lập i) dự phòng cụ thể và ii) dự phòng chung. Trong đó, *dự phòng cụ thể* là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể các khoản nợ quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của NHNN để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra. *Dự phòng chung* là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Đến thời điểm 30.11.2010, Maritime Bank đã trích lập đủ dự phòng chung theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN với tỷ lệ 0,75%⁸.

Bảng 10: Trích lập dự phòng cho các khoản vay tại 30.11.2010

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Phân loại nợ	Dư nợ cho vay	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng dự phòng
1.	Nợ đủ tiêu chuẩn	23.350.091	-	175.126	175.126
2.	Nợ cần chú ý	1.738.112	34.307	13.036	47.343
3.	Nợ dưới tiêu chuẩn	317.927	34.478	2.384	36.862

⁸ Theo thuyết minh số 8, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

4.	Nợ nghi ngờ	144.619	38.717	1.085	39.802
5.	Nợ có khả năng mất vốn	99.744	8.867	-	8.867
	Tổng	25.650.493	116.369	191.631	308.000
	Tỉ lệ nợ xấu	2,19%			

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

Bảng 11: Trích lập dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng tại 30.11.2010

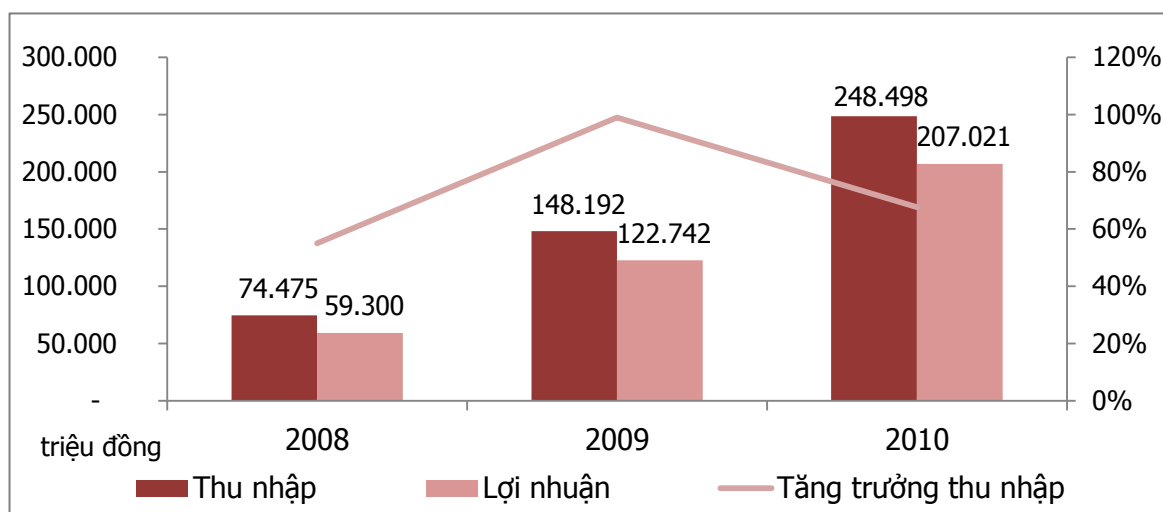
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Phân loại nợ	Dự nợ cho vay	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng dự phòng
6.	Nợ đủ tiêu chuẩn	2.811.680	-	21.088	21.088
7.	Nợ cần chú ý	25.403	1.206	191	1.397
8.	Nợ dưới tiêu chuẩn	2.000	400	14	414
9.	Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
10.	Nợ có khả năng mất vốn	2.906	2.906	-	2.906
	Tổng	2.841.989	4.512	21.293	25.805
	Tỉ lệ nợ xấu	0,17%			

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

6.1.3. Hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng

Cung ứng dịch vụ ngân hàng hiện đại luôn là định hướng chủ đạo của Maritime Bank ngay từ ngày thành lập. Với sự kết hợp giữa dịch vụ ngân hàng truyền thống và dịch vụ ngân hàng hiện đại với công nghệ tiên tiến (ngân hàng điện tử, thẻ, v.v.), hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng đã góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống Maritime Bank. Đây là hoạt động có quan hệ chặt chẽ, là công cụ hỗ trợ để tăng trưởng các hoạt động khác như huy động vốn, tín dụng đồng thời đem lại cho Ngân hàng nguồn thu an toàn với chi phí thấp.

Hình 7: Tăng trưởng thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ 2008 đến 2010

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Sản phẩm chính

Hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng của Maritime Bank gồm các dịch vụ sau:

- ❖ Dịch vụ thanh toán
- ❖ Dịch vụ hối đoái
- ❖ Dịch vụ ngân quỹ
- ❖ Dịch vụ tín dụng
- ❖ Dịch vụ bảo lãnh
- ❖ Dịch vụ quản lý tín dụng
- ❖ Dịch vụ tư vấn
- ❖ Dịch vụ khác
- ❖ Dịch vụ chiết khấu

Cơ cấu doanh thu dịch vụ cung ứng ngân hàng

Bảng 12: Chi tiết doanh thu cung ứng dịch vụ ngân hàng từ 2008 đến 2010

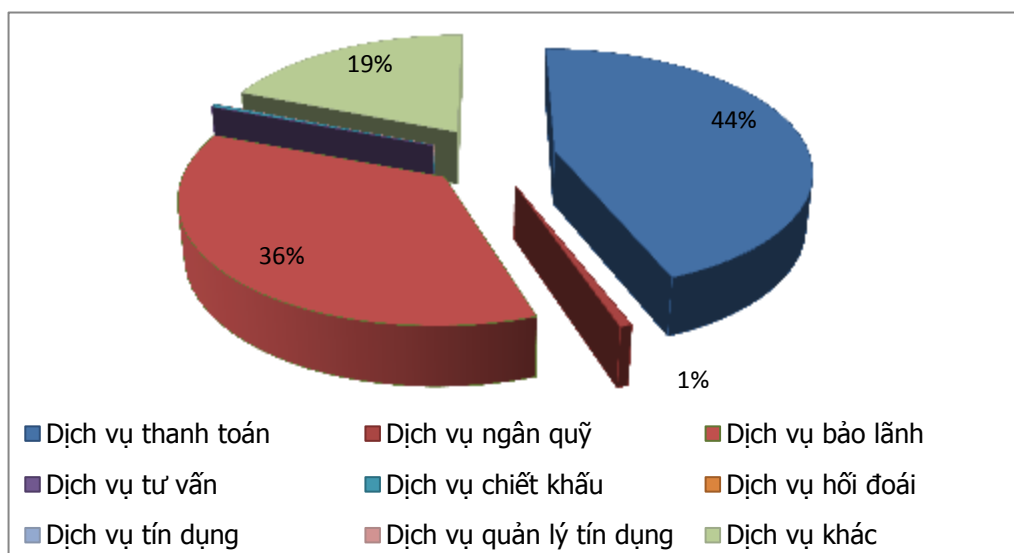
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu dịch vụ	2008	2009	2010
1.	Dịch vụ thanh toán	41.233	100.176	109.567
2.	Dịch vụ ngân quỹ	929	2.129	1.606
3.	Dịch vụ bảo lãnh	7.064	38.417	89.408
4.	Dịch vụ tư vấn	3.377	-	-
5.	Dịch vụ chiết khấu	1.416	844	925
6.	Dịch vụ hối đoái	2.416	-	-

7.	Dịch vụ tín dụng	2.117	-	-
8.	Dịch vụ quản lý tín dụng	1.126	-	-
9.	Dịch vụ khác	14.797	6.626	46.992
	Tổng doanh thu	74.475	148.192	248.498
	Tổng chi phí	15.175	25.450	41.477
	Tổng lợi nhuận	59.300	122.742	207.021

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Hình 8: Cơ cấu doanh thu dịch vụ cung ứng ngân hàng trong 2010



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank

Từ 2008 đến 2010, cơ cấu chính tạo nên doanh thu dịch vụ cung ứng ngân hàng là i) Dịch vụ thanh toán; ii) Dịch vụ từ nghiệp vụ bảo lãnh và iii) Dịch vụ khác. Hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế của Ngân hàng nhanh chóng và rất an toàn đáp ứng đầy đủ nhu cầu thanh toán của khách hàng với thu phí từ dịch vụ thanh toán năm 2010 và 2009 lần lượt đạt 109.567 và 100.176 triệu đồng, tăng 94% và tăng 143% so với năm trước. Sự tăng trưởng của hoạt động thanh toán chứng tỏ uy tín, chất lượng dịch vụ của Maritime Bank ngày càng được củng cố, hệ thống khách hàng ngày càng mở rộng và kiểm soát được sai sót nào trong công tác chuyển tiền.

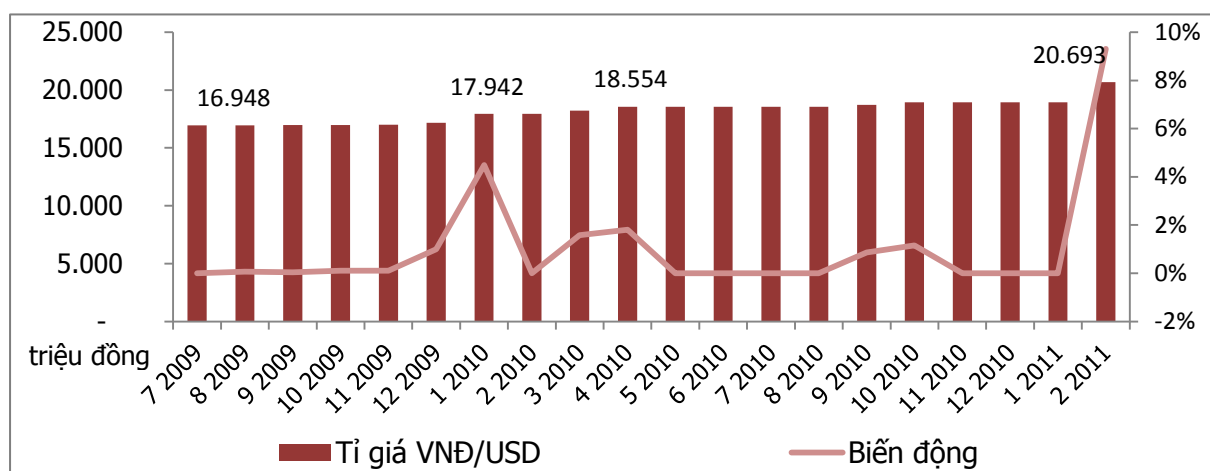
Tuy nhiên đến 2009 và 2010, Maritime Bank đã không thực hiện một số dịch vụ (dịch vụ tư vấn) hoặc không thu phí dịch vụ cho một số hoạt động (dịch vụ tín dụng, dịch vụ quản lý tín dụng, dịch vụ hối đoái).

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Bảng 13: Doanh thu kinh doanh ngoại hối từ 2008 đến 2010

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	2008	2009	2010
1.	Doanh thu	88.787	260.658	160.172
	Kinh doanh ngoại tệ giao ngay	81.122	238.396	111.211
	Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	7.665	22.262	48.961
2.	Lợi nhuận	10.354	87.768	(106.983)
	Kinh doanh ngoại tệ giao ngay	15.879	151.888	(24.502)
	Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(5.525)	(64.120)	(82.481)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank**Hình 9: Biến động tỉ giá liên ngân hàng trong thời gian qua****Nguồn:** Ngân hàng Nhà nước

Trong năm 2010, Maritime Bank, giống như nhiều ngân hàng thương mại khác, đã phải đối mặt với khó khăn không nhỏ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối do thị trường ngoại hối có những biến động không lường, đồng USD mất giá mạnh mẽ so với các đồng tiền khác (Bloomberg, 2010), giá vàng thế giới tăng mạnh. Trong khi đó, VNĐ lại bị mất giá so với USD và NHNN đã phải liên tục thực hiện điều chỉnh tỉ giá. Tiếp đến ngày 1 tháng 3 năm 2011, NHNN đã ban hành chỉ thị số 01/CT-NHNN về việc thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã

hội, trong đó quy định rõ “tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về kinh doanh ngoại tệ, vàng đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế và dân cư”. Với động thái này của NHNN, hoạt động kinh doanh ngoại hối của các NHTM năm 2011 có thể có nhiều diễn biến tích cực.

6.1.5. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Martitime Bank tham gia vào hoạt động của thị trường chứng khoán thông qua:

- ❖ Mua bán chứng khoán kinh doanh
- ❖ Đầu tư chứng khoán kinh doanh

Kinh doanh và đầu tư chứng khoán

Bảng 14: Tỷ trọng kinh doanh và đầu tư chứng khoán trên TTS từ 2008 đến 2010

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng mục	2008		2009		2010	
		Giá trị	%/TTS	Giá trị	%/TTS	Giá trị	%/TTS
1.	CK Kinh doanh	-	0,0%	67.876	0,1%	82.692	0,1%
	CK Kinh doanh	-		77.357		92.825	
	Dự phòng	-		(9.481)		(10.133)	
2.	CK Đầu tư	3.921.402	12,0%	11.092.973	17,4%	28.473.181	24,7%
	CK Đầu tư	3.929.402		11.112.651		28.501.392	
	Dự phòng	(8.000)		(19.678)		(28.211)	
3.	Tổng	3.921.402	12,0%	11.160.849	17,5%	28.555.873	24,8%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Lợi nhuận từ đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Bảng 15: Tỷ trọng Lợi nhuận từ đầu tư và kinh doanh CK từ 2008 đến 2010

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Lợi nhuận	2008		2009		2010	
		Giá trị	%/LN TT	Giá trị	%/LN TT	Giá trị	%/LN TT
1.	CK Kinh doanh	-	0,0%	(7.708)	-0,8%	(12.496)	-0,82%
2.	CK Đầu tư	(8.717)	-2,0%	64.292	6,4%	389.390	25,65%

3.	Cổ tức	-	0,0%	36.188	3,6%	53.762	3,54%
4.	Tổng	(8.717)	-2,0%	92.772	9,2%	430.656	28,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Năm 2008, Maritime Bank gần như không tham gia vào đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Từ năm 2009 đến 2010, hoạt động này đã đóng góp gần 10% và gần 29% lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng. Tuy nhiên, Maritime Bank không có định hướng đẩy mạnh thêm hoạt động kinh doanh chứng khoán do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa ổn định, nhưng Ngân hàng sẽ cân nhắc việc tăng cường đầu tư vào các công ty kinh doanh có hiệu quả, có tiềm năng phát triển lâu dài với Maritime Bank.

6.1.6. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Góp vốn, đầu tư dài hạn

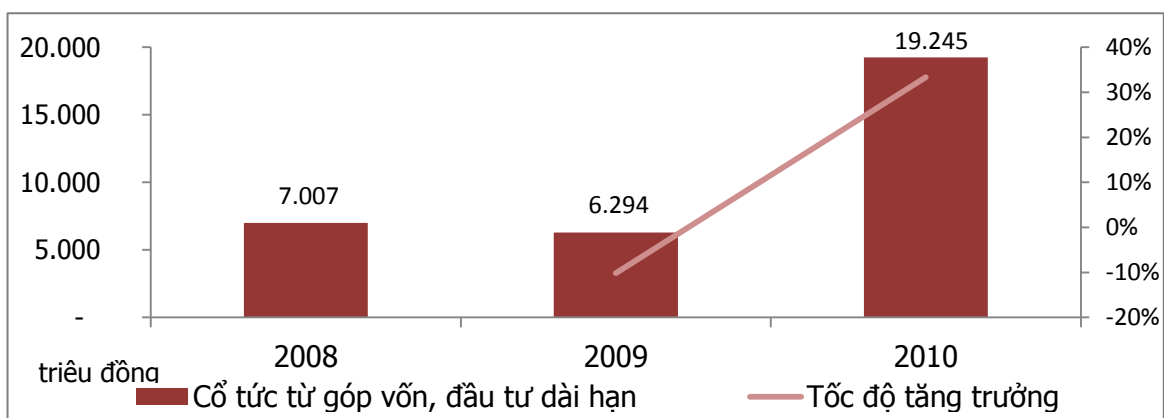
Bảng 16: Tình hình góp vốn, liên doanh của Maritime Bank từ 2008 đến 2010

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đầu tư vào	2008		2009		2010	
		Giá trị	%/TTS	Giá trị	%/TTS	Giá trị	%/TTS
1.	Tổ chức kinh tế	59.568	0,2%	35.068	0,1%	39.468	0,0%
2.	Tổ chức tài chính	19.800	0,1%	183.044	0,3%	494.114	0,4%
3.	Tổng	79.368	0,2%	218.112	0,3%	533.582	0,5%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Hình 10: Lợi nhuận từ góp vốn, đầu tư dài hạn từ 2008 đến 2010



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010 của Maritime Bank

Góp vốn vào Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank

Trong số các công ty, tổ chức Maritime Bank góp vốn, đầu tư dài hạn, Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank là một mắt xích trong chiến lược phát triển đa dạng của Ngân hàng nhằm phát triển hoạt động tài chính – chứng khoán của Maritime Bank.

Trong năm 2010, Maritime Bank đã tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ của Công ty cổ phần Chứng khoán Standard, sau đó ngày 27 tháng 1 năm 2011 đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank. Thông tin cụ thể về CTCP Chứng khoán Maritime Bank như sau:

Tên đầy đủ	: Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank
Tên giao dịch quốc tế	: Maritime Bank Securities
Tên viết tắt	: MSBS
Trụ sở chính	: Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	: (84.4) 3776 5929
Website	: www.msbs.com.vn
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 300.000.000.000 đồng
Tỉ lệ sở hữu của MSB	: 2% (tương đương 600.000 cổ phần)
Giấy phép hoạt động	: số 77/UBCK-GP ngày 11/6/2008 và sửa đổi mới nhất theo Số 25/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 8/4/2011
Mã số thuế	: 35.00.88.15.45
Chiến lược hoạt động	: Xây dựng MSBS theo mô hình ngân hàng đầu tư, lấy hoạt động tư vấn làm nền tảng từ đó phát triển các hoạt động môi giới và đầu tư

Ngành nghề hoạt động

- | | |
|----------------------------------|-------------------------|
| ❖ Tư vấn tài chính doanh nghiệp; | ❖ Môi giới chứng khoán; |
| ❖ Bảo lãnh phát hành; | ❖ Lưu ký chứng khoán; |
| ❖ Tư vấn đầu tư chứng khoán; | ❖ Tự doanh chứng khoán. |

6.1.7. Hoạt động khác

Ngoài các hoạt động trên, Maritime Bank còn thu được lợi nhuận từ việc i) thu gốc từ nợ đã xử lý rủi ro; ii) thu lãi từ nợ đã xử lý rủi ro thu từ cổ tức từ cổ phiếu là tài sản thế chấp, v.v.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Để thực hiện quản lý rủi ro và bảo toàn vốn, ngoài việc áp dụng theo các quy định của ngành, Maritime Bank đã i) xây dựng Bộ máy Quản lý rủi ro; ii) sử dụng giải pháp Quản trị rủi ro thị trường Kondor+ và ii) sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro tín dụng. Tới thời điểm hiện tại, Maritime Bank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam lựa chọn ứng dụng này trong công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường tài chính.

a. Bộ máy Quản lý rủi ro

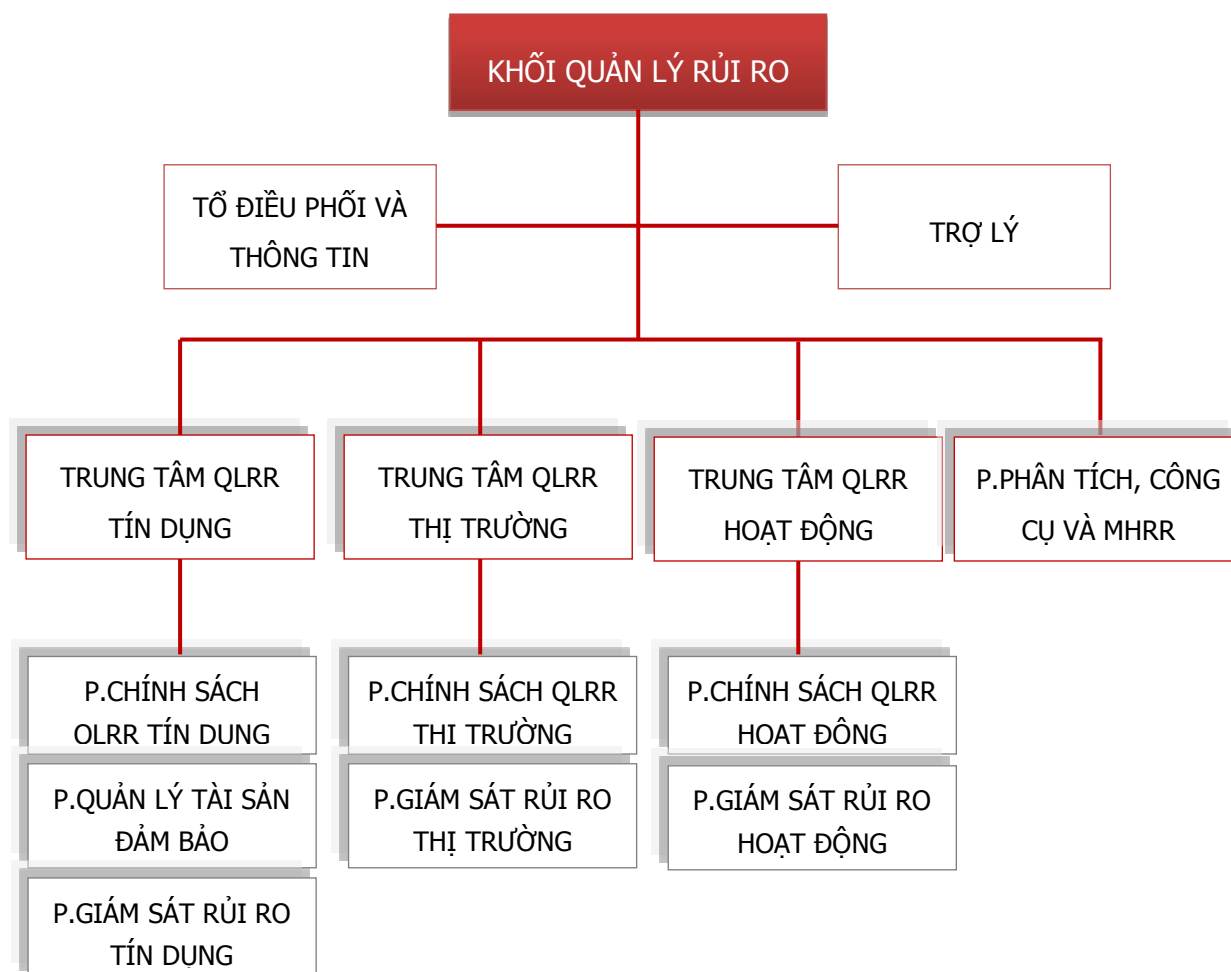
Maritime Bank đã xây dựng một bộ phận quản lý rủi ro độc lập, đa dạng (quản lý những rủi ro cơ bản trong hoạt động ngân hàng – rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động) gồm:

- ❖ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
- ❖ Ủy ban Quản lý rủi ro (trực thuộc Hội đồng quản trị)

Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị hoạt động giữ vai trò giám sát và đưa ra những khuyến nghị với HĐQT về những rủi ro hiện thời cũng như tiềm ẩn của Maritime Bank cùng với khẩu vị rủi ro, chiến lược rủi ro và các chính sách lớn. Bên cạnh đó, Ủy ban cũng báo cáo HĐQT những vấn đề nằm trong quyền hạn của Ủy ban và đề xuất phương án giải quyết. Ủy ban Quản lý rủi ro đóng vai trò nâng cao nhận thức về rủi ro trong nội bộ Maritime Bank.

- ❖ Hội đồng tín dụng

Hội đồng tín dụng gồm Tổng Giám đốc, Đại diện của Khối Quản lý Rủi ro, Khối Phê duyệt và đơn vị kinh doanh. Chức năng chính của Hội đồng tín dụng là đưa ra quyết định về những khoản vay của doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt quá thẩm quyền phê duyệt của Trung tâm Xử lý tín dụng tập trung (CPC), phê duyệt những khoản vay của doanh nghiệp lớn và định chế tài chính, những khoản đầu tư phi chiến lược và quyết định về những sửa đổi trong chính sách và hạn mức tín dụng.

Hình 11: Mô hình bộ máy quản lý rủi ro MSB**Nguồn:** Martime Bank**Bảng 17: Chế độ báo cáo quản lý rủi ro tại MSB**

Loại báo cáo	GĐ khối QLRR	TGD	HĐQT	NHNN
Báo cáo ngày	✓			
Báo cáo tháng	✓	✓		
Báo cáo quý	✓	✓	✓	
Báo cáo năm	✓	✓	✓	✓

Nguồn: Martime Bank**6.2.1. Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là những biến động bất lợi từ lãi suất, tỉ giá, giá hàng hóa và chứng khoán dẫn đến những tổn thất về danh mục tự doanh và vốn của ngân hàng. Để quản trị rủi ro thị

trường một cách hiệu quả, Maritime Bank đã và đang trong quá trình xây dựng/thiết lập hệ thống chính sách và công cụ để đo lường và kiểm soát rủi ro thị trường, trên cơ sở đảm bảo lợi nhuận mục tiêu của các đơn vị kinh doanh.

Khung chính sách và chiến lược quản lý rủi ro thị trường của Maritime Bank đang được hoàn thiện và triển khai với tiêu chí toàn diện (bao phủ các rủi ro tiềm năng), độc lập (độc lập với đơn vị kinh doanh), hợp lý (phù hợp với chiến lược kinh doanh) và hiện đại (áp dụng các chuẩn mực quốc tế). Tại Maritime Bank, rủi ro thị trường được kiểm soát thông qua hệ thống hạn mức toàn diện của ngân hàng, đồng thời được theo dõi chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo nội bộ và báo cáo ngân hàng nhà nước hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng. Các chính sách để kiểm soát từng loại rủi ro cụ thể như rủi ro tỉ giá, lãi suất, thanh khoản cũng đã được ban hành, triển khai và đang được hoàn thiện hơn nữa để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Maritime Bank đang áp dụng các công cụ định lượng để đo lường rủi ro thị trường bao gồm VaR (giá trị chịu rủi ro) và đánh giá lãi lỗ theo thị trường. Để đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư, trạng thái và giá trị của danh mục đầu tư được tính toán và so sánh với giá trị thị trường hàng ngày. Để đánh giá mức độ rủi ro của danh mục, phương pháp giá trị chịu rủi ro (VaR) được áp dụng để đo lường rủi ro tỉ giá và lãi suất. Đây là phương pháp ước tính mức lỗ tiềm năng trong tương lai trong điều kiện thị trường hoạt động bình thường. Ưu việt của VaR là có thể ước lượng được mức độ rủi ro xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau và đưa ra số lỗ dưới dạng xác suất.

Hiện nay, Maritime Bank đang triển khai hệ thống Kondor plus là hệ thống quản lý và kiểm soát giao dịch nguồn vốn toàn diện. Về phương diện quản lý rủi ro thị trường, K+ cung cấp tiện ích để kiểm soát trạng thái, lãi lỗ và hệ thống hạn mức rủi ro của từng loại sản phẩm: kinh doanh tiền tệ, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh/đầu tư trái phiếu, sản phẩm hàng hóa phái sinh... Đồng thời, các công cụ để đo lường và phát hiện rủi ro cũng được tích hợp trong K+, bao gồm hệ thống tính giá trị chịu rủi ro đối với cả rủi ro thị trường (VaR) và rủi ro đối tác (Credit VaR). K+ cũng cung cấp công cụ đo lường sự biến động của lãi suất, tỉ giá và các sản phẩm phái sinh khác. Kịch bản mô phỏng và kịch bản các tình huống khủng hoảng được mô tả chi tiết trong K+, giúp Maritime Bank chủ động đánh giá các tình huống căng thẳng và đưa ra biện pháp xử lý thích hợp.

Nhìn chung, hoạt động quản lý rủi ro thị trường tại Maritime Bank hiện nay đang hoàn thiện và phát triển nhanh chóng. Với sự đầu tư đúng hướng của Ban điều hành đối với quản trị rủi ro trong việc phát triển nguồn nhân lực và xây dựng các mô hình rủi ro hiện đại, công tác quản lý rủi ro thị trường tại Maritime Bank đã áp dụng và tuân thủ các chuẩn mực quản lý rủi ro trong nước và quốc tế.

6.2.2. Các công cụ đánh giá rủi ro tín dụng

Năm 2010, với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst&Young Vietnam nhằm chủ động đề ra các biện pháp đối phó với các tình huống rủi ro, khủng hoảng phát sinh, tập trung xây dựng hệ thống phần mềm quản lý rủi ro trên cơ sở tổng hợp, phân tích số liệu, công tác giám sát thông qua các chỉ số báo cáo, xem xét lại các quy trình nghiệp vụ nhằm giảm thiểu những hạn chế rủi ro có thể phát sinh. Hệ thống này lượng hóa được i) rủi ro tín dụng của ngân hàng; ii) rủi ro do khách hàng không có khả năng hoàn trả vốn vay; iii) rủi ro do ngân hàng phải thực hiện thay các nghĩa vụ cam kết bảo lãnh cho khách hàng với một bên thứ ba.

Maritime Bank sử dụng các công cụ sau để đánh giá rủi ro tín dụng:

- ❖ MARITIME BANK ratings (xếp hạng tín dụng nội bộ)
- ❖ Đánh giá tín dụng định tính (QCA)
- ❖ Định giá dựa trên rủi ro
- ❖ Hệ thống cảnh báo sớm

Xếp hạng tín dụng nội bộ (Maritime Bank ratings)

Kể từ tháng 10/2009, MARITIME BANK đã triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (MARITIME BANK Ratings) hướng tới ba đối tượng khách hàng: (i) doanh nghiệp, (ii) định chế tài chính và (iii) cá nhân.

MARITIME BANK ratings sẽ đánh giá khả năng chi trả của từng đối tượng khách hàng, hỗ trợ việc phân loại nợ và quản lý rủi ro tín dụng.

Bảng 18: Hệ thống MSB ratings

Hệ thống	Yêu cầu của NHNN	Thực tế tại MSB ratings
	Ngân hàng phải có các tiêu chí khác nhau để đánh giá cho các đối tượng khác nhau, cụ thể:	MSB có các tiêu chí khác nhau để đánh giá cho các đối tượng khác nhau, cụ thể:
Hệ thống xếp hạng tín dụng cho doanh nghiệp	Doanh nghiệp lớn Doanh nghiệp vừa Doanh nghiệp nhỏ Doanh nghiệp mới thành lập	✓ ✓ ✓ ✓ Doanh nghiệp siêu nhỏ
Hệ thống xếp hạng	Ngân hàng thương mại	✓

tín dụng cho định chế tài chính	Công ty tài chính	✓
	Công ty cho thuê tài chính	✓
	Công ty chứng khoán	
Hệ thống xếp hạng tín dụng cho cá nhân	Cá nhân	✓
	Hộ gia đình	✓

Nguồn: Maritime Bank

Bảng 19: Ứng dụng của MSB ratings

Ứng dụng	SME		DN lớn		FI		Cá nhân	
	Mô hình cũ	Mô hình mới	Hiện tại	Tương lai	Hiện tại	Tương lai	Hiện tại	Tương lai
Phê duyệt tín dụng	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cơ sở để phát triển chính sách TD	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chất lượng tín dụng	✓	x	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phân loại nợ/ Dự phòng rủi ro	x	✓	x	✓	x	✓	x	✓

Nguồn: Maritime Bank

Đánh giá tín dụng định tính (QCA)

Maritime Bank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đã triển khai đầy đủ công cụ QCA (đánh giá tín dụng định tính), một hệ thống đánh giá xếp hạng tín dụng nội bộ mới được xây dựng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. QCA là công cụ đánh giá tín dụng định tính tiên tiến và được chuẩn hóa với nhiều ưu điểm.

QCA được xây dựng dựa trên phương pháp luận đúng đắn của phía nhà tư vấn; kinh nghiệm thực tế quý giá của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc phụ trách tín dụng, các thành viên Hội đồng tín dụng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Phòng tín dụng và toàn bộ cán bộ tín dụng trên toàn hệ thống; cộng với những phương pháp thống kê và phương pháp đánh giá tiên tiến. Chất lượng của Mô hình QCA ở Maritime Bank được đo bằng hệ số GINI là một trong những mô hình tốt nhất so với các ngân hàng Châu Á khác.

QCA là một công cụ để sàng lọc, phân biệt khách hàng tốt – xấu, là cơ sở để đưa ra quyết định phê duyệt tín dụng và chính sách áp dụng đối với khách hàng; tổng điểm QCA của khách hàng (xác suất nợ quá hạn PD) là cơ sở để ước tính xác suất phát sinh nợ xấu cho mỗi khách hàng vay vốn nhờ đó định giá và ra quyết định dựa trên rủi ro, nâng cao chất

lượng ước tính nợ quá hạn của Ngân hàng; công cụ QCA góp phần tăng cường tính minh bạch của quá trình phê duyệt tín dụng, hạn chế tối đa tranh cãi giữa Bộ phận kinh doanh/bán hàng và Bộ phận phê duyệt tín dụng, giúp nhân viên kinh doanh trở nên sắc bén trong xác định những yếu tố rủi ro liên quan; đồng thời QCA đóng góp vào việc củng cố chất lượng đánh giá tín dụng: sử dụng QCA để xem xét yếu tố đánh giá xếp hạng tín dụng của khách hàng một cách hệ thống, nhất quán và khách quan.

Công cụ tính giá (risk-based pricing)

- ❖ Mô hình tính lãi suất cho vay theo mức rủi ro cho phép MSB cạnh tranh trên thị trường nhờ lãi suất chính xác dựa trên rủi ro.
 - ❖ Công cụ tính lãi suất giúp đưa ra mức lãi suất chính xác cho từng khách hàng và mang lại nhiều lợi ích như tăng tối đa doanh thu, đưa ra mức lãi suất cạnh tranh
- Với việc sử dụng công cụ tính giá, MSB có những tiện ích sau:

Doanh Thu	Tăng tối đa doanh thu nhờ áp dụng lãi suất chính xác cho từng khách hàng
-----------	--

MSB có thể phân biệt theo hạng rủi ro:

Lãi suất

- ❖ KH rủi ro thấp được hưởng ưu đãi
- ❖ KH rủi ro cao bị tính phí bảo hiểm

Việc tính lãi suất theo mức rủi ro là rất cạnh tranh trong phân khúc khách hàng trọng tâm

Các thành tố tính lãi suất khác nhau được phân cho cấp quản lý phù hợp

Quản trị

- ❖ TGD kiểm soát biên chỉ tiêu
- ❖ Cán bộ tín dụng kiểm soát phí bảo hiểm rủi ro
- ❖ Giám đốc tài chính kiểm soát rủi ro
- ❖ Nguồn vốn kiểm soát FTP
- ❖ TGD SME/GD vùng có quyền phủ quyết

Sự minh bạch

Tính minh bạch tăng do bộ phận kinh doanh trực tiếp hiểu rõ cách tính lãi suất cho từng kế hoạch cụ thể.

Áp dụng lãi suất theo từng khách hàng

Tính lãi suất theo từng khách hàng dựa trên những đặc điểm chính của khách hàng vay và công cụ tín dụng

Hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System)

- ❖ Là một công cụ đánh giá khách hàng sau cho vay, cảnh báo sớm đối với các trường hợp có dấu hiệu rủi ro và có thể chuyển nhóm nợ để đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời nhằm giảm tỷ lệ nợ chuyển nợ xấu.
- ❖ Hỗ trợ Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp trong việc quản lý danh mục khách hàng cho vay.

Maritime Bank sử dụng bộ câu hỏi EWS gồm 25 tiêu chí để Hệ thống tự động chạy dữ liệu thường xuyên hàng ngày sau khi khách hàng phát sinh dự nợ tại MSB.

Ngoài ra, Giám đốc quản lý quan hệ khách hàng còn tiến hành thu thập, kiểm tra thông tin thường xuyên, định kỳ theo các quy định hiện hành của Maritime Bank và kiểm tra bất thường khi phát sinh trường hợp nghi vấn nợ rủi ro. Các yếu tố định tính này được nhập vào hệ thống EWS theo tần suất quy định. Thị trường hoạt động

6.2.3. Mạng lưới chi nhánh, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh

Hình 12: Mạng lưới chi nhánh của Maritime Bank



Nguồn: Maritime Bank

Hệ thống mạng lưới của Maritime Bank đến 15/03/2011 gồm Trụ sở chính, Sở Giao dịch và các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm và các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

Bảng 20: Hệ thống mạng lưới của Maritime Bank đến 15.03.2011

STT	Khu vực	Trụ sở chính	Sở Giao dịch	Chính nhánh	Phòng GD/ Quỹ TK	Công ty con	Tổng
1.	Khu vực Hà Nội	01	01	05	44	01	52
2.	Khu vực Hải phòng			02	06		8
3.	Khu vực Quảng Ninh			01	07		8
4.	Khu vực Đà Nẵng			01	05		6
5.	Khu vực Hồ Chí Minh			05	23		28
6.	Tại các khu vực khác			16	26		42
	Tổng	01	01	30	111	01	144

Nguồn: *Maritime Bank*

Hiện tại, Maritime Bank không có công ty liên doanh, liên kết.

6.2.4. Mạng lưới khách hàng và thị phần, khả năng cạnh tranh

Trải qua 20 năm hoạt động, Maritime Bank đã xây dựng được i) mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, có mặt tại hầu hết các tỉnh thành và ii) mạng lưới khách hàng trải rộng toàn quốc. Khách hàng của Maritime Bank gồm:

- ❖ Các doanh nghiệp thuộc các cổ đông lớn và truyền thống của Maritime Bank như: Hàng hải, Bưu chính viễn thông, Hàng không, Xăng dầu, Khai thác, chế biến thủy hải sản, Xuất khẩu lương thực, thực phẩm, Xi măng, v.v.
- ❖ Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc mọi ngành kinh tế, có chú trọng tới các doanh nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng.
- ❖ Các hộ kinh doanh cá thể, nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

Với các gói sản phẩm đa dạng và nhiều tiện ích, Khách hàng của Maritime Bank càng ngày càng mở rộng và gắn kết lâu dài với Ngân hàng.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Bảng 21: Chi tiết các khoản vốn góp đầu tư dài hạn đến 31.3.2011

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị nhận vốn góp của MSB	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	% SH của MSB
1.	Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rộng	3.657.500.000	3.657.500.000	0,73%
2.	Công ty CP VTB Hải Âu	4.410.000.000	4.410.000.000	8,82%
3.	CTCP CK Châu Á - Thái Bình Dương	19.800.000.000	19.800.000.000	7,62%
4.	Công ty CP dịch vụ Thẻ	2.000.000.000	2.000.000.000	4,00%
5.	CTCP BĐS bưu chính viễn thông VN	25.000.000.000	25.000.000.000	5,00%
6.	CTCP Chứng khoán Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam	92.603.410.000	95.381.512.500	4,37%
7.	Ngân hàng TMCP Mêkong	304.904.000.000	306.933.000.000	10,16%
8.	Công ty tài chính Dệt may	55.000.000.000	66.000.000.000	11,00%
9.	Công ty CP chứng khoán Standard (<i>Nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank</i>)	6.000.000.000	6.000.000.000	2,00%
10.	Công ty Cổ phần đầu tư Vạn Khoa	3.960.000.000	3.960.000.000	11,00%
11.	CTCP Dịch vụ bảo vệ NH Hàng Hải	220.000.000	440.440.000	11,00%
	<i>Tổng</i>	517.554.910.000	533.582.452.500	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2011 của Maritime Bank

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009 VÀ 2010

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐSXKD trong 2 năm gần nhất

Bảng 22: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2009 đến 31.3.2011

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31.12.2009	31.12.2010	% tăng giảm	31.3.2011
1.	Tổng giá trị tài sản	63.882.044	115.336.083	81%	108.385.046
2.	Vốn Điều lệ	3.000.000	5.000.000	67%	5.000.000
3.	Nguồn Vốn chủ sở hữu	3.553.452	6.327.589	78%	6.377.850
4.	Tổng vốn huy động	59.254.160	94.180.892	59%	86.067.102
STT	Chỉ tiêu	2009	2010	% tăng giảm	Q1 2011
5.	Thu nhập lãi thuần	1.278.449	1.919.903	50%	469.549
6.	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	122.742	207.021	69%	72.992
7.	Lãi/(lỗ) thuần từ HĐKD ngoại hối	87.768	(106.983)	-222%	(48.679)
8.	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động KDCK	(7.708)	(12.496)	62%	(6.869)
9.	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động ĐTCK	64.292	389.390	506%	(99.810)
10.	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	87.130	110.221	27%	71.073
11.	Thu từ góp vốn, mua cổ phần	42.482	73.007	72%	1.671
12.	Tổng thu nhập HĐKD	1.675.155	2.580.063	54%	459.927
13.	Tổng chi phí HĐKD	(509.120)	(924.207)	82%	(230.437)
14.	LN thuần từ HĐKD trước CPDPRRTD	1.166.035	1.655.856	42%	229.490
15.	Tổng LN trước thuế	1.005.315	1.518.188	51%	87.088
16.	Thuế TNDN	(232.429)	(361.071)	55%	(5.820)
17.	Lợi nhuận sau thuế	772.886	1.157.117	50%	81.268
18.	EPS (VNĐ/cổ phần)	3.555	3.511	-1%	163
19.	Thu nhập bình quân (VNĐ/người/tháng)	9.932.838	11.590.001	17%	N/A

Nguồn: BCTCKT hợp nhất 2009, 2010, BCTC hợp nhất quý I 2011 và NQĐHĐCD 2010 và 2011 của Maritime Bank

Trong năm 2010, hoạt động sản xuất kinh doanh của Maritime Bank đã phát triển mạnh mẽ so với năm 2009 với tốc độ tăng trưởng khoảng 50% (huy động vốn, thu nhập lãi thuần, v.v.). Chỉ có chỉ tiêu Lãi/Lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối là sụt giảm mạnh so với năm 2009 do Maritime Bank, cũng như nhiều ngân hàng khác, đã gặp khó khăn lớn trong việc hạn chế thất thoát vì chênh lệch tỉ giá liên ngân hàng và tỉ giá tại thị trường tự do. Ngoài ra, thị trường ngoại hối có những biến động không lường, đồng USD mất giá mạnh mẽ so với các đồng tiền khác (ngoại trừ VietnamDong) đã gây ra rủi ro lớn cho Ngân hàng trong việc thực hiện các công cụ tài chính phái sinh.

Quý I 2011, Maritime Bank tiếp tục bị lỗ trong hoạt động ngoại hối và hoạt động đầu tư chứng khoán nên lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 7% so với tổng lợi nhuận sau thuế năm 2010. Tổng tài sản tại 31.03.2011 giảm 7% so với cuối năm 2010 do các tổ chức tín dụng rút 30% tiền gửi tại MSB (khoảng 10 nghìn tỷ đồng).

Bảng 23: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2009 đến quý I 2011

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2009	2010	% tăng giảm	Q1 2011
1.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.763.209)	(6.326.175)	129	(2.613.291)
2.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(25.450)	(41.477)	63	(11.168)
3.	Chi phí hoạt động khác	(560)	(14.329)	2459	(3.405)
4.	Chi phí hoạt động	(509.120)	(924.207)	82	(230.437)
5.	Chi phí dự phòng	(160.720) ⁹	(137.668)	-14	(142.402)
6.	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	(232.429)	(361.071)	55	(5.820)
	Tổng chi phí	(3.691.488)	(7.804.927)	111	(3.006.523)

Nguồn: BCTCKT hợp nhất 2009 và 2010, BCTC hợp nhất Q1 2011 của Maritime Bank

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Maritime Bank trong năm báo cáo

7.2.1. Thuận lợi

⁹ Tại báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2010, đơn vị kiểm toán (E&Y) đã điều chỉnh 30.011 triệu đồng từ chỉ tiêu "Thu nhập hoạt động khác" sang "Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng" so với số cuối kỳ tại báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2009 (do E&Y lập) theo quy định của NHNN

Về chiến lược và tầm nhìn của Ban lãnh đạo

Nhìn lại năm 2009, thành quả lớn nhất của Maritime Bank chính là việc đã có chiến lược rõ ràng và phù hợp để vượt qua những khó khăn chung trong bối cảnh nền kinh tế sau khủng hoảng còn đầy biến động, rủi ro, bất định và khó dự báo. Những thử thách đó đã giúp Maritime Bank tự tin hơn vào bản lĩnh, sự bền vững và khả năng thích ứng của mình đồng thời là động lực để Ngân hàng tiếp tục đặt ra những mục tiêu lớn, hướng tới những thành công mới trên chặng đường phía trước.

Năm 2010, Maritime Bank đã tiếp tục phát huy được thế mạnh để đạt được các mục tiêu cụ thể đã định nhằm đạt tới tầm nhìn:

"Trở thành Ngân hàng TMCP dẫn đầu thị trường về cung ứng các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp đa năng, trọn gói theo tiêu chuẩn quốc tế."

"Trở thành Ngân hàng TMCP hàng đầu cả nước về hiện đại hóa, năng động, chuyên nghiệp và lấy chữ Tín trong mọi hoạt động kinh doanh."

Về chính sách của NHNN

Quý IV 2009, tình hình tín dụng khá ảm đạm, nhiều NHTM bị thiếu hụt thanh khoản tạm thời. Đồng thời với mục tiêu quốc gia là đạt GDP trong năm 2010 tăng khoảng 7%, thì mức tín dụng của năm được dự đoán phải tăng ít nhất 30% (vì tại Việt Nam, mức tăng tín dụng từ 4-5 lần sẽ thúc đẩy GDP tăng 1%).

Do đó trong 06 tháng đầu năm 2010, NHNN đã có những giải pháp sau:

- ❖ Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở để đáp ứng nhu cầu thanh khoản của các TCTD, với kỳ hạn chào mua giấy tờ có giá dài hơn, tăng từ 7 ngày lên 14 ngày, hiện lên 28 ngày, thực hiện giao dịch 2 phiên/ngày từ ngày 21/12/2009 và giảm lãi suất kỳ hạn 7 ngày từ 7,8% xuống 7,5%-7%/năm.
- ❖ Tăng khối lượng cho vay tái cấp vốn; Thực hiện hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng có dư vốn huy động bằng ngoại tệ; giảm lãi suất hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 1 tháng từ 8%/năm xuống 7,5%/năm và 3 tháng từ 8,5%/năm xuống 8%/năm; Hỗ trợ thanh khoản trực tiếp cho các ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ nhằm ổn định thị trường tiền tệ - tín dụng.

Nhờ những giải pháp trên, trong 6 tháng đầu năm, tình hình thiếu thanh khoản tạm thời của các NHTM đã được giải quyết, tín dụng được nới lỏng một phần.

Trong 6 tháng cuối năm 2010, để kiểm chế lạm phát và hỗ trợ các thanh khoản cho các NHTM, NHNN đã có những giải pháp sau:

- ❖ Định hướng nhiệm vụ đầu tiên là điều hành lượng tiền cung ứng theo kế hoạch đảm bảo tổng phương tiện thanh toán và tín dụng cả năm 2010 tăng khoảng 20-25%.
- ❖ Tăng thêm khối lượng vốn giao dịch qua nghiệp vụ thị trường mở với kỳ hạn và lãi suất hợp lý; Tiếp tục cho vay tái cấp vốn để hỗ trợ các ngân hàng thương mại mở rộng tín dụng đối với nông nghiệp và nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Với các giải pháp trên của NHNN, tăng trưởng tín dụng năm 2010 đạt 27,65%; Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam tính đến cuối năm 2010 vào khoảng 2,5% (hay nếu tính thêm Vinashin, nợ xấu toàn ngành ngân hàng tăng thêm 0,7%). Riêng Maritime Bank, tỉ lệ tăng trưởng tín dụng trong năm 2010 đạt 33%, tỉ lệ nợ xấu là 2,17%.

Về nhu cầu dịch vụ ngân hàng

Hoạt động ngân hàng bán lẻ và ngân hàng đầu tư có tiềm năng tăng trưởng mạnh do i) mức độ sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng cá nhân tại Việt Nam còn thấp; ii) thị trường vốn chưa phát triển đầy đủ; iii) nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá nhanh.

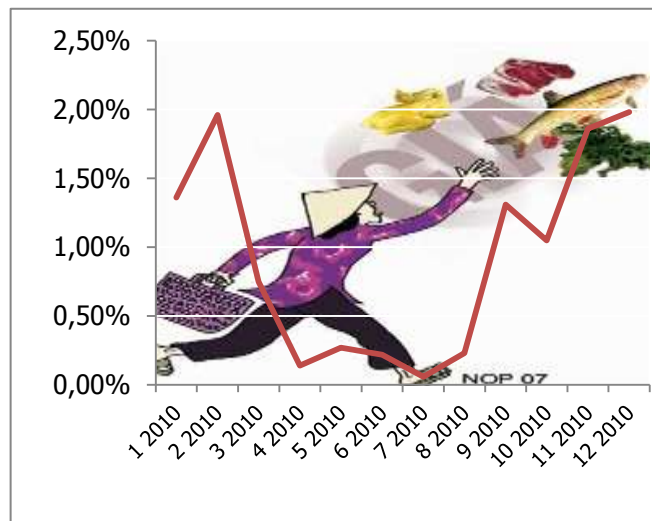
Nền kinh tế ngày càng phát triển, sự gia tăng về quy mô và số lượng các doanh nghiệp và với dân số Việt Nam trên 87 triệu người, các NHTM sẽ có rất nhiều cơ hội để phát triển các dịch vụ khác như thanh toán, bảo lãnh tín dụng, dịch vụ thẻ, v.v.

7.2.2. Khó khăn

Là một ngân hàng thương mại, hoạt động của Maritime Bank bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô gồm i) tốc độ phát triển kinh tế; ii) lạm phát; iii) lãi suất; iv) thị trường ngoại hối; v) cạnh tranh trong ngành, v.v. Trong năm 2010, các yếu tố này đã gây một số khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Maritime Bank, cụ thể:

Về tốc độ phát triển kinh tế và lạm phát

Năm 2010, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 6,78% - một con số khả quan so với kế hoạch và so với các nước trong cùng khu vực. Tuy nhiên, lạm phát trong năm 2010 gần gấp đôi tốc độ tăng GDP (11,75%). Do đó về thực tế, nền kinh tế nói chung, doanh nghiệp và cá nhân nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu tín dụng của nền kinh tế và chính sách tín dụng của Ngân hàng Nhà nước nhằm hướng tới bình ổn lạm phát.

Hình 13: Biến động CPI trong năm 2010

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về lãi suất

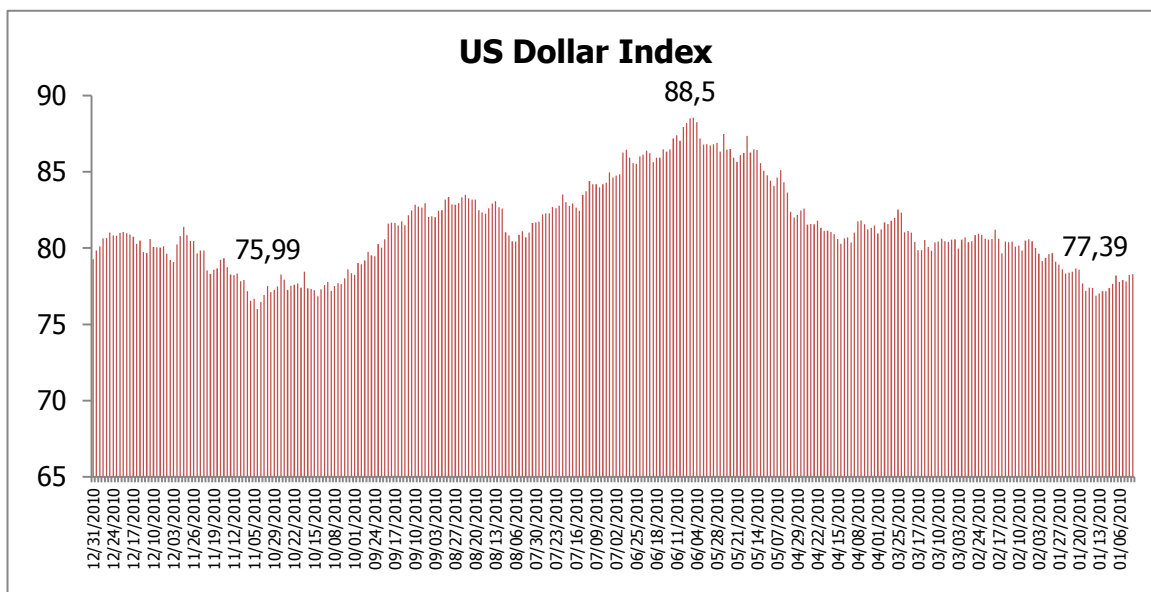
Việc thay đổi lãi suất thị trường ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của ngân hàng bởi khi lãi suất thị trường thay đổi, nguồn thu từ các tài sản sinh lời cũng như chi phí từ huy động vốn đều thay đổi, từ đó ảnh hưởng tới lợi nhuận của ngân hàng.

Trong năm 2010, NHNN đã tăng lãi suất cơ bản từ 8% lên 9% vào ngày 5 tháng 11 năm 2010 do áp lực của lạm phát, của thị trường tiền tệ, điều này đã dẫn tới việc một loạt ngân hàng tăng lãi suất huy động lên mức trần là 14% để thu hút nguồn tiền gửi, phục vụ cho hoạt động tín dụng.

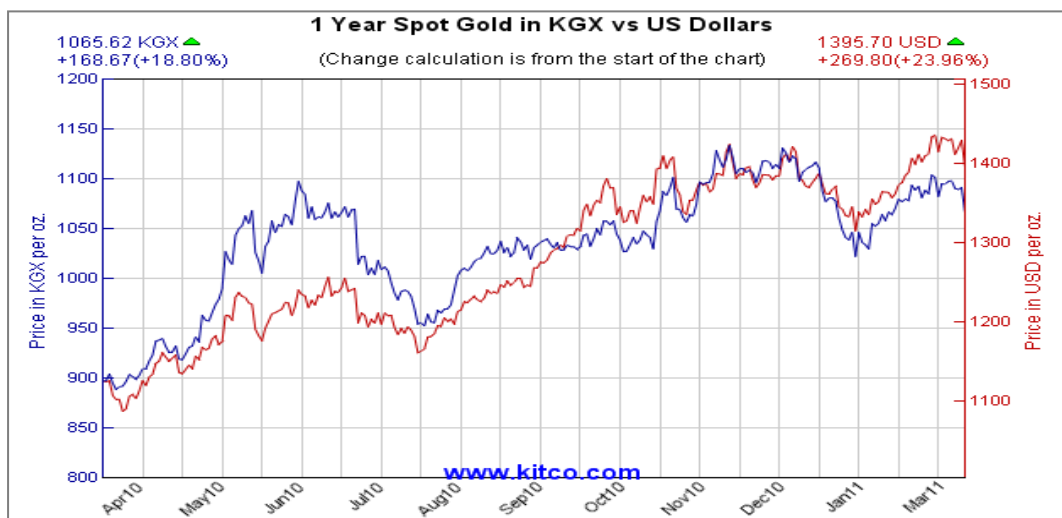
Tháng 11 và 12 cung vốn giảm do tốc độ tăng tín dụng lớn hơn huy động vốn, quan hệ giữa lãi suất VND - tốc độ tăng của tỷ giá - lãi suất USD có chênh lệch âm (- 2,38%), khác với các năm gần đây (2005: 3,79%/năm; 2006: 2,87%/năm; 2007 là 4,06%/năm): thanh khoản trên thị trường nội tệ liên ngân hàng không dồi dào, lãi suất vẫn có sức ép tăng; các ngân hàng thương mại có nhu cầu lớn huy động vốn dài hạn nhưng thị trường tiền tệ chưa ổn định, người gửi tiền ít gửi kỳ hạn dài (trên 3 tháng) làm cho các tổ chức tín dụng phải ấn định lãi suất huy động ở mức cao để tăng khả năng huy động vốn.

Về thị trường ngoại hối

Trong năm 2010, thị trường vàng biến động bất thường. Thị trường ngoại hối biến động mạnh, từ giữa năm 2010, đồng USD mất giá mạnh so với các ngoại tệ khác. Trong khi đó, VNĐ lại mất giá mạnh so với USD (xem phần [6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối](#)). Việc biến động này đã làm ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh ngoại hối của Maritime Bank.

Hình 14: Biến động của chỉ số đồng USD trong năm 2010

Nguồn: Bloomberg

Hình 15: Biến động chỉ số vàng Kitco (KGX)

Nguồn: Kitco

Về cạnh tranh trong ngành

Cạnh tranh trong khối ngân hàng ngày càng gay gắt, cụ thể là i) cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước (NHTMCP và NHTMQD) và ii) cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước và các ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Các ngân hàng thương mại cổ phần đã thể hiện được khả năng cạnh tranh lớn khi tốc độ phát triển cao, hoạt động với mục tiêu vì khách hàng, do đó về khía cạnh dịch vụ, NHTMCP đã vượt được với NHTMQD và có thể cạnh tranh được với ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, xét về các hoạt động đòi hỏi quy mô lớn (như bảo lãnh, tín dụng xuất nhập khẩu, v.v.) thì

chỉ có một số NHTMCP (ACB, STB, Techcombank và Maritime Bank) mới có thể tham gia cạnh tranh, nhưng vẫn có nhiều bất lợi so với ngân hàng nước ngoài và NHTMQD.

8. VỊ THẾ CỦA MARITIME BANK SO VỚI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC TRONG NGÀNH

8.1. Vị thế của Maritime Bank trong ngành

Maritime Bank là một trong những Ngân hàng ngày càng khẳng định được thương hiệu trên thị trường trong hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, các chỉ tiêu về thu nhập, huy động vốn, lợi nhuận có mức tăng trưởng lớn.

Hiện tại, Maritime Bank đã có mặt trong nhóm Ngân hàng với lợi nhuận nghìn tỷ. Trong tương lai gần, Maritime Bank hướng tới sẽ là một trong những ngân hàng lớn nhất và tốt nhất Việt Nam.

Vị thế của Maritime Bank được đánh giá trên các khía cạnh chính gồm i) Về tài chính; ii) Về công nghệ; iii) Về nhân lực; iv) Về chất lượng dịch vụ và v) Về mạng lưới hoạt động.

8.1.1. Tài chính ổn định và hiệu quả

Bảng 24: Một số chỉ tiêu năm 2010 của MSB và các Ngân hàng lớn đang niêm yết

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	MSB	VCB	CTG	ACB	STB	EIB	SHB
1.	Vốn Điều lệ	Tỷ	5.000.000	13.223.715	15.172.291	9.376.965	9.179.231	10.560.069	3.497.519
2.	NVCSH	Tỷ	6.327.589	20.789.511	18.372.276	11.376.757	14.694.975	13.510.740	4.183.214
3.	Tổng Tài sản	Tỷ	115.336.083	307.496.090	367.712.191	205.102.950	152.386.936	131.110.882	51.032.861
4.	Tiền gửi KH	Tỷ	48.626.708	204.755.949	205.918.705	106.936.611	78.335.416	58.150.665	25.633.644
5.	Dư nợ cho vay	Tỷ	31.521.535	171.124.824	231.434.907	86.478.408	81.664.200	61.717.617	24.103.032
6.	EPS	VNĐ/CP	3.511	2.315	2.055	2.861	2.422	1.718	2.178
7.	ROA	%	1,00%	1,37%	0,93%	1,14%	1,23%	1,38%	0,97%
8.	ROAA	%	1,29%	1,50%	1,11%	1,25%	1,46%	1,85%	1,26%
9.	ROE	%	18,29%	20,27%	18,54%	20,52%	12,74%	13,43%	11,82%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của MSB, VCB, CTG, ACB, STB, EIB, SHB

Sau khi phát hành tăng Vốn Điều lệ lên 7.000 tỷ vào quý II 2011 và chia thưởng lên 8.000 tỷ vào quý IV 2011, Maritime Bank sẽ là một trong những NHTM trong nước lớn nhất Việt Nam. Với tôn chỉ kinh doanh và chiến lược phát triển rõ ràng, Maritime Bank tự tin sẽ trở thành là ngân hàng hàng đầu của Việt Nam.

8.1.2. Hệ thống công nghệ hiện đại

Các ứng dụng của Maritime Bank được xây dựng dựa trên hệ thống sau:

Hệ thống ngân hàng cốt lõi (core Banking)

Hệ thống ngân hàng điện tử (internet Banking)

- ❖ Trung tâm dữ liệu và trung tâm dự phòng
- ❖ Hệ thống Core Banking
- ❖ Hệ thống mạng và bảo mật
- ❖ Hệ thống chuyển mạch tài chính hoàn chỉnh có khả năng kết nối với tất cả các tổ chức trong nước cũng như quốc tế.
- ❖ Hệ thống chuyển mạch lõi của ngân hàng và triển khai hệ thống lưu trữ tập trung

Với những hệ thống áp dụng công nghệ hiện đại này, Maritime Bank được đánh giá là một trong những ngân hàng hiện đại nhất Việt Nam.

8.1.3. Nhân lực chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao

Maritime Bank tự hào vì có đội ngũ lãnh đạo thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị tài chính - ngân hàng, có kỹ năng quản lý, nắm bắt các biến động của thị trường ngày càng thể hiện được trình độ chuyên môn và đáp ứng được các yêu cầu của chuẩn mực quốc tế.

Ngoài ra, đội ngũ nhân sự trẻ, được đào tạo cơ bản, sáng tạo, gắn bó với sự phát triển của Maritime Bank, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, thái độ phục vụ khách hàng tận tâm, nhiệt tình, chuyên nghiệp.

8.1.4. Chất lượng dịch vụ tốt với tôn chỉ vì sự hài lòng của khách hàng

Khách hàng đến với Maritime Bank luôn hài lòng với i) các tiện ích kèm theo của dịch vụ và ii) thái độ thân thiện của nhân viên.

Về thái độ nhân viên

Điểm yếu nhất về chất lượng dịch vụ của các ngân hàng Việt Nam, đặc biệt là NHTMQĐ là "thiếu thái độ giao tiếp niềm nở, trẻ trung của nhân viên ngân hàng". Đây chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt cho ngân hàng ngoại.

Maritime Bank nhận thức rõ thực trạng này, nên luôn chú trọng đào tạo lực lượng nhân viên có thể cạnh tranh được với ngân hàng nước ngoài về cả thái độ và chuyên môn. Vì vậy khách hàng đến với Maritime Bank luôn cảm thấy hài lòng vì sự chuyên nghiệp, nhẹ nhàng, vui vẻ của nhân viên Ngân hàng.

Về các tiện ích khác

Maritime Bank đã cung cấp dịch vụ với nhiều tiện ích để tối đa hóa sự hài lòng của khách hàng gồm i) hệ thống internet banking nhanh, dễ hiểu, giao diện đẹp; ii) giảm phí, thậm chí miễn giao dịch, v.v. với một loại gói sản phẩm (như M1, v.v.).

8.1.5. Mạng lưới hoạt động đang ngày càng mở rộng

Đến thời điểm 15.03.2011, Maritime Bank đã có 01 Trụ sở chính, 01 sở giao dịch, 30 chi nhánh và 111 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm. So với các NHTMQD và một số NHTMCP lớn như ACB, STB mạng lưới của Maritime Bank còn nhỏ.

Tuy nhiên Maritime Bank đã có chiến lược cụ thể về việc xây dựng mạng lưới hoạt động. Dự kiến trong vòng 05 năm tới, Maritime Bank sẽ là một trong những ngân hàng có mạng lưới rộng khắp toàn quốc.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Với vai trò đảm bảo hoạt động luân chuyển vốn cũng như tính thanh khoản của nền kinh tế, sự phát triển của nền kinh tế đã tạo những tiền đề thuận lợi cho ngành ngân hàng phát triển. Cụ thể năm 1991 ngành chỉ có 9 ngân hàng hoạt động thì đến cuối năm 2010 tại Việt Nam đã có 5 NHTMQD, 1 NH chính sách, 37 NHTMCP, 5 NH 100% Vốn nước ngoài, 5 NH liên doanh, 48 chi nhánh NH nước ngoài, 48 văn phòng đại diện của NH nước ngoài. Quy mô vốn của các ngân hàng cũng tăng mạnh để đáp ứng được yêu cầu tăng vốn pháp định của NHNNH. Việc phát triển lớn mạnh của ngành ngân hàng trong thời gian qua là hoàn toàn dễ hiểu bởi nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam tăng mạnh.

Đồng thời, với mục tiêu của của Chính phủ “Thanh toán không dùng tiền mặt” ngành ngân hàng sẽ phải chuyển mình không ngừng để đến năm 2020 đạt được yêu cầu của Chính phủ là i) tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%; ii) số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu; iii) hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản và iv) 95% khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng.

Ngoài ra, Việt Nam đã là thành viên của WTO nên các chính sách về tài chính tiền tệ đều mở cửa và thông thoáng hơn và đang hướng tới việc phù hợp với các những chuẩn mực quốc tế. Xu hướng này đòi hỏi các ngân hàng trong đó có Maritime Bank phải tăng cường việc áp dụng các quy định kế toán, kiểm toán, quản lý rủi ro, v.v. theo các nguyên tắc của chuẩn mực quốc tế. Điều này giúp cho hoạt động của các ngân hàng được quản lý tốt hơn, an toàn hơn và phát triển bền vững hơn.

Như vậy, cơ hội phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại khi Việt Nam gia nhập nền kinh tế quốc tế là rất lớn. Các ngân hàng Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận, nghiên cứu,

cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng về chủng loại và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

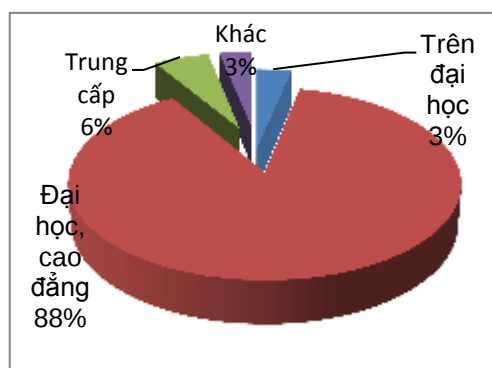
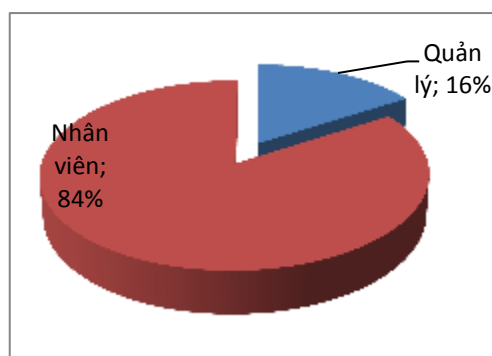
8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Maritime Bank với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Maritime Bank, với việc xác định mục tiêu tăng trưởng ổn định trong các năm tới và phát triển hướng tới trở thành NHTM đa năng, hiện đại là phù hợp với triển vọng phát triển của ngành cũng như xu hướng gia tăng mạnh mẽ nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng. Tiềm năng phát triển kinh tế trong tương lai là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tăng trưởng tài sản, mở rộng mạng lưới. Bên cạnh việc mở rộng các dịch vụ tài chính, phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của nền kinh tế, Maritime Bank xác định hoạt động lõi ngân hàng thương mại sẽ giúp duy trì hoạt động ổn định của ngân hàng ngay cả khi nền kinh tế có những khó khăn nhất định.

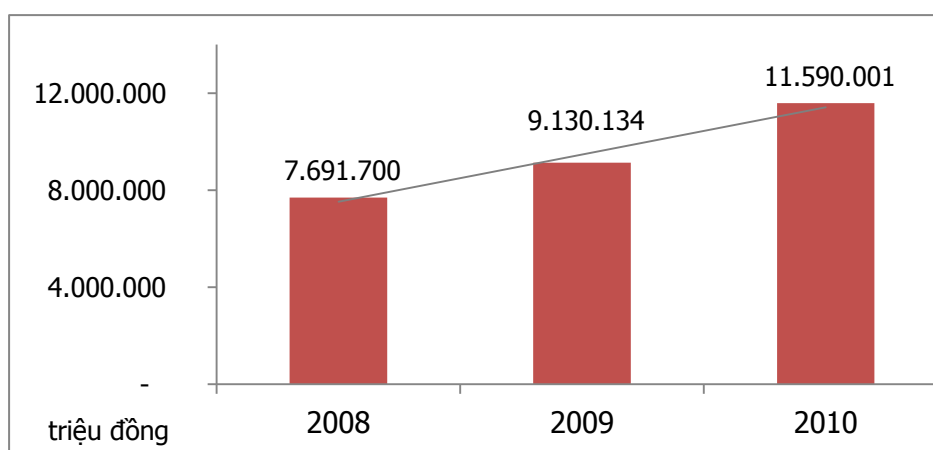
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hình 16: Tình hình lao động của Maritime Bank tại 31.12.2010

STT	Phân theo cấp bậc	Số lượng
1.	Cấp quản lý	412
2.	Nhân viên	2.175
	Tổng	2.587
STT	Phân theo trình độ	Số lượng
1.	Trên đại học	86
2.	Đại học, cao đẳng	2.278
3.	Trung cấp	140
4.	Khác	83
	Tổng	2.587



Nguồn: Maritime Bank

Hình 17: Mức lương bình quân tại Maritime Bank từ 2008 đến 2010

Nguồn: Maritime Bank

9.1. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân lực là công tác được ưu tiên hàng đầu của Maritime Bank. Mục tiêu là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Các nhân viên trong hệ thống Maritime Bank được khuyến khích đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với chức năng công việc nhằm thực hiện tốt các dịch vụ đa dạng của ngân hàng và chuẩn bị cho những công việc có trách nhiệm cao hơn. Maritime Bank đã xây dựng được trung tâm đào tạo của mình với hệ thống giáo trình hoàn chỉnh bao gồm tất cả các nghiệp vụ ngân hàng, các kiến thức pháp luật, tổ chức quản lý.

Cán bộ quản lý, điều hành của Maritime Bank cũng được chú trọng đào tạo chuyên sâu về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị rủi ro, quản lý chất lượng,... ngân hàng cũng khuyến khích và thúc đẩy sự chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong ngân hàng trên tinh thần một tổ chức không ngừng học tập để chuẩn bị tạo nền tảng cho sự phát triển liên tục và bền vững.

Về chủ trương, tất cả các nhân viên trong hệ thống Maritime Bank đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài ngân hàng, được ngân hàng tài trợ mọi chi phí.

Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Maritime Bank tổ chức các khoá đào tạo liên quan như:

- ❖ Khóa học về hội nhập môi trường làm việc;
- ❖ Khóa học về các sản phẩm của Maritime Bank;
- ❖ Các khoá nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm liên quan đến chức danh nhân viên (Tín dụng, Giao dịch khách hàng, Tài trợ thương mại,...);

Đối với cán bộ quản lý, Maritime Bank thường xuyên tổ chức các khoá học tập huấn như

sau:

- ❖ Các sản phẩm mới của Maritime Bank;
- ❖ Khoá bồi dưỡng kiến thức quản lý;
- ❖ Các khoá học về kỹ năng liên quan (kỹ năng bán hàng, kỹ năng đàm phán, kỹ năng giải quyết vấn đề,...);
- ❖ Các khoá học nâng cao và cập nhật, bổ sung kiến thức về nghiệp vụ: tín dụng nâng cao, phục vụ khách hàng chuyên nghiệp,...

9.2. Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên Maritime Bank gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng. Về quy định chung, Maritime Bank có các chế độ cơ bản như sau:

- ❖ Mỗi năm nhân viên tối thiểu được thưởng 01 tháng lương;
- ❖ Ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo kết quả hoàn thành công việc;
- ❖ Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- ❖ Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập ngân hàng.

9.3. Chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên của Maritime Bank đều được ngân hàng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với Bộ Luật lao động. Bên cạnh đó, nhân viên còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như: Phụ cấp độc hại, phụ cấp chuyên môn,...

9.4. Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

Tại Maritime Bank, các tổ chức như Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Maritime Bank thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi, thân thiện cho nhân viên.

Hàng năm, Maritime Bank thực hiện chế độ nghỉ mát, đồng phục cho nhân viên. Ngoài ra, Maritime Bank còn có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ, đi tham quan, tổ chức vui chơi cho con em nhân viên vào các dịp Lễ, Tết.

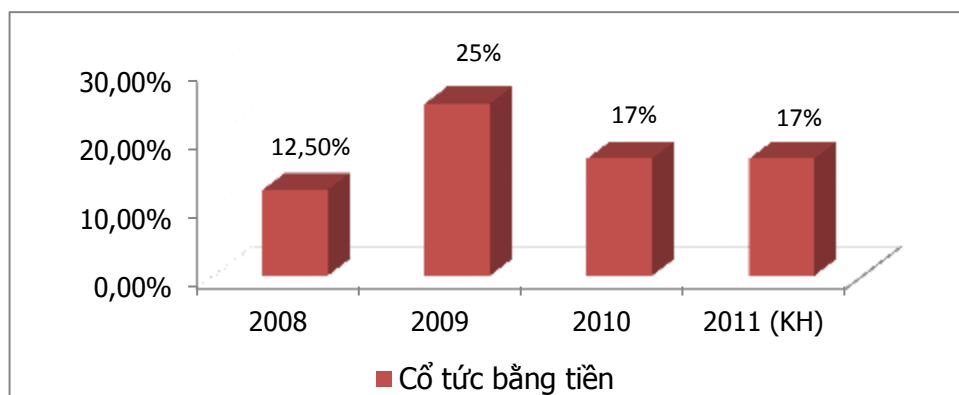
Maritime Bank đặc biệt chú trọng tổ chức và tham gia các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... thông qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Maritime Bank với nhau và với xã hội.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng Cổ đông trong các phiên họp thường niên. Phương án này được

xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế, đồng thời xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư, mở rộng kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Hình 18: Tỷ lệ trả cổ tức của Maritime Bank từ 2008 đến 2010



Nguồn: Maritime Bank

Trong các năm qua, Maritime Bank luôn chia cổ tức bằng tiền với tỉ suất cao (và không chia cổ tức bằng cổ phiếu). Riêng năm 2009 tỉ suất tăng mạnh lên 25% vì i) Ngân hàng áp dụng chiến lược mới nên tỉ suất lợi nhuận rất cao; và ii) Vốn Điều lệ của Ngân hàng tại 2009 còn thấp.

Trong năm 2011, Maritime Bank dự kiến chia thưởng cổ phiếu 1.000 tỷ đồng để tăng Vốn Điều lệ lên 8.000 tỷ đồng (sau khi hoàn thành việc phát hành 2.000 tỷ đồng) từ nguồn thặng dư vốn, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận để lại.

11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Q1 2011
I.	Quy mô vốn				
1.	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	3.000.000	5.000.000	5.000.000
2.	Tổng tài sản có	Triệu đồng	63.882.044	115.336.083	108.385.046
3.	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	%	8,93%	9,18%	N/A
II.	Kết quả HĐKD				
1.	Tiền gửi của KH & giấy tờ có giá	Triệu đồng	35.421.546	60.822.028	62.484.074
2.	Doanh số cho vay	Triệu đồng	23.871.616	31.829.535	30.638.174
3.	Nợ xấu	Triệu đồng	150.233	594.573	855.377

4.	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	%	0,63%	1,87%	2,79%
III.	Khả năng thanh toán				
1.	Tỉ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày	Lần	1,42	1,04	N/A
2.	Tỉ lệ NVNH cho vay trung dài hạn	%	15,50%	7,92%	N/A

Nguồn: *Maritime Bank*

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1. Bà Lê Thị Liên: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên	:	LÊ THỊ LIÊN
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	012352366; Cấp ngày 29/05/2000 tại Hà Nội
3. Giới tính	:	☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	03/12/1962
5. Nơi sinh	:	Hà Nam
6. Quê quán	:	Xã Thanh Hà, Huyện Thanh Liêm, Phủ Lý, Hà Nam
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Số 16 Khu tập thể Bưu điện Nam Thăng Long, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37710969
11. Trình độ văn hoá	:	10/10
		Cử nhân Kế toán Tài chính
12. Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh. Đang làm tiến sỹ theo chương trình hợp tác của Pacific Western (Hoa Kỳ và Đại học Quốc gia Hà Nội)
13. Quá trình công tác		
▪ 1985 – 1988	:	Kế toán viên – Công ty Tem
▪ 1988 – 1994	:	Kế toán trưởng - Trưởng Phòng TCKT - Công ty Tem

	Kế toán trưởng - <i>Công ty Liên doanh thiết bị tổng đài</i>
▪ 1994 – 2001	: VKX (Liên doanh giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam với LG Hàn Quốc)
▪ 2001 – 2009	: Phó trưởng Ban Kế toán - Thống kê - Tài chính <i>Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT)</i>
▪ 2009 - nay	: Trưởng Ban quản lý đầu tư vốn ra ngoài DN - <i>VNPT</i>
▪ 2007 - nay	: Chủ tịch HĐQT - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	: Trưởng Ban quản lý đầu tư vốn ra ngoài DN – <i>VNPT</i>
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	: 12,526%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	: 62.629.999 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 62.629.999 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	: 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.1.2. Ông Trần Anh Tuấn: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	: TRẦN ANH TUẤN
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 011281752; Cấp ngày: 10/01/2010; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	: ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 11/06/1969
5. Nơi sinh	: Hà Nội
6. Quê quán	: Hà Tĩnh
7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: Số 32, Hàng Thiếc, Hàng Gai, Hoàn Kiếm, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	: 04.37710985

11. Trình độ văn hoá	:	10/10
12. Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân khoa học địa chất - khoáng sản Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Griggs, Hoa Kỳ
13. Quá trình công tác		
▪ 1986 – 1987	:	Lưu học sinh tiếng Nga - <i>Đại học Ngoại ngữ Hà Nội</i>
▪ 1987 – 1993	:	Sinh viên - <i>Học viện thăm dò địa chất quốc gia Matxcova (Liên Xô cũ)</i>
▪ 1993 – 1995	:	Kinh doanh tại <i>Liên Bang Nga</i>
▪ 01/1996 – 11/1996	:	Kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam: VP Bank, MB
▪ 1996 – 2006	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc <i>Công ty cổ phần Nam Thắng</i>
▪ 2006 – 1/2008	:	Tổng Giám đốc <i>Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam</i>
▪ 2007 - nay	:	Phó chủ tịch HĐQT – <i>Maritime Bank</i>
▪ 10/2008 – nay	:	Tổng Giám đốc - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	0,019%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	94.937 cổ phần
▪ Sở hữu cá nhân	:	94.937 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.1.3. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hường: Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng quản trị

1. Họ và tên	:	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HƯỜNG
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	011914658; Cấp ngày : 12/4/2005; Nơi cấp: Hà Nội

3. Giới tính	:	☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	9/4/1970
5. Nơi sinh	:	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
6. Quê quán	:	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Số 32 Hàng Thiếc, Hoàn Kiếm, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37710969
11. Trình độ văn hoá	:	Thạc sĩ
		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – <i>Đại học IMPAC (Mỹ)</i>
		Cử nhân Ngôn Ngữ - <i>Đại học Tổng hợp Lênin –</i>
12. Trình độ chuyên môn	:	<i>Matxcova</i>
		Cử nhân Anh Văn - <i>Đại học Ngoại ngữ Hà Nội</i>
		Kế toán; Quản trị doanh nghiệp
13. Quá trình công tác		
▪ 1992 – 1995	:	Phó giám đốc <i>Công ty TNHH Intelcom – Matxcova</i>
	:	Nhân viên kế toán, sản xuất, Trưởng phòng, Phó giám đốc, Phó Tổng giám đốc sản xuất – <i>Công ty cổ phần Nam Thắng</i>
▪ 1996 – 2003	:	
	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên; Chủ tịch HĐQT các công ty: Nam Hòa, Nam Đức, Nam Quang, Hà Tây;
▪ 2000 – 2007	:	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Khu công nghiệp Hà Nội – Đài Tư
	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ và Thương Mại Thanh Dương
▪ 04/2004 đến nay	:	
	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bất động sản Mùa Đông - VID
▪ 09/2007 đến nay	:	
	:	Thành viên Hội đồng quản trị - <i>Ngân hàng TMCP Nông thôn Hải Hưng (Hacombank)</i>
▪ 1/2005 – 1/2006	:	
	:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
▪ 3/2010-10/2010	:	<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)</i>

▪ 6/2006 - nay	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc <i>CTCP Tập Đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam</i> Đại biểu HĐND TP.Hà Nội khóa 12 nhiệm kỳ (1999-2004) và khóa XIII nhiệm kỳ (2004-2011)
▪ 1999 – nay	:	Ủy viên Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam khóa VI (2004-2009) và khóa VII (2009-2014) Đại biểu Quốc Hội Khóa XII (2007-2011), ủy viên Ủy ban kinh tế Quốc hội
▪ 2/2011 - nay	:	Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị
		1. Phó Chủ tịch hiệp hội Công thương Tp.HN.
		2. Ủy viên BCH hiệp hội SMEs Tp. HN.
		3. Chủ tịch quỹ hỗ trợ người nghèo vượt khó.
		4. Phó Chủ tịch ủy ban đối ngoại của hội đồng nữ doanh nghiệp thuộc VCCI.
Chức vụ tại tổ chức khác	:	5. Phó Chủ tịch hội liên lạc với người Việt nam ở nước ngoài Tp. HN.
		6. Ủy viên đoàn Chủ tịch TW hội Doanh nghiệp Trẻ Việt nam.
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	2,636%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	13.182.318 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	13.182.318 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	0,019% Chồng – Trần Anh Tuấn sở hữu 94.937 CP
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.1.4. Ông Nguyễn Hữu Đức: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên	:	NGUYỄN HỮU ĐỨC
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	030809569; Cấp ngày: 02/10/2000; tại Hải Phòng

3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	29/09/1959
5. Nơi sinh	:	Hải Dương
6. Quê quán	:	Xã Bình Lãng, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Số 519, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04. 3771.8989
11. Trình độ văn hoá	:	10/10
12. Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế - <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Ô-đét-xa Liên Xô cũ</i>
13. Quá trình công tác		
▪ 1977 – 1981	:	Cử nhân Kinh tế (khóa 1977 - 1981) <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Ô-đét-xa Liên Xô cũ</i>
▪ 1982	:	Chờ phân công công tác tại Bộ Đại học
▪ 1983 – 1986	:	Công tác tại <i>Ban Kinh tế Thành ủy Hải Phòng</i>
▪ 1987 – 1989	:	Công tác tại <i>Sở Công nghiệp Hải Phòng</i>
▪ 1990 - 07/1991	:	Công tác tại <i>Liên hiệp Hàng Hải Việt Nam</i>
▪ 07/1991 đến nay	:	Công tác tại <i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	0,010 %
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	50.000 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	50.000 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	0 %
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.1.5. Ông Đỗ Văn Bình: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên	:	ĐỖ VĂN BÌNH
--------------	---	--------------------

2. Số chứng minh thư nhân dân	:	011911954; Cấp ngày: 09/04/2008; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	20/02/1960
5. Nơi sinh	:	Bắc Ninh
6. Quê quán	:	Xã Lâm Thao, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Số 4-6, ngõ 117 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	043.771.3658
11. Trình độ văn hoá	:	10/10
12. Trình độ chuyên môn	:	Tốt nghiệp Học viện Ngân hàng
13. Quá trình công tác	:	
▪ 1979 – 1990	:	Cán bộ <i>Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Hà Bắc</i>
▪ 1990 – 1993	:	Cán bộ <i>Công ty Cơ khí Thủy sản Trung Ương</i>
▪ 1993 – 1997	:	Giám đốc điều hành <i>Công ty XNK Tổng hợp GLEXTMCO tại Hà Nội</i>
▪ 1997 – T2/2007	:	Giám đốc <i>Công ty XNK tổng hợp và chuyển giao công nghệ Việt Nam – VINAGIMEX</i>
▪ T03/2007 – T9/2008	:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị <i>Công ty Cổ phần Đại Dương</i>
	:	Thành viên Hội đồng Quản trị - <i>Maritime Bank</i>
▪ 2008 - nay	:	Thành viên Hội đồng thành viên <i>Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Thành viên Hội đồng Quản trị
	:	Thành viên Hội đồng thành viên
Chức vụ tại tổ chức khác	:	<i>Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</i>
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	0,161 %
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	806.568 cổ phần

▪ Sở hữu cá nhân	:	806.568 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.1.6. Ông Lưu Tường Giai: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên	:	LƯU TƯỜNG GIAI
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	022873781; Cấp ngày 31/12/2001 tại TP.HCM
3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	22/09/1965
5. Nơi sinh	:	Hải Phòng
6. Quê quán	:	Xã An Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	97/4 Trần Khát Chân, Quận I, TP Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại cơ quan	:	04. 3771 8989
11. Trình độ văn hoá	:	12/12
12. Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội
13. Quá trình công tác	:	
▪ 1982 – 1987	:	Học tại Đại học Hàng Hải - Hải Phòng
▪ 1988 – 1990	:	Kinh doanh ở Hải Phòng
▪ 1990 – 1993	:	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán <i>Công ty Gemartrans</i>
▪ 1994 – 1999	:	Phó Phòng Tài chính Kế toán <i>Công ty Gemartrans</i>
▪ 1999 – 2004	:	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán <i>Công ty Gemartrans</i>
▪ 2004 – 2008	:	Phó Tổng Giám đốc - <i>Công ty Gemartrans</i>
▪ 2/2009 – nay	:	Trưởng Ban kiểm soát - <i>CTCP Gemadept</i>

▪ 2007 – nay	: Thành viên Hội đồng Quản trị - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ tại tổ chức khác	: Trưởng Ban kiểm soát <i>CTCP Gemadept</i>
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	: 2,44%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	: 12.198.729 cổ phần
▪ Sở hữu cá nhân	: 63.389 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 12.135.340 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	: 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.1.7. Bà Vũ Thị Liên: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

1. Họ và tên	: VŨ THỊ LIÊN
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 013056911; Cấp ngày : 3/4/2008; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	: ☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 15/02/1952
5. Nơi sinh	: Hải Dương
6. Quê quán	: Hải Dương
7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: NVC 11, Trung Hòa – Nhân Chính, Tổ 28 Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	: 04.37710969
11. Trình độ văn hoá	: 10/10
12. Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng Trường Kinh tế - Tài chính Leningrad (Liên Xô) Cử nhân ngành lý luận chính trị
13. Quá trình công tác	

▪ 1974 – 1981	:	Giảng viên, chủ nhiệm chuyên môn <i>Trường Trung cấp Ngân hàng Bắc Ninh</i>
▪ 1981 – 1981	:	Sinh viên – <i>Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội</i>
▪ 1982 – 1986	:	Nghiên cứu sinh – <i>Trường Kinh tế-Tài chính Leningrad</i>
▪ 1987 – 1988	:	Giáo viên - <i>Trường cao cấp Ngân hàng Hà Nội (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)</i>
▪ 1988 - 1993	:	Phó phòng Khoa học, Phó chủ nhiệm Khoa Kế toán Ngân hàng - <i>Trường cao cấp Ngân hàng Hà Nội (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)</i>
▪ 1993 - 1998	:	Phó Giám đốc - <i>Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)</i>
▪ 1998 – 2002	:	Vụ phó, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo <i>Ngân hàng Thương Ương</i>
▪ 4/2002 – 6/2007	:	Phó Thống Đốc – Ngân hàng Nhà nước
▪ 6/2007 – nay	:	Nghỉ hưu
▪ 11/2007 – nay	:	Hiệu trưởng – <i>Trường Đại học Đại Nam</i>
▪ 1/2011 – nay	:	Thành viên HĐQT – <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Hiệu trưởng – <i>Trường Đại học Đại Nam</i>
15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	0%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	0 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

12.2.1. Ông Trần Anh Tuấn: Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Chi tiết sơ yếu lý lịch ông Trần Anh Tuấn tại [12.1.2](#)

12.2.2. Ông Phùng Duy Khương: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	:	PHÙNG DUY KHƯƠNG
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	E1017676 tại Australia
3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	24/7/1976
5. Nơi sinh	:	TP.Hồ Chí Minh
6. Quê quán	:	Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Úc
9. Địa chỉ thường trú	:	8/37 Nguyễn Đình Khơi, P.4, Tân Bình, TP.HCM
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37718989
11. Trình độ văn hoá	:	Đại học
12. Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kế toán
13. Quá trình công tác		
		Phó chủ tịch phụ trách tài chính
		<i>GE Money South East Asia</i>
▪ 2001 – 2007	:	Kiểm Giám đốc Phát triển kinh doanh
		<i>GE Money Vietnam</i>
▪ 2008 – 7/2010	:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng cá nhân
		<i>Ngân hàng Đông Á</i>
▪ 8/2011 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng cá nhân - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng cá nhân
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0%
Số cổ phiếu nắm giữ	:	0 cổ phần, trong đó
(tại ngày 31/3/2011)	:	
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- 16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0%
- 17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18. Các khoản nợ đối với MSB : Không
- 19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.2.3. Ông Nguyễn Hoàng Linh: Phó Tổng Giám đốc

- 1. Họ và tên : **NGUYỄN HOÀNG LINH**
- 2. Số chứng minh thư nhân dân : 030967902
- 3. Giới tính : ☒ nam ☐ nữ
- 4. Ngày tháng năm sinh : 8/4/1977
- 5. Nơi sinh : Hải Phòng
- 6. Quê quán : Hải Phòng
- 7. Dân tộc : Kinh
- 8. Quốc tịch : Việt Nam
- 9. Địa chỉ thường trú :
- 10. Số điện thoại cơ quan : 04.37718989
- 11. Trình độ văn hoá : Đại học
- 12. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- 13. Quá trình công tác
 - Lần lượt giữ các chức vụ sau tại *Maritime Bank*:
 - 1998 – 7/2010 : Trưởng phòng Kinh doanh
Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp
Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
 - 7/2010 – nay : Phó Tổng Giám đốc – *Maritime Bank*
Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
 - 10/2010 – nay : *Maritime Bank*
- 14. Chức vụ hiện nay tại MSB : Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB : 0%
- Số cổ phiếu nắm giữ
(tại ngày 31/3/2011) : 0 cổ phần, trong đó
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Các khoản nợ đối với MSB : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.2.4. Ông Nguyễn Hoàng An: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : **NGUYỄN HOÀNG AN**
2. Số chứng minh thư nhân dân : 030801497 cấp ngày 22/11/1995 tại Hải Phòng
3. Giới tính : ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh : 10/3/1969
5. Nơi sinh : Hải Phòng
6. Quê quán : Hải Phòng
7. Dân tộc : Kinh
8. Quốc tịch : Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú : 64/259 phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan : 04.37718989
11. Trình độ văn hoá : Đại học
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác

Lần lượt giữ các chức vụ sau tại:

Trưởng phòng tín dụng – MSB Quảng Ninh

Phó phòng xử lý rủi ro hội sở

▪ 1992 – nay

:

Maritime Bank

Trưởng phòng tín dụng MSB Hà Nội

Giám đốc MSB Thanh Xuân

	Giám đốc MSB Hà Nội
	Phó Tổng Giám đốc
	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn và
▪ 10/2010 – 01/2011	: Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn - <i>Maritime Bank</i>
▪ 1/2011 - nay	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	: 0,006%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	: 28.350 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	: 28.350 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	: 0,005%, cụ thể: Vợ - Phạm Thị Hà Thủy sở hữu 26.000 cổ phần
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.2.5. Bà Nguyễn Hương Loan: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	: NGUYỄN HƯƠNG LOAN
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 011676234; Cấp ngày: 15/08/2005; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	: ☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 25/03/1973
5. Nơi sinh	: Hà Nội
6. Quê quán	: Hà Nội
7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: B7 tổ 9, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

- | | | |
|--|---|--|
| 10. Số điện thoại cơ quan | : | 04.37713428 |
| 11. Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| 12. Trình độ chuyên môn | : | Thạc sỹ quản trị kinh doanh |
| 13. Quá trình công tác | : | |
| ▪ 1998 – 2005 | : | Phó Phòng Quản lý Nguồn vốn
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương - Techcombank</i> |
| ▪ 2006 – 3/2008 | : | Phó Giám đốc trung tâm Treasury - <i>Techcombank</i> |
| ▪ 3/2008 – 10/2008 | : | Giám đốc khối Treasury Ban Trù bị
<i>Ngân hàng Vietstarbank</i> |
| ▪ 10/2008 – 5/2009 | : | Giám đốc khối Treasury - <i>PG Bank</i> |
| ▪ 5/2009 – nay | : | Phó Tổng Giám đốc - <i>MaritimeBank</i> |
| 14. Chức vụ hiện nay tại MSB | : | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : | Không |
| 15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB | : | 0,022% |
| Số cổ phiếu nắm giữ
(tại ngày 31/3/2011) | : | 108.000 cổ phần, trong đó |
| ▪ Sở hữu cá nhân | : | 108.000 cổ phần |
| ▪ Đại diện sở hữu | : | 0 cổ phần |
| 16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB
của những người liên quan | : | 0% |
| 17. Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| 18. Các khoản nợ đối với MSB | : | Không |
| 19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB | : | Không |

12.2.6. Ông Nguyễn Đình Tùng: Phó Tổng Giám đốc

- | | | |
|-------------------------------|---|---|
| 1. Họ và tên | : | NGUYỄN ĐÌNH TÙNG |
| 2. Số chứng minh thư nhân dân | : | 331335274; Cấp ngày: 6/2/2006 tại Hải Phòng |
| 3. Giới tính | : | ☒ nam ☐ nữ |
| 4. Ngày tháng năm sinh | : | 30/11/1971 |
| 5. Nơi sinh | : | Hải Phòng |
| 6. Quê quán | : | Hải Phòng |

7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: 95/38 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Bình Thạnh, HCM
10. Số điện thoại cơ quan	: 08.39306266
11. Trình độ văn hoá	: 12/12
12. Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác	
▪ Từ 1992 – 2002	: Phó Giám đốc - <i>Maritime Bank HCM</i>
▪ Từ 2002 – 10/2008	: Phó Tổng giám đốc - <i>Ngân hàng Quốc tế</i>
▪ Từ 11/2008 – 3/2009	: Giám đốc - <i>ING Private Bank</i>
▪ Từ 4/2009 – nay	: Phó Tổng Giám đốc - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	: 0,0289 %
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	: 144.644 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	: 144.644 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	: 0,0014% Vợ - Nguyễn Thị Thanh Thủy sở hữu 6.834 cổ phần
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.2.7. Ông Trần Văn Hải: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	: TRẦN VĂN HẢI
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 011733308; Cấp ngày: 27/5/1960 tại Hà Nội
3. Giới tính	: ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 27/5/1960
5. Nơi sinh	: Hà Nội

6. Quê quán	:	Bình Lục, Hà Nam
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Nhà 24/131 Thái Hà, Đống Đa, Hà nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37718989
11. Trình độ văn hoá	:	Đại học
12. Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
13. Quá trình công tác		
▪ 1986 - 1995	:	Giảng viên Khoa nghiệp vụ Ngân hàng thương mại <i>Học viện Ngân hàng</i>
▪ 1995 – 1996	:	Phó Giám đốc - <i>VPBank Hải Phòng</i>
▪ 1996 – 1999	:	Giám đốc - <i>VPBank Hải Phòng</i> Trưởng phòng tín dụng Hội sở
▪ 1999 – 2001	:	Thành viên Hội đồng tín dụng Thành viên ALCO <i>VPBank</i>
▪ 2001	:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Điều hành - <i>VP Bank</i> Giám đốc Hội sở Thành viên Hội đồng tín dụng
▪ 2002	:	Thành viên ALCO Thành viên Ban thu hồi nợ <i>VPBank</i> Phó Tổng Giám đốc
▪ 2002 – 2009/2010	:	Thành viên Hội đồng tín dụng và hội đồng ALCO Phụ trách trung tâm chuyển tiền nhanh WU <i>VPBank</i>
▪ 10/2010 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm xử lý Tín dụng tập trung Hà Nội - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm xử lý Tín dụng tập trung Hà Nội
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không

15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB : 0,031%
- Số cổ phiếu nắm giữ
(tại ngày 31/3/2011) : 154.961 cổ phần, trong đó
- Sở hữu cá nhân : 154.961 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0,049%, cụ thể:
Vợ - Nguyễn Thị Thu Hà sở hữu 244.985 cổ phiếu
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Các khoản nợ đối với MSB : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.2.8. Ông Tạ Ngọc Đa: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : **TẠ NGỌC ĐA**
2. Số chứng minh thư nhân dân : 022583176; Cấp ngày: 10/10/2009 tại TP.HCM
3. Giới tính : ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh : 10/4/1964
5. Nơi sinh : Hải Phòng
6. Quê quán : Hải Phòng
7. Dân tộc : Kinh
8. Quốc tịch : Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú : 1502 Chung cư 249A, Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội
10. Số điện thoại liên cơ quan : 04.37718989
11. Trình độ văn hoá : Đại học
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính tín dụng
13. Quá trình công tác
- 1997 - 2006 : Công tác tại *Công ty cho thuê tài chính Kexim VN*
Lần lượt giữ chức vụ tại *NH Quốc tế Việt Nam*
 - 2006 - 2010 : Giám đốc Khối DN vừa và nhỏ
Giám đốc Khối Quản lý tín dụng
 - 2010 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm xử lý
Tín dụng tập trung HCM - *Maritime Bank*

14. Chức vụ hiện nay tại MSB	: Giám đốc Trung tâm xử lý Tín dụng tập trung HCM
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	: 0%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	: 0 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	: 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.2.9. Bà Đào Minh Anh: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	: ĐÀO MINH ANH
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 011919846; Cấp ngày: 9/4/2007; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	: ☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 17/5/1972
5. Nơi sinh	: Thái Bình
6. Quê quán	: Thái Bình
7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: SN 80/548, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	: 04.37711779
11. Trình độ văn hoá	: 12/12
12. Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác	
▪ 1993 -1995	: Giảng viên - <i>Đại học Kinh tế Quốc dân</i>
▪ 1995 – 1997	: Giảng viên - <i>Trung tâm cao học SAV</i>
▪ 1998 – 2004	: Phó Trưởng Phòng Nguồn vốn

		<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>
		Trưởng phòng Tái thẩm định
▪ 2005 – 6/2007	:	<i>Ngân hàng Quốc tế VIB</i>
▪ 6/2007 – 9/2008	:	Giám đốc khối Quản lý tín dụng - <i>VIB</i>
▪ 10/2008 – 4/2009	:	Phó Tổng Giám đốc - <i>VIB</i>
▪ 10/2008 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0,039%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	195.269 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	195.269 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.2.10. Ông Nguyễn Quốc Khánh: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	:	NGUYỄN QUỐC KHÁNH
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	012315164; Cấp ngày: 24/01/2000; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	25/09/1975
5. Nơi sinh	:	Hà Đông, Hà Tây
6. Quê quán	:	Hà Đông, Hà Tây
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	Nhà 39, ngõ 113, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37713693
11. Trình độ văn hoá	:	12/12

12. Trình độ chuyên môn	:	Tiến sỹ khoa học máy tính
13. Quá trình công tác		
▪ 01/2000 – 06/2001	:	Kỹ sư an ninh phần mềm <i>Trung tâm Công nghệ Motorola tại Australia</i>
▪ 6/2001 – 1/2006	:	Kiến trúc sư phần mềm, quản lý cấp trung <i>Công ty Gemplus Singapore</i>
▪ 2/2006 – 4/2007	:	Giám đốc kỹ thuật - <i>FPT Software</i> Phó trưởng ban Trù bị - <i>Ngân hàng Dầu khí</i>
▪ 4/2007 – 4/2009	:	Phó Tổng Giám đốc - <i>Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)</i> Phó Tổng Giám đốc
▪ 5/2009 - nay	:	kiêm Giám đốc khối Công nghệ Ngân hàng – <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Công nghệ Ngân hàng
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0,058%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	289.288 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	289.288 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.2.11. Ông Trần Thanh Nam: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	:	TRẦN THANH NAM
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	013071662 cấp ngày 6/6/2010 tại Hà Nội
3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ

4. Ngày tháng năm sinh	:	16/10/1975
5. Nơi sinh	:	Hà Nội
6. Quê quán	:	Hà Tĩnh
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	121 C3 Kim Liên, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37718989
11. Trình độ văn hoá	:	Đại học
12. Trình độ chuyên môn	:	Tiến sỹ Công nghệ thông tin
13. Quá trình công tác		
▪ 1998 - 2006	:	Kỹ sư – <i>DSTC (Australia)</i> Tư vấn cao cấp – <i>Readify (Australia)</i>
▪ 2006 – 2007	:	Giám đốc chương trình – <i>Microsoft (Mỹ)</i>
▪ 2007 – 1/2010	:	Phó Tổng Giám đốc – <i>Mobivi (Việt Nam)</i>
▪ 1/2010 -9/2010	:	Phó Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng <i>Maritime Bank</i>
▪ 10/2010 – 1/2011	:	Phó Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng kiêm Giám đốc Trung tâm Phát triển Công nghệ Ngân hàng <i>Maritime Bank</i>
▪ 2/2011 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban trù bị thành lập Khối Vận hành kiêm Giám đốc Trung tâm Phát triển Công nghệ Ngân hàng - <i>Maritime Bank</i> Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban trù bị thành lập
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Khối Vận hành kiêm Giám đốc Trung tâm Phát triển Công nghệ Ngân hàng
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	0 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần

16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Các khoản nợ đối với MSB : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.2.12. Ông Trần Xuân Quảng: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : **TRẦN XUÂN QUẢNG**
2. Số chứng minh thư nhân dân : 011970284 cấp ngày 28/6/1996 tại Hà Nội
3. Giới tính : ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh : 22/8/1970
5. Nơi sinh : Hải Phòng
6. Quê quán : Hải Phòng
7. Dân tộc : Kinh
8. Quốc tịch : Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú : 34A Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan : 04.37718989
11. Trình độ văn hoá : Đại học
12. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác
- 1991 – 1993 : Kế toán tổng hợp – *Nhà máy len Hải Phòng*
Lần lượt giữ các chức vụ sau tại *Maritime Bank*:
Cán bộ thanh toán quốc tế
Trưởng phòng thanh toán quốc tế
Trưởng phòng Kinh doanh trụ sở chính
 - 1993 – 2008 : Phụ trách nhóm dự án hiện đại hóa ngân hàng
Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Giám đốc Sở Giao dịch
Phó Tổng giám đốc phụ trách Nguồn vốn và Khách hàng cá nhân
 - 2008 – 2010 : Phó Tổng Giám đốc

	Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp
	Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
	<i>BaoViet Bank</i>
▪ 1/2011 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Khối Quản lý chiến lược
	<i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	Phó Tổng Giám đốc kiêm
	Giám đốc Khối Quản lý chiến lược
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	: 0%
Số cổ phiếu nắm giữ	: 0 cổ phần, trong đó
(tại ngày 31/3/2011)	
▪ Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	: 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	: Không

12.2.13. Ông Trương Thanh Đức: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên	: TRƯƠNG THANH ĐỨC
2. Số chứng minh thư nhân dân	: 013.014.424; Cấp ngày: 27/10/2007 tại Hà Nội
3. Giới tính	: ☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	: 10/4/1964
5. Nơi sinh	: Hải Phòng
6. Quê quán	: Hải Phòng
7. Dân tộc	: Kinh
8. Quốc tịch	: Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	: 1502 Chung cư 249A, Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	: 04.37718989
11. Trình độ văn hoá	: 10/10

12. Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác		
▪ 1986 -1994	:	Nhân viên <i>Công ty Kinh doanh Du lịch Dịch vụ Hải Phòng</i>
▪ 1994 – 1996	:	CV P.Kiểm soát nội bộ <i>NH Công Thương Hải Phòng</i> Lần lượt giữ các vị trí sau tại <i>Maritime Bank</i> : ❖ Chuyên viên chính Văn phòng ❖ Chuyên viên chính Ban tư vấn HĐQT
▪ 1996 – 2002	:	❖ Phó chánh văn phòng ❖ Phó trưởng Ban Pháp chế ❖ Ủy viên Ban chỉ đạo xử lý nợ MSB ❖ Ủy viên Hội đồng xử lý Rủi ro MSB Lần lượt giữ các vị trí sau: ❖ Phó phòng Kế hoạch dịch vụ ❖ Phó chánh văn phòng
▪ 2002 – 2006	:	❖ Trưởng phòng Pháp chế ❖ Ủy viên Hội đồng tín dụng ❖ Thành viên Tổ định giá tài sản đảm bảo <i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)</i>
▪ 2006 – 3/2008	:	Trưởng Phòng Pháp chế và Trưởng Ban thư ký HĐQT - <i>Maritime Bank</i>
▪ 4/2008 – 1/2011	:	Giám đốc Pháp chế - <i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>
▪ 2/2011 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0.010%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	50.723 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	50.723 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần

16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Các khoản nợ đối với MSB : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.3. Ban Kiểm soát

12.3.1. Bà Phạm Thị Thành: Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên : **PHẠM THỊ THÀNH**
2. Số chứng minh thư nhân dân : 012969301; Cấp ngày 03/05/2007; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính : ☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh : 07/12/1964
5. Nơi sinh : Hà Nội
6. Quê quán : Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội
7. Dân tộc : Kinh
8. Quốc tịch : Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú : Số 26, Ngõ 505 Đường Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
10. Số điện thoại cơ quan : 04.37710976
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
13. Quá trình công tác
- 11/1981 – 04/1986 : Kế toán viên
Ngân hàng huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây
 - 05/1986 – 12/1989 : Phó Kế toán Quỹ Tiết kiệm
Ngân hàng huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây
 - 01/1990 – 05/1991 : Cán bộ Phòng Đại diện
Ngân hàng Nhà nước tại huyện Thanh Oai, Hà Tây
 - 06/1991 – 10/1991 : Phó Phòng Đại diện
Ngân hàng Nhà nước tại huyện Thanh Oai, Hà Tây

▪ 11/1991 – 02/1992	:	Cán bộ Phòng kế toán <i>Ngân hàng Nhà nước Hà Tây</i>
▪ 03/1992 – 04/1005	:	Phó Phòng kế toán - <i>Ngân hàng Nhà nước Hà Tây</i>
▪ 05/1995 – 08/2001	:	Phó Giám đốc - <i>Ngân hàng Nhà nước Hà Tây</i>
▪ 09/2001 – 01/2003	:	Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát <i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
▪ 02/2003 – 02/2008	:	Ủy viên Hội đồng Quản trị - Trưởng Ban Kiểm soát <i>Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam</i>
▪ 04/2008 – 08/2008	:	Phụ trách Phòng Kiểm toán Nội bộ - Ban Trù bị Thành lập <i>Ngân hàng TMCP Năng lượng Việt Nam</i>
▪ 09/2008 – 10/2008	:	Trợ lý Ban Điều hành - <i>Maritime Bank</i>
▪ 11/2008 – 03/2009	:	Tổ trưởng Tổ trợ lý Ban Điều hành <i>Maritime Bank</i>
▪ 4/2009 – 8/2009	:	Thành viên Ban Kiểm soát – <i>Maritime Bank</i>
▪ 9/2009 – nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Trưởng Ban Kiểm Soát
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0,004%
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	18.904 cổ phần
▪ Sở hữu cá nhân	:	18.904 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.3.2. Ông Trần Đức Hạ: Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên	:	TRẦN ĐỨC HẠ
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	020041342; Cấp ngày: 2/10/2003; tại: TP.HCM

3. Giới tính	:	☒ nam ☐ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	14/10/1952
5. Nơi sinh	:	Huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước
6. Quê quán	:	Nam Định
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	81/28 Nguyễn Cửu Vân, P17, Bình Thạnh, TP.HCM
10. Số điện thoại cơ quan	:	
11. Trình độ văn hoá	:	10/10
12. Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật khoa
13. Quá trình công tác	:	
▪ 1973 – 1975	:	Chuyên viên Kinh tế tài chính Quỹ Phát triển Kinh tế Quốc Gia – <i>Ngân hàng Quốc gia Việt Nam</i>
▪ 1975 – 1977	:	Nhân viên Vụ Tổng hợp <i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
▪ 1977 – 1982	:	Cán bộ - <i>Ngân hàng Thương nghiệp Trung ương</i>
▪ 1982 - 1983	:	Cán bộ Ban chỉ đạo phát triển đồng bằng Sông Cửu Long – <i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
▪ 1983 - 1989	:	Cán bộ - <i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM</i>
		Lần lượt giữ các vị trí sau:
		Thành viên Ban trừ bị thành lập
▪ 1989 – 1995	:	Trưởng phòng Ngân quỹ
		Trợ lý Tổng Giám đốc
		Quyền Giám đốc chi nhánh Lãnh Bình Thăng
		<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM</i>
		Lần lượt giữ các vị trí sau:
		Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ
▪ 1996 – 2004	:	Ủy viên phụ trách nghiệp vụ BQL dự án CNTT
		Trưởng phòng xử lý nợ
		<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>

▪ 2004 – 2006	:	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM <i>Ngân hàng TMCP Ngoại Quốc Doanh (VP Bank)</i>
▪ 2006 – 3/2010	:	Thành viên BKS – <i>VP Bank</i>
▪ 4/2010 – nay	:	Thành viên BKS Chuyên trách - <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Thành viên BKS Chuyên trách
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0 %
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	0 cổ phần
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	:	0%
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

12.3.3. Bà Nguyễn Thu Hằng: Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên	:	NGUYỄN THU HẰNG
2. Số chứng minh thư nhân dân	:	011609215; Cấp ngày: 10/08/2005; Nơi cấp: Hà Nội
3. Giới tính	:	☐ nam ☒ nữ
4. Ngày tháng năm sinh	:	13/08/1973
5. Nơi sinh	:	Hà Nội
6. Quê quán	:	Đan Phượng, Hà Tây
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Quốc tịch	:	Việt Nam
9. Địa chỉ thường trú	:	304 G2 Tập thể Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
10. Số điện thoại cơ quan	:	04.37713416
11. Trình độ văn hoá	:	12/12
12. Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Đại học Thương Mại và cử nhân Tiếng Anh Kinh tế đối ngoại <i>Đại học Ngoại Thương</i>

13. Quá trình công tác

- 09/1994 – 10/1996 : Kế toán viên - *Công ty TNHH Phát triển Công nghệ*
- 11/1996 – 08/2003 : Kiểm toán viên chính - *Công ty Kiểm toán Việt Nam*
- 09/2003 – 06/2007 : Chủ nhiệm Kiểm toán - *Công ty Kiểm toán Việt Nam*
- 07/2007 – 04/2009 : Trưởng Phòng Kiểm toán Nội bộ - *Maritime Bank*
- 05/2009 – nay : Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát
Maritime Bank

14. Chức vụ hiện nay tại MSB : Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB : 0,001%

Số cổ phiếu nắm giữ
(tại ngày 31/3/2011) : 6.533 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 6.533 cổ phần
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan : 0%

17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18. Các khoản nợ đối với MSB : Không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB : Không

12.4. Bà Nguyễn Thị Lữ - Kế toán trưởng

- 1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ LỮ**
- 2. Số chứng minh thư nhân dân : 012845896; Cấp ngày: 12/05/2006; tại Hà Nội
- 3. Giới tính : ☐ nam ☒ nữ
- 4. Ngày tháng năm sinh : 01/05/1965
- 5. Nơi sinh : Hà Nội
- 6. Quê quán : Thôn Văn Giang, xã Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
- 7. Dân tộc : Kinh
- 8. Quốc tịch : Việt Nam
- 9. Địa chỉ thường trú : 58 Cầu Gổ, phường Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội

10. Số điện thoại cơ quan	:	0437713731
11. Trình độ văn hoá	:	10/10
12. Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
13. Quá trình công tác		
▪ 1986 - 1988	:	Công tác tại <i>NH nhà nước Huyện Gia Lâm</i>
▪ 1988 - 1989	:	Công tác tại <i>NH nghiệp vụ khu vực I – Hà nội</i>
▪ 1989 - 1991	:	Công tác tại Văn phòng đại diện Hoàn kiếm I <i>Ngân hàng Nhà nước, thành phố Hà Nội</i>
▪ 1991 - 1994	:	Công tác tại Sở giao dịch <i>NH Công Thương Việt Nam</i>
▪ 1994- 2008	:	Công tác tại <i>Ngân hàng Công Thương Việt Nam</i>
▪ 2008- 2009	:	Công tác tại <i>NH Công Thương VN – CN Hoàn Kiếm</i>
▪ 2009- Nay	:	Kế toán trưởng – <i>Maritime Bank</i>
14. Chức vụ hiện nay tại MSB	:	Kế toán trưởng
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không
15. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB	:	0 %
Số cổ phiếu nắm giữ (tại ngày 31/3/2011)	:	0 cổ phần, trong đó
▪ Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
▪ Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
16. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSB của những người liên quan	:	0 %
17. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
18. Các khoản nợ đối với MSB	:	Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với MSB	:	Không

13. TÀI SẢN

Maritime Bank áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng cho tài sản cố định hữu hình và vô hình. Thời gian sử dụng ước tính như sau:

❖ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
❖ Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
❖ Phương tiện vận tải	8 – 10 năm

❖ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
❖ Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
❖ Phần mềm máy tính	4 – 10 năm
❖ Tài sản cố định vô hình khác	5 năm
❖ Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TSCĐHH tại 31.12.2010	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1.	Nhà cửa vật kiến trúc	25.000	9.594	15.406
2.	Máy móc thiết bị	86.510	32.009	54.501
3.	Phương tiện vận tải	73.092	17.113	55.979
4.	Thiết bị dụng cụ quản lý	18.754	9.478	9.276
5.	TSCĐ khác	21.955	8.006	13.949
	Tổng	225.311	76.200	149.111
STT	TSCĐHH tại 31.3.2011	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
6.	Nhà cửa vật kiến trúc ¹⁰	337.780	14.476	323.304
7.	Máy móc thiết bị	91.792	35.733	56.060
8.	Phương tiện vận tải	73.092	18.838	54.254
9.	Thiết bị dụng cụ quản lý	20.685	10.392	10.293
10.	TSCĐ khác	22.255	9.015	13.239
	Tổng	545.604	88.455	457.149

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 và BCTC hợp nhất Q1 2011 của Maritime Bank

¹⁰ Tại Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2011, MSB đã gộp Nhà cửa vật kiến trúc thuê tài chính (tại BCTC hợp nhất kiểm toán 2010) vào hạng mục "Tài sản cố định hữu hình".

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 27: Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TSCĐVH tại 31.12.2010	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1.	Quyền sử dụng đất	140.640	795	139.845
2.	Phần mềm máy vi tính	44.530	29.887	14.643
3.	TSCĐ vô hình khác	3.075	1.019	2.056
	Tổng	188.245	31.701	156.544
STT	TSCĐVH tại 31.12.2010	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
4.	Quyền sử dụng đất	140.640	770	139.870
5.	Phần mềm máy vi tính	44.529	31.267	13.262
6.	TSCĐ vô hình khác	3.075	1.271	1.805
	Tổng	188.245	33.308	154.937¹¹

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 và BCTC hợp nhất Q1 2011 của Maritime Bank

13.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Tại 31.03.2011, MSB đã ghi nhận toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính vào Tài sản cố định hữu hình (nhà cửa vật kiến trúc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định thuê tài chính của Maritime Bank là Nhà cửa, vật kiến trúc. Tài sản này phát sinh trong năm 2010. Thông tin chi tiết về tài sản này như sau (theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 của Maritime Bank):

❖ Nguyên giá	312.780 triệu đồng
❖ Khấu hao	3.054 triệu đồng
❖ Giá trị còn lại	309.726 triệu đồng

13.4. Bất động sản đầu tư

¹¹ Làm tròn từ 154.936.897.601 đồng thành 154.937 triệu đồng.

Bảng 28: Bất động sản đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

STT	BĐSDT tại 31.12.2010	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.903	387	10.516
2.	Quyền sử dụng đất	61.897	391	61.506
	Tổng	72.800	778	72.022
STT	BĐSDT tại 31.3.2011	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
3.	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.797	512	11.285
4.	Quyền sử dụng đất	71.123	501	70.622
	Tổng	82.920	1.013	81.907

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 và BCTC hợp nhất Q1 2011 của Maritime Bank**14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO**

- ❖ Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và các năm trước
- ❖ Căn cứ vào đánh giá ngành ngân hàng của Ban lãnh đạo Maritime Bank
- ❖ Căn cứ vào đề xuất của Ban lãnh đạo Maritime Bank

Ngày 29 tháng 01 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Maritime Bank đã thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2011 như sau:

Bảng 29: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2011

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị
1.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	150.000
2.	Vốn huy động tại thị trường I và huy động trái phiếu	Tỷ đồng	99.178
3.	Dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	Tỷ đồng	57.700 ¹²
4.	Nợ xấu (nhóm 3-5)	Tỷ đồng	< 2%

¹² Theo phương án phát hành cập nhật, kế hoạch dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư dự kiến sẽ giảm từ 57.700 tỷ đồng xuống 38.190 tỷ đồng để phù hợp với yêu cầu giảm tỉ lệ dư nợ tín dụng của Chỉ thị 01/CT-NHNN do NHNN ban hành ngày 1.3.2011.

5.	Số điểm giao dịch mới	Tỷ đồng	100
6.	Lợi nhuận trước thuế thu nhập (bao gồm cả phần thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng), trong đó	Tỷ đồng	1.850
	LNTT TNDN (không tính khoản thu hồi nợ xấu đã xử lý bằng DPRR)	Tỷ đồng	1.830
	Thu nhập do thu hồi nợ xấu đã xử lý bằng DPRR của các năm trước	Tỷ đồng	20
7.	Tổng số lao động	Tỷ đồng	6.600
8.	Quỹ lương cán bộ nhân viên, trong đó	Tỷ đồng	458,79
	Đơn giá tiền lương: 19,94% thu nhập chưa chi lương CBNV	Tỷ đồng	455,79
	Tỉ lệ thưởng vượt mức KHKD cho CBNV: 19,94% phần tăng	Tỷ đồng	
	Đối với các khoản phải thu hồi nợ xấu đã xử lý bằng DPRR của các năm trước, đơn giá là 15% giá trị thu được	Tỷ đồng	3
9.	Lương của Tổng Giám đốc (năm)	Tỷ đồng	5
10.	Thù lao và chi phí HĐQT, BKS	Tỷ đồng	5
11.	Tỉ lệ chia lợi tức cổ phần	%	17%
12.	Phương án tăng Vốn Điều lệ từ 5.000 lên 8.000 tỷ đồng	Tỷ đồng	3.000
	Đợt 1: Phát hành cho CDHH với tỉ lệ 100:20	Tỷ đồng	2.000
	Đợt 2: Phát hành 100 triệu cổ phiếu thưởng	Tỷ đồng	1.000
13.	Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị	Tỷ đồng	896,77

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Maritime Bank

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, MSBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Dựa vào số liệu trong quá khứ, triển vọng phát triển của ngành ngân hàng¹³, nền kinh tế Việt Nam và thế giới chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận trong năm 2011 của Maritime Bank có tính khả thi.

¹³ NHNN đặt ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm 2011 là 23%

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA MARITIME BANK

16.1. Chia thưởng cổ phiếu trong quý IV 2011

Maritime Bank dự kiến, sau khi hoàn thành việc tăng Vốn Điều lệ từ 5.000 tỷ đồng lên 7.000 tỷ đồng trong quý II 2011, Maritime Bank sẽ tiếp tục chia thưởng 100 triệu cổ phần từ:

- ❖ Nguồn thặng dư vốn cổ phần
- ❖ Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều lệ
- ❖ Lợi nhuận để lại

Việc chia thưởng dự kiến sẽ được thực hiện vào quý IV 2011.

16.2. Các cam kết ngoại bảng

Bảng 30: Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

STT	Chỉ tiêu tại 31.12.2010	Đơn vị	Năm 2010
1.	Các bảo lãnh đưa ra	Triệu đồng	5.463.677
2.	Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	Triệu đồng	1.311.068
	Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh	Triệu đồng	(978.796)
	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	Triệu đồng	5.795.949
STT	Chỉ tiêu tại 31.3.2011	Đơn vị	Năm 2010
3.	Các bảo lãnh đưa ra	Triệu đồng	2.280.907
4.	Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	Triệu đồng	1.877.771
	Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh	Triệu đồng	
	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	Triệu đồng	4.158.679¹⁴

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010 và BCTC hợp nhất Q1 2011 của Maritime Bank

¹⁴ Làm tròn từ 4.158.678.585.188 đồng thành 4.159 triệu đồng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Maritime Bank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Maritime Bank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro này về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Maritime Bank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hóa mở thư tín dụng và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Maritime Bank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Maritime Bank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Maritime Bank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Maritime Bank thường yêu cầu ký quỹ để đảm bảo cho công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Maritime Bank đánh giá.

17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI MARITIME BANK MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Không có

18. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

18.1. Thông tin chung về đợt chào bán trước

18.1.1. Kế hoạch chào bán

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phần ra công chúng số 684/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 9 năm 2010, Maritime Bank được phép thực hiện chào bán như sau:

- ❖ Vốn Điều lệ trước khi thực hiện chào bán : 3.000 tỷ đồng
- ❖ Chia thưởng cho cổ đông hiện hữu : 24.000.000 cổ phần
- ❖ Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 176.000.000 cổ phần
- ❖ Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu : 13.000 đồng/cổ phần

❖ Vốn Điều lệ sau khi thực hiện chào bán : 5.000 tỷ đồng

18.1.2. Kết quả chào bán

Bảng 31: Kết quả chào bán theo giấy phép 684/UBCK-GCN

STT	Đối tượng	Số cổ phần chào bán		Giá VNĐ/CP	Số tiền thu về 1.000 VNĐ
		Dự kiến	Thành công		
1.	Chia thưởng cho CĐHH	24.000.000	23.998.905	-	-
2.	Chào bán cho CĐHH	176.000.000	80.102.529	13.000	1.041.332.877
3.	Phân phối cổ phiếu lẻ/dư	95.898.566	95.898.566	13.000	1.246.681.358
	Tổng		200.000.000		2.288.014.235

Nguồn: Báo cáo kết quả phát hành số 799/2010/CV-HĐQT ngày 10.11.2010 của MSB

18.2. Tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán

Bảng 32: Báo cáo kết quả sử dụng vốn từ đợt chào bán theo giấy phép 684/UBCK-GCN

STT	Hạng mục	ĐVT	Giá trị
1.	Đầu tư cơ sở vật chất và công nghệ	Tỷ đồng	845
2.	Tăng cường tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	Tỷ đồng	988
3.	Tăng cường đầu tư, liên doanh, góp vốn	Tỷ đồng	247
4.	Phát triển dịch vụ và các hoạt động phi tín dụng	Tỷ đồng	143
5.	Phát triển mở rộng quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu	Tỷ đồng	65
	Tổng	Tỷ đồng	2.288

Nguồn: Maritime Bank

PHẦN V: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. LOẠI CỔ PHIẾU

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. MỆNH GIÁ

10.000 đồng/cổ phần

3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN

200.000.000 cổ phần

4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN

12.000 đồng/cổ phần

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

- ❖ Ngày 29 tháng 1 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Maritime Bank đã ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào tại thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thị trường và đảm bảo các quy định của pháp luật.
- ❖ Ngày 24 tháng 2 năm 2011, Hội đồng quản trị Maritime Bank đã ra nghị quyết 25.12/NQ-HĐQT về việc xác định giá cổ phiếu phát hành đợt 1 năm 2011 là **12.000 đồng/cổ phần**.
- ❖ Căn cứ tính giá chào bán:

Bảng 33: P/E của các ngân hàng lớn đang niêm yết

STT	Tên Ngân hàng	Mã CK	Nơi niêm yết	P/E
1.	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	HSX	10,06
2.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	HSX	N/A
3.	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	EIB	HSX	10,67
4.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	HSX	5,19
5.	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	HNX	7,89
6.	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	HBB	HNX	6,86
7.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	SHB	HNX	7,61

Nguồn: *Bản tin số 27 của HSX và Bản tin số 1282 của HNX ngày 17.02.2011*

Căn cứ các số liệu trên, P/E trung bình của ngành tại ngày 17.02.2011 là **8.05**

Với giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phần, P/E của MSB sẽ như sau:

P/E ₂₀₁₀	=	P	=	12.000	= 7,25
		EPS 2010 _{VĐL 7.000 tỷ}		(1.157.117)/700	
P/E ₂₀₁₁	=	P	=	12.000	= 6,05
		EPS 2011 _{VĐL 7.000 tỷ}		(1.850.000*75%)/700	

Với mức P/E này, cổ phiếu MSB vẫn được đánh giá là hấp dẫn hơn so với trung bình ngành ngân hàng.

6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

Phân phối trực tiếp

7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU

Quý II năm 2011. Tổng thời gian phân phối: 90 ngày thường tương đương khoảng 66 ngày làm việc. Chi tiết thời gian phân phối dự kiến (ngày làm việc) như sau:

- ❖ Ngày nhận giấy phép chào bán : T
- ❖ Công bố thông tin về việc nhận giấy phép : T ÷ (T+5)
- ❖ Chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành : (T+15) ÷ (T+20)
- ❖ Thời hạn chuyển nhượng quyền mua : (T+23) ÷ (T+47)
- ❖ Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua : (T+23) ÷ (T+49)
- ❖ Thời gian phân phối cổ phiếu lẻ : (T+60) ÷ (T+65)
- ❖ Thực hiện báo cáo đợt phát hành : (T+66)

8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU

Cổ đông nộp hồ sơ đăng ký và thực hiện quyền trực tiếp tại Maritime Bank. Chi tiết thời gian sẽ được nêu trong Thông báo phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN

Tỉ lệ thực hiện quyền: **5:2**

Mỗi cổ đông sở hữu 05 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ có 02 quyền mua, năm (05) quyền mua được mua thêm 02 cổ phần mới giá 12.000 đồng/cổ phần, **số cổ phần lẻ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.**

Ví dụ: Cổ đông A có 08 cổ phần, thì số cổ phần cổ đông A được quyền mua thêm là:
Làm tròn xuống của $(08 \times 02/05) = 3$ cổ phần

Quyền mua cổ phần chào bán có thể được chuyển nhượng. Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

10. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CỔ PHIẾU LẺ

Cổ phần chào bán không phân phối hết và số cổ phiếu lẻ do làm tròn đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị chào bán theo cách thức và điều kiện phù hợp song không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

11. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

12. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Nghị định 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 của Chính phủ quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng thương mại Việt Nam và Thông tư hướng dẫn số 07/2007/TT-NHNN ngày 29/11/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định 69/2007/NĐ-CP thì các nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ tối đa 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại. Hiện nay tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Maritime Bank là 0% Vốn điều lệ.

13. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

13.1. Thuế giá trị gia tăng

- ❖ Phí và hoa hồng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ
- ❖ Giao dịch ngoại tệ, vàng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp trực tiếp
- ❖ Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với Ngân hàng là 25%

14. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

- ❖ Tên đơn vị thụ hưởng : Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
- ❖ Số tài khoản : 00000049130100051
- ❖ Nơi mở tài khoản : Ngân hàng TMCP Đại Dương

PHẦN VI: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc tăng Vốn Điều lệ của Maritime Bank từ 5.000 tỷ lên 7.000 tỷ trong quý II năm 2011 thông qua việc chào bán cho cổ đông hiện hữu là nhu cầu tất yếu về việc tăng cường năng lực tài chính phục vụ tăng trưởng theo chiến lược phát triển của Maritime Bank, cụ thể:

Thứ nhất, đầu tư cơ sở vật chất cho việc phát triển mạng lưới ngân hàng, phát triển công nghệ và nhân sự. Tính đến 31 tháng 12 năm 2010, Maritime Bank đã có 138 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc. Maritime Bank cần tăng Vốn Điều lệ phục vụ cho yêu cầu mở rộng mạng lưới theo chiến lược kinh doanh 2010 – 2013 với kế hoạch trong năm 2011 mở mới 100 điểm giao dịch tập trung chủ yếu trên địa bàn khu vực miền Nam và các tỉnh thành nơi chưa có sự hiện diện của Maritime Bank. Ngoài ra, Maritime Bank dự định đầu tư phát triển công nghệ và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên cũ và mới tuyển dụng.

Thứ hai, tăng cường tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn. Maritime Bank dự kiến tăng dư nợ tín dụng lên 38.190 tỷ đồng vào cuối năm 2011 với tỷ trọng tín dụng trung hạn dự kiến khoảng 35 – 40%. Đối tượng cấp tín dụng sẽ chú trọng mạnh đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong ngành sản xuất, thương mại và doanh nghiệp bán lẻ tại các địa bàn kinh tế phát triển như TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu.

Thứ ba, tăng mức góp vốn, mua cổ phần với các đối tượng là các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, có tiềm năng phát triển lâu dài với Maritime Bank, ưu tiên các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, tín dụng tiêu dùng, phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ trung gian thanh toán để mở rộng hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn tăng năng lực tài chính của các công ty con trực thuộc.

Thứ tư, phát triển dịch vụ và các hoạt động phi tín dụng như dịch vụ kiều hối, đầu tư hệ thống ATM và công nghệ để mở rộng liên kết thẻ, kết nối thanh toán, mở rộng quan hệ với các ngân hàng nước ngoài, dịch vụ tài trợ thương mại.

Thứ năm, phát triển mở rộng quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

Trong năm 2011 và thời gian tiếp theo, Maritime Bank sẽ triển khai những chương trình lớn trong lĩnh vực đầu tư tài sản cố định, mở rộng mạng lưới hoạt động cũng như đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Số tiền huy động được của đợt phát hành dự kiến là 2.400 tỷ đồng. Kế hoạch sử dụng số

vốn huy động được cụ thể như sau:

Bảng 34: Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán

STT	Khoản mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ VNĐ)
1.	Đầu tư cơ sở vật chất, phát triển mạng lưới hoạt động	550
2.	Tăng cường tín dụng ngắn, trung và dài hạn	Ít nhất 1.020
3.	Đầu tư, góp vốn vào các lĩnh vực ưu tiên và công ty trực thuộc	250
4.	Phát triển dịch vụ ngân hàng và các hoạt động phi tín dụng	120
5.	Phát triển mở rộng quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu	60
	Tổng	Ít nhất 2.000

Nguồn: Tờ trình số 39/2011/TT-HĐQT ngày 20.1.2011 trình ĐHĐCĐ thường niên 2011

Thặng dư thu được từ đợt chào bán lần này (dự kiến khoảng 400 tỷ đồng) sẽ được Maritime Bank tăng cường tín dụng ngắn, trung và dài hạn.

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Bảng 35: Kế hoạch sử dụng vốn từ đợt chào bán

STT	Khoản mục đầu tư	Tỷ đồng	Thời gian giải ngân
1.	Đầu tư cơ sở vật chất, phát triển mạng lưới hoạt động	550	Quý III-IV 2011
2.	Tăng cường tín dụng ngắn, trung và dài hạn	1.020	Quý III-IV 2011
3.	Đầu tư, góp vốn	250	Quý III-IV 2011
4.	Phát triển dịch vụ ngân hàng và hoạt động phi tín dụng	120	Quý III-IV 2011
5.	Phát triển mở rộng quan hệ công chúng, thương hiệu	60	Quý III-IV 2011
	Tổng	2.000	

Nguồn: Maritime Bank

Số tiền thặng dư từ đợt chào bán sẽ được Maritime Bank sử dụng để tăng cường tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong 6 tháng cuối năm 2011.

PHẦN VII: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Địa chỉ : Tầng 1&3, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3776 5929 Fax: (84.4) 3776 5928
Website : www.msbs.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED

Địa chỉ : Tầng 15, 360 Kim Mã, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3831 5100 Fax: (84.4) 3831 5090
Website : www.ey.com

PHẦN VIII: PHỤ LỤC

1. BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
2. BẢN SAO HỢP LỆ ĐIỀU LỆ MARITIME BANK
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2009 VÀ 2010
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2011
5. SƠ YẾU LÍ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG
6. CÁC VĂN BẢN TÀI LIỆU KHÁC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG TMCP MARITIME BANK

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ THỊ LIÊN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



PHẠM THỊ THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ LỮ

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẾ MINH